

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Bố cục.....	4
CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG	5
1.1 Khái niệm du lịch	5
1.2 Khái niệm văn hoá.....	7
1.3 Mối quan hệ giữa du lịch và văn hoá	8
1.3.1 Vai trò của du lịch đối với văn hoá	8
1.3.2 Vai trò của văn hoá đối với sự phát triển du lịch	11
1.4 Tài nguyên du lịch.....	13
1.4.1 Quan niệm về tài nguyên du lịch	13
1.4.2 Phân loại tài nguyên du lịch	14
1.5 Tín ngưỡng thờ nhân thần của người Việt.....	24
TIÊU KẾT	26
CHƯƠNG 2. GIÁ TRỊ VĂN HOÁ CỦA MỘT SỐ DI TÍCH THỜ TRẦN HƯNG ĐẠO Ở HẢI PHÒNG	27
2.1 Giới thiệu khái quát môi trường hình thành các di tích	27
2.1.1 Lịch sử hình thành.....	27
2.1.2 Vị trí địa lý.....	28
2.1.3 Điều kiện tự nhiên	29
2.1.4 Điều kiện kinh tế – xã hội và đời sống dân cư	32
2.1.5 Sự phát triển du lịch Hải Phòng	33
2.2 Cuộc đời và sự nghiệp của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.....	38
2.3 Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần (Hưng Đạo Đại Vương)	42
2.4 Một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng.....	45
2.4.1 Di tích lịch sử đền Phú Xá	46
2.4.2 Di tích lịch sử văn hoá Chùa Vẽ	50
2.4.3 Di tích đền Tràng Kênh.....	55

2.4.4 Các di tích thuộc cụm Liên Khê	58
2.5 Lễ hội truyền thống tại một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng	66
2.5.1 Lễ hội ở cụm di tích Liên Khê	66
2.5.2 Lễ hội đền Tràng Kênh.....	67
2.5.3 Lễ hội chùa Vẽ và đền Phú Xá	68
TIÊU KẾT	71
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM BẢO TỒN CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ, PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI MỘT SỐ DI TÍCH THỜ TRẦN HƯNG ĐẠO Ở HẢI PHÒNG.	72
3.1 Thực trạng hoạt động du lịch tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng.....	72
3.1.1 Thực trạng về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch	72
3.1.2 Thực trạng về khách du lịch.....	74
3.1.3 Công tác quản lý và tổ chức khai thác, tổ chức đội ngũ lao động du lịch	75
3.1.4 Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của các điểm di tích	76
3.2 Một số giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển du lịch tại một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng	77
3.2.1 Giải pháp xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch	78
3.2.2 Giải pháp bảo vệ, tôn tạo và tu bổ di tích.....	81
3.2.3 Giải pháp duy trì và tổ chức các lễ hội truyền thống	82
3.2.4 Giải pháp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực	83
3.2.5 Giải pháp xây dựng các kế hoạch nhằm quảng bá du lịch	84
3.2.6 Một số kiến nghị cụ thể	85
TIÊU KẾT	86
KẾT LUẬN	87

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Theo dòng chảy của lịch sử Việt Nam, các vương triều phong kiến đã tồn tại rất lâu đời, qua hàng ngàn năm. Mỗi triều đại qua đi đều để lại những dấu ấn thật đặc biệt qua từng thời kỳ họ trị vì đất nước. Dù hưng thịnh hay suy vong, đó đều là những yếu tố sự thật, không thể chối cãi qua nhiều giai đoạn thăng trầm trong mỗi thời đại. Việt Nam tuy chỉ là một đất nước nhỏ bé nhưng ngay từ khi ra đời đã luôn bị đế quốc phương Bắc dòm ngó, cùng với nhiều nỗi lo khác nhau. Thật là đặc biệt ở chỗ, mỗi một triều đại phong kiến của chúng ta, dường như nhà nào cũng gặp phải nạn ngoại xâm. Cũng từ đó, ý chí anh hùng quật cường của nhân dân ta được bộc lộ, đó là lòng yêu nước vô bờ bến của cả quân và dân. Lịch sử đã chỉ rõ, bằng lòng quyết tâm đánh và chiến thắng kẻ thù, được sự tin yêu, ủng hộ trong lòng dân chúng thì triều đại nào cũng đuổi được bè lũ cướp nước. Và điều này lại càng được thể hiện một cách xuất sắc ở thời đại nhà Trần. Bằng chứng xác thực nhất là sự đóng góp lớn lao của các đời vua và những danh tướng trong công cuộc gìn giữ sự thanh bình của quốc gia mà họ luôn sống với tinh thần “sinh vi tướng, tử vi thần” luôn được thế hệ sau tôn thờ.

Trong phả hệ Trần triều, Trần Quốc Tuấn được nhắc đến như một vị tướng oai hùng nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là những câu chuyện thú vị mang đậm chất giáo lí về tư cách đạo đức, làm người quân tử với đất nước, với dân tộc. Đó là tấm gương cho các triều đại về sau này, học hỏi về ông lòng trung quân ái quốc, con người tài năng bậc nhất trên mọi lĩnh vực: quân sự, y học, văn học...

Ngày nay khi nhắc đến ông, người ta không chỉ nhớ đến một vị tướng tài trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của vương triều Trần mà còn nhận định ngay đến một vị thánh linh thiêng: đức thánh Trần – Hưng Đạo Đại Vương. Ông được coi là Thánh, là Cha trong lòng dân chúng và được thờ ở mọi miền trên khắp Tổ quốc. Các di tích trân trọng thờ ông, dù là điện thờ chính hay chỉ là thờ phối tự nhưng không thể phủ nhận sự hiện diện của ông trong đền, chùa, miếu mạo vô cùng quan trọng với nhân dân mỗi vùng.

Trong dư địa chí của Việt Nam, Hải Phòng là mảnh đất lưu giữ nhiều di tích lịch sử văn hoá có giá trị như: đền Nghè, đền Bà Đẻ, đình Hàng Kênh, chùa Dư

Hàng... Và không thể không kể đến những di tích có thờ Trần Hưng Đạo tại đây.

Các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng vẫn còn lưu giữ được nhiều giá trị lịch sử văn hoá giúp cho thế hệ hôm nay có thể tìm hiểu kỹ hơn về thân thế và sự nghiệp của Ngài. Mỗi di tích ở Hải Phòng thờ đức thánh Trần, tuy đều có điểm chung là thờ vị anh hùng của dân tộc nhưng tại mỗi nơi lại cho người ta nhiều cảm giác khác nhau, đều để lại những ấn tượng sâu sắc.

Cũng như các di tích khác, hệ thống di tích lịch sử văn hóa thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng đã trở thành gạch nối giữa quá khứ và hiện tại có ý nghĩa to lớn trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư. Đó là những di tích thực sự có giá trị về lịch sử văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật... Thế nhưng, tính cho đến thời điểm này, một số các di tích trong đó không nhận được sự quan tâm cần thiết đối với giá trị của mình. Hơn nữa, những di tích đó đã từng được đánh giá rất có hữu ích trong việc phát triển du lịch văn hoá của thành phố này tồn tại một vấn đề lớn là chưa được khai thác thực sự hiệu quả cho hoạt động du lịch. Bởi vậy, em đã mạnh dạn chọn đề tài: “*Tìm hiểu một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng*” với mục đích nhằm phát huy các giá trị của các di tích này phục vụ cho mục đích hoạt động du lịch và cũng chính bởi vì lòng tôn kính đối với Hưng Đạo Vương cùng những chiến công oanh liệt của Ngài.

Trong quá trình tìm hiểu và viết khoá luận, là một sinh viên, với vốn hiểu biết còn rất nhiều hạn chế nên trong nội dung bài viết còn có nhiều điểm thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý sửa chữa, chỉ bảo của các thầy cô và các bạn.

2. Mục đích nghiên cứu

Với đề tài: “*Tìm hiểu một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng*”, khoá luận nhằm mục đích:

- Phác hoạ khái quát các di tích về lịch sử, kiến trúc, hiện vật, lễ hội...
- Chỉ ra các giá trị lịch sử - văn hoá của các di tích đó.
- Thực trạng khai thác về khía cạnh du lịch.
- Đề xuất một số kiến nghị với chính quyền địa phương, và ngành du lịch cùng các ngành có liên quan ở Hải Phòng về việc khai thác giá trị lịch sử văn hoá tại các điểm di tích thờ Trần Hưng Đạo phục vụ cho phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

- Tập trung nghiên cứu những lí luận có liên quan đến đề tài
- Nghiên cứu các yếu tố về giá trị kiến trúc, văn hoá lịch sử, lễ hội truyền thống tại các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu thờ Trần Hưng Đạo ở thành phố Hải Phòng.
- Hoạt động du lịch tại Hải Phòng nói chung và các di tích thờ Trần Hưng Đạo tại đây nói riêng.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu trong phạm vi một số các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng như di tích lịch sử văn hoá chùa Vẽ, đền Phú Xá (Đông Hải, Hải An), đền Tràng Kênh (Minh Đức, Thuỷ Nguyên) và đền Thụ Khê, chùa Thiềm Khê, chùa Mai Động thuộc cụm di tích Liên Khê.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài này thuộc lĩnh vực nghiên cứu Khoa học xã hội và nhân văn cho nên được sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

4.1 Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Đây là phương pháp chủ yếu để thực hiện khoá luận này, bao gồm tổng hợp nguồn tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Trong quá trình tiến hành, tác giả đã thu thập các thông tin qua sách báo, các nguồn tin trên mạng internet, các công trình nghiên cứu khác về hoạt động du lịch tại các khu di tích thờ Trần Hưng Đạo tại Hải Phòng làm cơ sở phân tích, đánh giá trong khoá luận.

4.2 Phương pháp xã hội học

Để những nghiên cứu có tính khách quan, tác giả đã thực hiện những phỏng vấn ngắn đối với người dân quanh các khu di tích được giới thiệu trong bài, cũng như những người có nhiệm vụ trông coi, quản lí tại điểm đó và một số những người có công việc thường xuyên tại các di tích những ngày có hội.

4.3 Phương pháp khảo sát thực địa

Tác giả đã tiếp cận trực tiếp với đối tượng nghiên cứu bằng cách thực hiện công việc quan sát tại điểm di tích, cùng với đó là thành lập những bảng hỏi khái quát dành cho một số những khách du lịch ngẫu nhiên khi họ đến tham quan di tích. Đây là phương pháp quan trọng để tiến hành nghiên cứu nhằm góp phần cho kết quả của bài luận mang tính xác thực.

4.4 Phương pháp phân tích tổng hợp

Từ những tài liệu đã thu thập được, kết hợp với kết quả khảo sát thực địa và từ các thông tin của những người được phỏng vấn, tác giả tiến hành xử lý theo từng bước nhỏ, phân tích và đưa ra kết luận.

5. Bố cục

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Nội Dung của khoá luận được chia làm ba chương:

- + **Chương 1: Một số vấn đề lí luận chung.**
- + **Chương 2: Giá trị văn hoá của một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng.**
- + **Chương 3: Thực trạng và một số giải pháp, kiến nghị nhằm bảo tồn các giá trị văn hoá, phát triển du lịch tại một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng.**

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1 Khái niệm du lịch

Ngày nay, trên phạm vi toàn thế giới, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hoá - xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng ở nhiều nước trên thế giới. Không giới hạn là những cuộc dã ngoại phạm vi nhỏ, các chuyến du lịch quốc tế mở ra rất nhiều sự mới mẻ thoả mãn con người không dừng lại chỉ ở nghỉ ngơi, giải trí, mà đó còn là đáp ứng nhu cầu to lớn về mặt tinh thần, cung cấp nguồn kiến thức vô hạn và các mối quan hệ giữa các dân tộc được mở rộng, làm nền tảng cơ sở vững chắc cho nền hoà bình thế giới.

Thuật ngữ “du lịch” trong ngôn ngữ nhiều nước, bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp với ý nghĩa là “đi một vòng”. Thuật ngữ này được Latinh hoá thành “tornes” và sau đó thành “tourisme” (tiếng Pháp), “tourism” (tiếng Anh)...v.v. Theo Robert Lanquar, từ “tourist” lần đầu tiên được xuất hiện trong tiếng Anh vào khoảng năm 1980.

Trong tiếng Việt, thuật ngữ Tourism được thông dịch qua tiếng Hán. *Du* có nghĩa là đi chơi, *lịch* có nghĩa là từng trải. Tuy nhiên, người Trung Quốc gọi Tourism là du lãm với nghĩa là đi chơi để nâng cao nhận thức. Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế – xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong vòng hơn 6 thập kỉ qua, kể từ khi thành lập Hiệp hội Quốc tế các tổ chức du lịch IUOTO (International of Union Official Travel Organization) năm 1925 tại Hà Lan, khái niệm du lịch luôn được tranh luận.

Do hoàn cảnh (thời gian và khu vực) khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu khác nhau. Đúng như một chuyên gia về du lịch đã nhận định: “Đối với du lịch, có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”.

Cho rằng du lịch không chỉ là hiện tượng di chuyển của cư dân mà phải là tất cả những gì có liên quan đến sự di chuyển đó nên Hunziker và Kraff định nghĩa: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ và hiện tượng bắt nguồn từ cuộc hành trình và lưu trú tạm thời của các cá nhân tại những nơi không phải là nơi ở và nơi làm việc thường xuyên của họ”.

Dưới con mắt của các nhà kinh tế, văn hoá học, du lịch không chỉ là một hiện tượng xã hội đơn thuần mà nó phải gắn chặt với hoạt động kinh tế, tuy nhiên mỗi học giả lại có những nhận định khác nhau:

Với cố gắng chỉ ra một khía cạnh kinh tế của du lịch, Picara Edmod đã đưa ra định nghĩa như sau: “Du lịch là tổng hoà việc tổ chức và chức năng của nó không chỉ về phương diện khách vãng lai mà chính về phương diện giá trị do khách chỉ ra và của những khách vãng lai đến với túi tiền đầy, tiêu dùng trực tiếp (trước hết trong khách sạn) và gián tiếp cho các chi phí của họ nhằm thoả mãn nhu cầu hiểu biết và giải trí”.

Azar nhận thấy “du lịch là một hình thức di chuyển tạm thời từ vùng này sang vùng khác, từ một nước này sang một nước khác, nếu không gắn với sự thay đổi lưu trú hay nơi làm việc”.

Theo Kaspar “du lịch là toàn bộ những quan hệ và hiện tượng xảy ra trong quá trình di chuyển và lưu trú của con người tại nơi không phải là nơi thường xuyên làm việc của họ”.

Trong quá trình hoạt động du lịch, thực tế chỉ ra rằng ngoài tiếp cận môi trường, phải có tiếp cận cộng đồng mới đảm bảo cho một sự phát triển lâu dài. Các tác giả Hoa Kỳ Rober W .McIntosh, Charles R .Goeldner, J. R Brent Ritchie phát biểu về du lịch như là: “Tổng hoà các hiện tượng và mối quan hệ nảy sinh từ tác động qua lại giữa du khách, nhà cung ứng, chính quyền và cộng đồng chủ nhà trong quá trình thu hút đón tiếp khách du lịch”.

Trong cuốn “Du lịch và kinh doanh du lịch” của Trần Nhuận có viết: “Du lịch là quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đến một nơi khác với mục đích chủ yếu là được thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo, khác lạ với quê hương, không nhằm mục đích sinh lời được tính bằng đồng tiền”.

Theo luật du lịch Việt Nam (2005) giải thích: “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”. (Điều 4)

Như vậy, qua các định nghĩa trên có thể hình dung được sự biến đổi trong nhận thức về nội dung thuật ngữ du lịch. Khái niệm du lịch là khái niệm bao hàm nội dung kép, một mặt nó mang ý nghĩa thông thường của từ, việc đi lại liên quan đến mục đích nghỉ ngơi giải trí; mặt khác du lịch là một liên ngành

liên quan đến nhiều thành phần quan trọng (khách du lịch, phương tiện giao thông, địa bàn đón khách...)

1.2 Khái niệm văn hoá

Văn hoá là sản phẩm do con người sáng tạo có từ thuở bình minh bắt đầu xã hội loài người.

Ở phương Đông văn hoá theo tiếng Trung Quốc là “Văn trị, giáo hoá” tức là cách cai trị mang hình thức đẹp đẽ kết hợp với giáo hoá, bản thân từ văn là biểu thị ra bên ngoài, là vẻ đẹp do màu sắc tạo ra, nó biểu hiện thành một hệ thống các quy tắc ứng xử được xem là đẹp đẽ.

Ở phương Tây văn hoá theo phiên âm La-tinh bắt nguồn từ hai nghĩa:

- Cultus: trông trọng ở ngoài đồng
- Cultus animi: trông trọng tinh thần, nghĩa là giáo dục con người

Con người chỉ có thể có văn hoá thông qua giáo dục dù vô thức hay có ý thức, con người không thể tự nhiên có văn hoá như tự nhiên, bản thân con người có cơ thể còn có nghĩa là giáo dục bồi dưỡng con người, tinh thần con người để có những phẩm chất tốt đẹp.

Tuy vậy, việc xác định và sử dụng khái niệm Văn hoá không đơn giản và thay đổi theo thời gian. Thuật ngữ Văn hoá với nghĩa “canh tác tinh thần” được sử dụng vào thế kỷ thứ XVII – XVIII bên cạnh nghĩa gốc quản lí canh tác nông nghiệp.

Vào thế kỷ thứ XIX, thuật ngữ “Văn hoá” được những nhà nhân loại học phương tây sử dụng như một danh từ chính. Những học giả này cho rằng văn hoá có thể phân ra từ trình độ thấp nhất đến trình độ cao nhất và văn hoá của họ chiếm vị trí cao nhất. Bởi vì họ cho rằng bản chất của văn hoá hướng về trí lực và sự vươn lên, sự phát triển dựa vào văn minh, EB.Taylor là đại diện của họ. Theo ông “Văn hoá là toàn bộ những phức thể bao gồm hiểu biết, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, những khả năng và tập quán khác mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội”.

Ở thế kỷ XX, khái niệm văn hoá thay đổi theo F.Boa, ý nghĩa văn hoá được quy định do khung giải thích riêng chứ không phải bắt nguồn từ cứ liệu cao siêu như “trí lực”, vì thế sự khác nhau về mặt văn hoá từng dân tộc cũng không phải theo tiêu chuẩn trí lực. Đó cũng là “tương đối luận của văn hoá”. Văn hoá không xét ở mức độ thấp cao mà ở góc độ khác biệt.

A.L.Kroeber và C.L.Kluckhohn quan niệm: “Văn hoá là loại hành vi rõ ràng và ám thị đã được đúc kết và truyền lại bằng biểu tượng, và nó là thành quả độc đáo của nhân loại khác với loại hình khác, trong đó bao gồm cả đồ tạo tác do con người làm ra”.

Văn hoá không phải là cụ thể một cái gì cả, không phải là phong tục tập quán hay tôn giáo tín ngưỡng. Văn hoá cũng không phải là các kĩ thuật sản xuất, văn hoá cũng không phải là các hoạt động chính trị, xã hội. Văn hoá cũng không phải những vật chất thường có như ăn uống, quần áo, nhà cửa mà văn hoá chính là dấu ấn của một cộng đồng lên mọi hiện tượng tinh thần vật chất của cộng đồng đó.

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về mặt ăn, ở và cá nhân phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”.

Theo PGS.TSKH Trần Ngọc Thêm “Văn hoá là một hệ thống hữu cơ có giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”. Định nghĩa này đã nêu bật bốn đặc trưng quan trọng của văn hoá: tính hệ thống, tính giá trị, tính lịch sử, tính nhân sinh.

Văn hoá là một quá trình hoạt động của con người tự do, biến đổi thế giới tự nhiên thành thế giới tự nhiên thứ hai có cấu trúc cao hơn và có dấu ấn người (có tính người). Trong quá trình đó con người hình thành cái thiên nhiên bên trong của chính mình (cảnh quan nội tại của chính mình), đồng thời thể hiện thái độ (ứng xử) với thiên nhiên thứ nhất lẫn thiên nhiên thứ hai và ứng xử đối với chính mình.

1.3 Môi quan hệ giữa du lịch và văn hoá

1.3.1 Vai trò của du lịch đối với văn hoá

Du lịch là tác nhân quan trọng để thúc đẩy văn hoá phát triển, giao lưu hội nhập giữa các nền văn minh của nhân loại. Việc khai thác các giá trị văn hoá cho việc phát triển du lịch còn có ý nghĩa quan trọng là giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hoá.

a/ Tác động tích cực

Một trong những chức năng của du lịch là giao lưu văn hoá giữa các cộng

đồng dân cư. Khi đi du lịch, du khách luôn muốn được thâm nhập vào các hoạt động văn hoá của địa phương, tạo ra quá trình giao lưu tiếp xúc giữa các cá thể, các địa phương, các cộng đồng. Quá trình giao tiếp này là môi trường để các ảnh hưởng tích cực thâm nhập vào xã hội, cộng đồng một cách nhanh chóng, nhờ sự thâm nhập này mà các nền văn hoá có điều kiện để tiếp xúc với những cái mới, tạo nên một nền văn hoá đa dạng giàu bản sắc.

Đi du lịch, con người có điều kiện để tiếp xúc với nhau nhiều hơn giữa mối quan hệ gần gũi và cả những mối quan hệ mới lạ. Những đức tính tốt trong mỗi người như chân thành, hay giúp đỡ người khác mới có dịp được thể hiện rõ nét. Du lịch là điều kiện để mọi người xích lại gần nhau hơn. Nhờ đó có thể nói qua du lịch con người hiểu nhau hơn, tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng.

Những chuyến du lịch, tham quan tại các di tích lịch sử, các công trình văn hoá có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Khi tiếp xúc trực tiếp các thành tựu văn hoá của dân tộc, được sự giải thích cặn kẽ của các hướng dẫn viên, du khách sẽ cảm nhận được giá trị to lớn của các di tích mà ngày thường họ không để ý tới, góp phần làm tăng thêm giá trị của mỗi công trình.

Một trong những ý nghĩa của du lịch là góp phần cho việc phục hồi và phát triển truyền thống văn hoá của dân tộc. Nhu cầu về nâng cao nhận thức văn hoá trong chuyến đi của du khách thúc đẩy các nhà cung ứng chú ý, yểm trợ cho việc khôi phục phát triển các di tích, lễ hội, sản phẩm làng nghề.

Du lịch góp phần quảng bá giới thiệu hình ảnh, giá trị truyền thống của văn hoá của một đất nước ra thế giới bên ngoài, là sợi dây vô hình gắn kết các giá trị của các nền văn hoá với nhau.

Cũng chính nhờ du lịch, cuộc sống cộng đồng trở nên sôi động hơn, các nền văn hoá có điều kiện hoà nhập với nhau, làm cho đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú hơn.

b/ Tác động tiêu cực

Bản chất của hoạt động du lịch là giao lưu tiếp xúc giữa các cá thể, giữa các cộng đồng có thể giới quan không phải luôn luôn đồng nhất. Quá trình giao tiếp này cũng là môi trường để các ảnh hưởng tiêu cực thâm nhập vào xã hội một cách nhanh chóng: nạn mại dâm, nghiện hút, cờ bạc...

Khi đi du lịch, du khách luôn muốn được thâm nhập vào các hoạt động văn hoá của địa phương. Song nhiều khi sự thâm nhập với mục đích chính đáng bị

lạm dụng và sự thâm nhập biến thành sự xâm hại.

Để thoả mãn nhu cầu của du khách, vì lợi ích kinh tế to lớn trước mắt nên các hoạt động văn hoá truyền thống được trình diễn một cách thiếu tự nhiên hoặc chuyên nghiệp hoặc mang ra làm trò cười cho du khách. Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết về nguồn gốc, ý nghĩa của các hành vi lễ hội, người ta giải thích một cách sai lệch hoặc thậm chí là bậy bạ. Giá trị truyền thống dần dần bị lu mờ do sự lạm dụng văn hoá vì mục đích kinh tế.

Do chạy theo số lượng, không ít mặt hàng truyền thống được chế tác lại để làm hàng lưu niệm cho du khách, sản xuất cầu thả đã làm méo mó giá trị chân thực của truyền thống, làm sai lệch hình ảnh của một nền văn hoá bản địa.

Một trong những xu hướng thường thấy ở các nước nghèo đón khách ở các quốc gia giàu có, là người dân bản xứ, đặc biệt là giới trẻ ngày càng có biểu hiện chối bỏ truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách. Do có cách nhận thức khác nhau về đạo đức, một số du khách không thấy những hành động, cử chỉ, cách ăn mặc... của mình là không phù hợp với văn hoá truyền thống của cư dân nơi đến du lịch.

Sự có mặt quá nhiều của các du khách tại địa phương đã ảnh hưởng đến tâm lý người dân địa phương, làm cho không ít người khó chịu bởi những hành vi và cách biểu hiện tình cảm khác lạ của các du khách.

Khai thác quá mức các giá trị văn hoá đang là nguyên nhân làm cho các di tích bị xuống cấp trầm trọng và có nguy cơ bị biến mất khỏi nền văn hoá xã hội hiện đại.

Hoạt động du lịch với những đặc thù riêng của nó dễ làm biến dạng các lễ hội truyền thống. Dù lễ hội truyền thống có tính cởi mở thì nó vẫn có những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội cổ truyền, vốn chỉ phù hợp với một khuôn mẫu và không gian bản địa. Trong khi đó, hoạt động du lịch mang tính liên ngành, liên vùng, xã hội hoá cao sẽ dễ làm mất sự cân bằng, dẫn tới sự phá vỡ các khuôn mẫu truyền thống của địa phương trong quá trình diễn ra lễ hội.

Hiện tượng thương mại hoá, các hoạt động lừa đảo, gây tâm lý lo lắng cho du khách, làm giảm lượng khách đến lễ hội lần sau. Du khách đến lễ hội đông kéo theo nhiều nhu cầu khác nhau, tạo ra sự mất cân đối trong quan hệ cung cầu, dễ dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn. Bản sắc vùng miền có nguy cơ bị mờ do kết quả của sự giao thoa

văn hoá thiếu lành mạnh, không thể tránh khỏi đem đến từ phía một bộ phận du khách.

Những tác động tiêu cực trên nằm trong những biến động không ngừng. Vì tương lai phát triển du lịch bền vững, vì các giá trị văn hoá truyền thống của nhân loại, ngành du lịch nói chung, người làm du lịch nói riêng phải tự đặt cho mình trách nhiệm góp phần thúc đẩy những mối quan hệ, tình cảm tốt đẹp, những hành vi ứng xử với môi trường văn hoá thân thiện hơn, khai thác các giá trị văn hoá phải luôn gắn với trùng tu, tôn tạo.

1.3.2 Vai trò của văn hoá đối với sự phát triển du lịch

Các đối tượng văn hoá được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn. Nếu như tài nguyên thiên nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Các đối tượng văn hoá - tài nguyên du lịch nhân văn, là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá phong phú. Mặt khác, nhận thức văn hoá còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách. Như vậy xét dưới góc độ thị trường vừa là yếu tố cung vừa góp phần hình thành yếu tố cầu của hệ thống du lịch.

Tài nguyên du lịch nói chung, tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng luôn được xem là tiền đề phát triển du lịch, thực tế cho thấy tài nguyên du lịch nhân văn càng phong phú càng đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả hoạt động càng cao.

Văn hoá là nguồn lực nhân văn quan trọng, có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển của du lịch và là nguồn nội sinh để du lịch phát triển phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại đồng thời tạo ra những sản phẩm du lịch có tính đặc thù, cụ thể là:

Văn hoá là động cơ, là mục đích của chuyến đi, là mục tiêu khám phá của con người. Đặc biệt trong xu thế hội nhập hiện nay, nhu cầu du lịch của con người ngày một tăng cao, họ muốn tìm hiểu khám phá những nền văn minh của nhân loại, khám phá những nét văn hoá mới thì vai trò của văn hoá ngày nay càng được thể hiện đậm nét.

Môi trường thiên nhiên, môi trường văn hoá và nhân văn có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển du lịch, yếu tố cơ bản để tạo nên sự phong phú về loại hình và sản phẩm du lịch. Sản phẩm du lịch bao giờ cũng là sự tập hợp của nhiều yếu tố, trong đó văn hoá đóng vai trò hết sức quan trọng bởi nó làm thoả mãn được

nhu cầu tìm hiểu của du khách.

Có thể nói văn hoá dân tộc là tài sản vô giá, cốt lõi của một dân tộc, là cơ sở để tạo ra những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Đối với sản phẩm du lịch, văn hoá tuy không phải là thành tố duy nhất song việc sử dụng bản sắc văn hoá vào trong từng sản phẩm du lịch đã phần nào tạo nên cốt cách văn hoá riêng hoàn toàn không thể pha trộn được.

Tài nguyên du lịch nhân văn là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch, sự phong phú và đa dạng của tài nguyên du lịch nhân văn đã tạo nên sự đa dạng và phong phú của sản phẩm du lịch. Các sản phẩm văn hoá như tranh vẽ, điêu khắc, tượng nặn... tạo nên một động lực thúc đẩy quan trọng của du lịch: tranh Đông Hồ, tranh lụa là sản phẩm du khách rất ưa thích

Tài nguyên du lịch càng độc đáo, đặc sắc thì giá trị sản phẩm du lịch và độ thu hút khách đến càng cao. Để làm vui lòng khách, người ta làm đồ bán hoặc tặng làm kỉ niệm các đồ vật có ấn tượng, hình ảnh gợi nhớ nơi đến du lịch, tại các làng nghề truyền thống thì các đồ vật, sản phẩm du lịch lại càng có ý nghĩa nhiều hơn.

Trình diễn dân ca và các loại hình văn hoá nghệ thuật truyền thống cũng như hiện đại cũng là một biểu hiện của văn hoá. Thực tế ở một số nước âm nhạc là nguồn chủ yếu để mua vui và làm hài lòng du khách trong các cơ sở lưu trú. Đặc biệt, các khách sạn, nhà nghỉ tại nơi nghỉ mát cũng có thể mang lại cơ hội cho khách thưởng thức âm nhạc một cách tốt nhất. Các chương trình giải trí buổi tối như hoà nhạc, ghi âm và hệ thống tái bản âm thanh đều tăng thêm khía cạnh nghệ thuật đang tồn tại của quốc gia đó. Hoà nhạc, diễu hành và các lễ hội được du khách rất hoan nghênh. Các băng hình, đĩa nhạc mà khách có thể mua là phương tiện rất hiệu quả nhằm duy trì, gìn giữ nền văn hoá của một địa phương.

Chất lượng tài nguyên du lịch nhân văn là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả hoạt động du lịch. Trình diễn dân ca và các loại hình nghệ thuật truyền thống cũng như hiện đại là một biểu hiện của văn hoá tạo nên sức hút lôi cuốn, sôi động, và mạnh mẽ của một nền văn hoá đối với du khách. Các hình thức và chương trình tiến hành đầy màu sắc, trang phục cổ truyền dân tộc, âm nhạc, điệu nhảy và trình độ nghệ thuật đã tăng thêm sức hấp dẫn với du khách, làm tăng thêm giá trị của tài nguyên du lịch.

Nền nông nghiệp của một khu vực cũng là mối quan tâm của du khách. Mô hình du lịch nông thôn làm cho du khách hoà mình vào cuộc sống của người

nông dân vừa giúp cho du khách hiểu thêm về bản chất một nền văn hoá, vừa giúp những người nông dân mở mang nhận thức một cách trực tiếp. Những hệ thống nông nghiệp điển hình là những điểm hấp dẫn đối với những người dân muốn đi thăm một khu nông nghiệp đặc trưng. Việc học hỏi kinh nghiệm canh tác trong chuyến đi có thể làm thay đổi tác phong, thái độ trong cư xử lao động. Điều này cũng có thể được coi là một ảnh hưởng tích cực của du lịch đến văn hoá nói chung.

Những hoạt động các trường đại học, trung học, tiểu học cũng như các trường tư và hình thức tổ chức đào tạo, hướng nghiệp... là những đặc trưng của nền văn hoá khu vực đó và có thể sử dụng ở mức đáng kể như những trung tâm thu hút du khách.

Các trung tâm đào tạo đại học thường tạo ra những cơ hội thu hút các học viên từ những vùng khác nhau trong nước đó hay từ những nước khác trên thế giới. Điều này khuyến khích việc đi lại. Các hội nghị kinh doanh quốc tế của tập đoàn công nghiệp cũng như các tổ chức giáo dục đào tạo và khoa học thường được tổ chức ở các trường đại học hoặc các viện giáo dục đào tạo khác. Nhiều hội thảo quốc gia và quốc tế được các trường đại học hoặc các viện nghiên cứu khởi xướng và tổ chức thu hút hàng ngàn người tham gia và có tiếng vang rất lớn. Hội thảo Việt Nam học tổ chức tháng 07 năm 1998 là một ví dụ điển hình.

Các nguồn tài nguyên đều rất quan trọng với việc phát triển du lịch vì thế cần cụ thể hoá các mục tiêu, chiến lược bằng việc đầu tư xây dựng, tôn tạo, các tài nguyên du lịch đặc sắc của các địa phương, nghiên cứu ảnh hưởng của nó tới sự phát triển của xã hội.

Để vừa khai thác các giá trị văn hoá phục vụ cho phát triển du lịch vừa bảo tồn và gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống, đòi hỏi các cấp chính quyền có phương hướng chiến lược đúng đắn, các nhà làm du lịch phải hiểu và tôn trọng những giá trị đích thực của tài nguyên để phát triển du lịch một cách bền vững.

1.4 Tài nguyên du lịch

1.4.1 Quan niệm về tài nguyên du lịch

Theo Điều 4 - Luật Du lịch Việt Nam: “*Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử – văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du*

lịch, đô thị du lịch”.

Du lịch là một trong những ngành kinh tế có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch các loại với chất lượng cao, có sức hấp dẫn khách du lịch lớn và mức độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức hút khách du lịch càng mạnh.

Tài nguyên có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành, chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch. Đồng thời tài nguyên du lịch cũng chịu sự chi phối gián tiếp của các nhân tố kinh tế – xã hội: phương thức sản xuất và tính chất của quan hệ sản xuất, trình độ phát triển kinh tế – xã hội và cơ cấu, khối lượng nhu cầu du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là tổng thể các yếu tố tự nhiên, văn hoá - lịch sử đã bị biến đổi ở nhiều mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch là một phạm trù lịch sử, bởi vì những thay đổi cơ cấu và lượng nhu cầu đã lôi cuốn vào hoạt động du lịch những thành phần mới mang tính chất tự nhiên cũng như tính chất văn hoá - lịch sử. Khái niệm “Tài nguyên du lịch” là một phạm trù động, vì nó thay đổi tùy thuộc vào sự tiến bộ của kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu. Khi đánh giá tài nguyên xác định hướng khai thác các tài nguyên du lịch cần tính đến những đổi thay trong tương lai về nhu cầu cũng như khả năng kinh tế, kỹ thuật khai thác các loại tài nguyên du lịch mới.

1.4.2 Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch vốn rất phong phú và đa dạng, song vẫn có thể phân chia thành hai loại đó là: tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn

1.4.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

Thiên nhiên là môi trường sống của con người và mọi sinh vật trên trái đất. Thiên nhiên bao quanh gồm các yếu tố và các thành phần tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên và các quá trình biến đổi của chúng, tạo nên các điều kiện tự nhiên thường xuyên tác động đến sự sống và hoạt động của con người.

Chỉ có các thành phần và các thể tổng hợp tự nhiên trực tiếp hoặc gián tiếp được khai thác sử dụng để tạo ra các sản phẩm du lịch, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch mới được xem là tài nguyên du lịch tự nhiên. Các tài nguyên du lịch tự nhiên luôn luôn gắn liền với các điều kiện tự nhiên cũng như các điều kiện lịch sử - văn hoá, kinh tế - xã hội và chúng thường được khai thác đồng thời với các tài nguyên du lịch nhân văn.

Khi tìm hiểu, nghiên cứu về tài nguyên du lịch tự nhiên, người ta thường nghiên cứu từng thành phần của tự nhiên, các thể tổng hợp tự nhiên và các hiện tượng đặc sắc của tự nhiên.

Trong số các thành phần của tự nhiên, có một số thành phần chính có tác động trực tiếp và thường xuyên đối với các hoạt động du lịch và trong số các thành phần này cũng chỉ có một yếu tố nhất định được khai thác như nguồn tài nguyên du lịch. Các thành phần tự nhiên tạo nên tài nguyên du lịch tự nhiên thường là địa hình, khí hậu, thuỷ văn và sinh vật.

1.4.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên du lịch có nguồn gốc nhân tạo, nghĩa là do con người sáng tạo ra. Theo quan điểm chung được chấp nhận hiện nay, toàn bộ những sản phẩm có giá trị về vật chất cũng như tinh thần do con người sáng tạo ra đều được coi là những sản phẩm văn hoá.

Như vậy, tài nguyên du lịch nhân văn cũng được hiểu là những tài nguyên văn hoá. Tuy nhiên, không phải sản phẩm văn hoá nào cũng đều là những tài nguyên du lịch nhân văn, chỉ những sản phẩm văn hoá nào có giá trị phục vụ du lịch mới được coi là tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn được phân chia làm hai loại là:

a/ Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

Là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những trí thức dân gian khác.

b/ Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

Là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học bao gồm: di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, là gương mặt lịch sử, là nhân chứng của các thời đại.

Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể ở nước ta phong phú, đa dạng, đặc sắc, mang các giá trị lịch sử văn hoá, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của đất nước, gồm: di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, các công trình đương đại. Trong đó, các di tích kiến trúc nghệ thuật như chùa, đình, đền, nhà thờ, miếu, nhà cổ, lăng tẩm, cung điện chiếm số lượng lớn, lưu giữ nhiều giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật văn hoá có giá trị, là những điểm tham quan, nghiên cứu hấp dẫn du khách.

Trong phạm vi đề tài của mình, tác giả xin trình bày một số điểm nổi bật trong các thành phần và yếu tố của tài nguyên du lịch nhân văn, có liên quan trực tiếp đến đề tài. Bao gồm:

*** Các di tích lịch sử - văn hoá**

Các di tích lịch sử – văn hoá được coi là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng, là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch. Nó là tài sản văn hoá quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật ở mỗi quốc gia.

Di tích lịch sử – văn hoá có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước.

Giá trị đặc biệt của di tích được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, mỗi khía cạnh là những mảng màu giúp cho du khách “sắp xếp, lắp ghép” để tạo ra khối tổng hoà chung trong một không gian du lịch địa phương, vùng, lãnh thổ và cao hơn là quốc gia và quốc tế. Mỗi di tích đều mang tính độc lập về các giá trị (hiện chỉ khai thác điểm) nhưng nó lại có sức kết nối kì lạ khi được lắp ghép vào các tour du lịch chuyên đề.

Theo luật di sản văn hoá: “Di tích lịch sử – văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người sáng tạo ra trong lịch sử để lại”. Sự tồn tại của các di tích lịch sử văn hoá là hết sức quan trọng, bởi nó trở thành cầu nối giữa

quá khứ, hiện tại và tương lai. Giá trị của nó là nền tảng vững chắc giúp cho các thế hệ sau vững bước trên con đường hội nhập. Di tích càng có niên đại cao càng có giá trị về lịch sử văn hoá.

Di tích lịch sử văn hoá chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích có một nội dung, giá trị văn hoá, lượng thông tin riêng biệt khác nhau. Cần phải phân biệt các loại di tích khác nhau để xác định tên gọi đúng với nội dung của nó và khai thác, sử dụng và bảo vệ di tích một cách có hiệu quả.

Việc xếp hạng di tích là tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo vệ, khai thác, sử dụng di tích, tạo quyền bất khả xâm phạm cho các di tích. Trên cơ sở đó có kế hoạch đầu tư, phát huy cao độ những giá trị tốt đẹp trong xã hội hiện đại.

Tiêu chuẩn xếp hạng các di tích lịch sử – văn hoá ở Việt Nam

- Là những động sản và bất động sản có giá trị lịch sử – văn hoá, khoa học, nghệ thuật, những công trình mang tính chất sáng tạo trên nhiều lĩnh vực của xã hội từ văn hoá vật chất đến văn hoá tinh thần.

- Các di tích được xếp hạng phải là chứng tích cho một nền văn minh riêng biệt. Phải là những công trình vật dụng có giá trị xuất sắc mang tính chất tiêu biểu hoặc là đỉnh cao của từng mặt sinh hoạt xã hội của một thời đại.

- Những di tích có liên quan đến những sự kiện lịch sử và quá trình phát triển văn hoá - xã hội. Là chứng tích những mốc lịch sử, chiến công hiển hách, những thành tích lớn có tác dụng thúc đẩy lịch sử, chuyển biến một giai đoạn lịch sử, cách mạng hay sự chuyển biến lớn hình thái xã hội.

- Các danh lam thắng cảnh phải có giá trị nổi tiếng

Một số loại di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu:

- Đình

Đình là ngôi nhà chung của cộng đồng làng xã Việt Nam, khi nói đến làng người Việt là nói tới cây đa, giếng nước, sân đình. Đình có từ lâu, lúc đầu như các quán, miếu qua đường, tới thế kỷ thứ XVI, đình phát triển nhiều. Thế kỷ XVII là sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc đình. Những đình nổi tiếng được xây dựng trong thời kỳ này là đình Lỗ Hạnh (1576), đình Tây Đằng (thế kỷ XVI), đình Bảng (1736)... v.v. Nơi dựng đình thường ở giữa làng, trên một khu đất cao, thế đất hẹp, có long mạch.

* Một số kiểu kiến trúc phổ biến của đình:

Kiểu kiến trúc chữ “Nhất” là kết cấu một toà đình có 5 gian hoặc 7 gian và 2 chái. Kết cấu này thường thấy ở các ngôi đình thời Mạc. Đến thế kỷ XVII,

người ta đưa Thành Hoàng vào thờ ở các đình thì xuất hiện các tục hậu Thần, kết cấu chữ “Nhất” bị phá vỡ và phát triển thành các kiểu kiến trúc như sau:

- + Cấu trúc chữ “Nhị” gồm phần đại đình cộng với phần hậu cung.
- + Cấu trúc chữ “Đình” hay còn gọi là hình chuôi vồ, bao gồm phần đại đình và phần hậu cung.
- + Cấu trúc chữ “Công” gồm phần đại đình, hậu cung và toà ống muống nối giữa hai phần này.

Sân đình cách mặt đất 0,6m – 0,8m; thường có thứ bậc (Tiền tế, phương đình) để quy định thứ bậc ngồi trong đình.

Kiến trúc của đình thể hiện giá trị nghệ thuật điêu khắc cao hơn hẳn so với các loại hình kiến trúc khác, là nguồn liệu để nghiên cứu lịch sử mỹ thuật Việt Nam, đời sống hàng ngày cũng như tâm hồn của người nông dân Việt Nam.

Điêu khắc ở đình làng qua mỗi thời kỳ, mỗi triều đại Lê – Trịnh – Nguyễn đều có một kiểu kiến trúc gắn với điêu khắc khác nhau. Nét khác biệt chủ yếu là thể hiện trong các mô típ trang trí, rõ nhất là hình con rồng và vị trí các hoạt cảnh dân gian.

Từ lâu, ngôi đình làng đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân Việt. Giá trị của ngôi đình làng không những được người dân Việt Nam ngợi ca và tự hào mà ngay cả người nước ngoài cũng đánh giá rất cao loại hình kiến trúc dân gian này. Có thể nói, đình làng Việt là một công trình kiến trúc cổ tiêu biểu, một đặc trưng nổi bật của văn hoá làng xã, ngôi nhà công cộng của làng xã với ba chức năng cơ bản: hành chính, tôn giáo và văn hoá. Về chức năng hành chính, đình làng chính là trụ sở hành chính của làng thời kỳ quân chủ, là nơi giải quyết các công việc của làng như thu thuế, phạt vạ, xử kiện. Về chức năng tôn giáo, đình là nơi thờ thần của làng, được gọi chung là Thành Hoàng. Về chức năng văn hoá, đình là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt văn hoá của cả làng mà đỉnh cao là lễ hội.

Ngôi đình là kết tinh của tinh thần cộng đồng làng xã (thể hiện ở quan niệm hướng đình, các thành viên cùng tham gia tổ chức và thưởng thức hội...). Đình phản ánh khát vọng của người nông dân thoát khỏi ràng buộc của Nhà nước phong kiến (thể hiện ở điêu khắc dân gian như các họa tiết người cưỡi rồng, trai gái ôm nhau tình tự...)

- Đền, miếu, nghề, am, quán

Các tên gọi này thường không có sự nhất quán giữa các làng song nhìn

chung đây là nơi thần linh, thành hoàng trú ngụ vì nhiều lí do khác nhau như: là nơi sinh, nơi hoá thân của thần, nơi thần dừng chân, nơi đóng doanh trại của thần, nơi bày chiến trận của thần...

Đền thờ thánh hoặc những nhân vật lịch sử đã được thần thánh hoá. Đền có nhiều dạng. Loại hình to lớn cả về mặt bằng lẫn ý nghĩa, có thể kể đến Đền Hùng, đền Gióng, đền Vua Đinh Vua Lê, đền Lý Bát Đế, đền Kiếp Bạc, rồi các đền thờ thần dân dã, cũng có khi đền gắn với việc thờ các thần linh hoặc những nhân vật của địa phương được thiêng hoá. Đền có lịch sử phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước. Vì vậy, đây là một loại di tích lịch sử – văn hoá có lịch sử phát triển lâu đời nhất ở nước ta.

Đền có các mảng điêu khắc, các nhang án, đồ tế tự, tượng, hoành phi thường được sơn son thếp vàng có giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật, các công trình kiến trúc thường gắn liền với các truyền thuyết, các lễ hội để tôn vinh các thần điện hoặc danh nhân, các anh hùng dân tộc. Đền trong làng Việt còn là nơi thờ Mẫu gắn với tục thờ nữ thần, hệ trọng trong quan niệm của dân làng.

Miếu thường là các ngôi đền nhỏ như miếu Thổ Địa, miếu cô, miếu cậu... Trong một số trường hợp cụ thể có thể thấy, miếu là một kiến trúc khá lớn. Đôi khi chiếm một diện tích mặt bằng rất đáng kể, ví như Văn Miếu, Võ Miếu (Miếu hiệu có ở đất Việt từ thế kỷ thứ XI).

- Chùa

Cùng với sự du nhập của phật giáo vào Việt Nam từ buổi đầu công nguyên. Các ngôi chùa dần dần mọc lên trên đất nước, cho đến lúc mỗi làng có một ngôi chùa.

Chùa không chỉ là nơi các nhà sư tu hành, các tín đồ phật giáo tới làm lễ, mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hoá làng xã qua nhiều đời. Và đối với một số chùa những ngày lễ hội còn thu hút cả khách thập phương từ những miền xa đến.

“Đất vua, chùa làng” – có hiểu được những điều này mới hiểu được cấu trúc xã hội - văn hoá của dân tộc Việt Nam trong bề dày lịch sử. Tìm hiểu những ngôi chùa, rõ ràng không phải chỉ hiểu Phật giáo Việt Nam, mà còn là hiểu nhiều mặt của tri thức Việt Nam, văn hoá Việt Nam.

Chùa là một công trình kiến trúc dành cho việc thờ Phật. Không có một kiểu mẫu chung cho hàng ngàn ngôi chùa được xây dựng trong nhiều thế kỉ qua, trên lãnh thổ cả nước từ Bắc vào Nam. Mỗi thời đại có phong cách riêng, mỗi địa phương lại tùy theo điều kiện địa lí, thế đất và do nhiều lí do riêng mà đưa ra

một kiểu kiến trúc phù hợp.

Điểm nổi bật của chùa Việt bao giờ cũng có xu hướng gần dân, ngoài một số chùa được dựng ở địa điểm có thắng cảnh thiên nhiên thì hầu như chùa nào cũng gắn liền với làng xóm. Tín đồ của đạo Phật chủ yếu là nông dân vì thế chùa cũng phản ánh rõ nét tư duy nông nghiệp. Từ đó có thể thấy được chùa là trung tâm văn hoá của làng. Thần linh trong chùa cũng như ở nhiều di tích khác còn rất gần gũi với đời, chỉ biết các ngài ở trên, còn ở trên đâu thì người Việt không cần biết đến, các ngài chưa phải là đáng cao vĩn vĩn. Vì thế mặt kiến trúc tôn giáo của người Việt chưa có vươn theo chiều cao. Mặt khác chùa Việt lại thường dàn trải theo mặt bằng với nhiều đơn nguyên kiến trúc. Hiện tượng này được nghĩ tới xuất phát từ việc mở rộng đất đai trong kinh tế nông nghiệp xưa. Theo quan niệm cổ truyền, chùa bao giờ cũng được dựng ở mảnh đất thu được khí thiêng của trời đất, thường phải hội tụ được các đặc điểm như sau: đất cao tươi nhuận (cây cối tốt lành, chim khôn vui hót), có dòng chảy hoặc ao hồ trước mặt, tiền diện quay về hướng Nam - đó là hướng bát nhã (trí tuệ) vì đạo Phật cho rằng có MINH (hiểu biết) mới xóa bỏ được tội lỗi (sự ngu dốt).

Đặc điểm của chùa Việt: về kiến trúc mặt bằng, thì mở ra khuôn viên chùa đầu tiên phải qua Tam Quan – tức cổng chùa, song nó đã mang ý nghĩa cao siêu hơn về Phật đạo. Cửa chùa thường có 3 lối vào, là một kiến trúc riêng cũng có khi lại là một toà nhà 3 gian 2 chái hay có thể là một gác chuông vuông 2 tầng 8 mái. Tam quan gồm:

+ Không quan: “không” là bản thể cốt lõi, là cội nguồn – “quan” là lối nhìn nhận thức... Suy cho cùng là nhận thức về cội nguồn chung của muôn loài, muôn vật.

+ Giả quan: nhận thức về quy luật vô thường (không tồn tại vĩnh viễn) của muôn loài muôn vật, mọi pháp đều biến hoá giả tạo.

+ Trung quan: cách nhận thức chân chính, hoà hợp, chẳng phân hai, không lệ thuộc vào bất kể một nhận thức, sự kiện nào. Là con đường của đạo dẫn đến giải thoát.

Qua Tam Quan, con đường gọi là nhất chính đạo dẫn vào thế giới Phật. Mở đầu của hệ thống chùa chính là toà tiền đường – nơi đây các phật tử ngồi tụng kinh, thiền niệm để “rèn tâm kiến tính”. Chỉ có chùa mới có tiền đường, còn ở đình và đền thường gọi là Tiền tế hoặc Tiền bái.

Gian thờ Phật: nằm chính diện, thuộc gian giữa, thường hay mở lui về phía sau tạo cho kiến trúc chùa mang kết cấu chữ Đinh, hay chữ Công.

Thượng điện: do cửa chùa luôn mở rộng với chúng sinh nên nơi thờ không bao giờ bị che chắn.

Bao quanh hai bên chùa nhiều khi còn có hai dãy hành lang và phía sau là nhà hậu. Toà nhà hậu thường là nơi thờ mẫu, thờ những người có công với chùa - đồng thời cũng là nơi ở cho tăng ni, nhà khách và nhà bếp...ngoài ra hầu như chùa nào cũng có tháp, số tầng tháp thường lẻ.

- Lăng

Trong quan niệm văn hoá tâm linh của người Việt, ngôi mộ có ý nghĩa rất quan trọng. Dân gian có câu: “Sống về mồ mà không ai sống về cả bát cơm”; thậm chí đối với dân ta câu mắng chửi nặng nề nhất cũng là “đào mồ tở” của nhau lên. Ngôi mộ là nơi an nghỉ cuối cùng của một con người về với cõi vĩnh hằng. Song cao hơn mộ đó là lăng. Lăng có thể nói, đó là sự phát triển kiến trúc bậc cao của một ngôi mộ. Tuy nhiên, lăng thường gắn với nơi an nghỉ cuối cùng của tầng lớp vua, quan đầu triều trong lịch sử phong kiến. Trong lịch sử Việt Nam, kiến trúc lăng mộ tiêu biểu và đặc trưng nhất là kiến trúc lăng tẩm Huế. Theo quan niệm “tức vị trị lăng” nên lăng được xây dựng ngay khi vua còn đang tại vị. Lăng tẩm được thiết kế xây dựng tuân theo nguyên tắc “phong thủy”. Vị trí xây lăng phải hội tụ đủ các yếu tố sơn tiền, thủy tụ, tiền án, hậu trảm, tả thanh long, hữu bạch hổ. Đồng thời, lăng tẩm cũng phải có sự kết hợp hài hoà, đan xen với phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng, duyên dáng nhưng phải tráng lệ.

Tựu chung, di tích lịch sử – văn hoá là không gian thiêng liêng cho nhân dân trong những dịp sinh hoạt lễ hội truyền thống, lễ hội tôn giáo, là nơi nhân dân tôn kính thực hiện các nghi thức, lễ thức bày tỏ lòng biết ơn và tâm nguyện của mình. Tất cả các di tích này đều mang đến cho con người những thông điệp quá khứ. Khi du khách đến các di tích lịch sử – văn hoá, không đơn thuần là để tham quan, để cầu nguyện cho tâm hồn thanh thản mà còn là để tìm hiểu và thoả mãn nhu cầu hiểu biết của mình. Chính vì vậy, các di tích lịch sử – văn hoá đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với du lịch. Đây là tài nguyên quý giá giúp cho du lịch của địa phương và của đất nước ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

*** Lễ hội**

Trong các dạng của tài nguyên nhân văn, lễ hội truyền thống là tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch rất lớn: “*Lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu hoạt động tập thể của quần chúng sau những ngày lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con người hướng tới các sự kiện lịch sử trọng đại, ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được*”.

Lễ hội của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ là hội làng, ngày hội có kết cộng đồng, biểu dương các giá trị của đời sống tâm linh, đời sống xã hội và văn hoá cộng đồng.

Với cộng đồng làng xã, lễ hội không chỉ là môi trường cộng cảm văn hoá mà còn là môi trường nhập thân và trao truyền văn hoá giữa các thế hệ để không những đảm bảo sự cộng cảm văn hoá của các thành viên mà còn đảm bảo sự nhất quán và thống nhất văn hoá cộng đồng giữa thế hệ này với thế hệ khác.

Lễ và hội là một tổng thể không thể chia tách.

- Lễ; theo từ điển tiếng Việt “Lễ là những nghi thức tiến hành nhằm đánh dấu hoặc kỉ niệm một sự việc, sự kiện có ý nghĩa nào đó”. Như thế, Lễ là phần tín ngưỡng, là phần thế giới tâm linh sâu lắng nhất của con người, là phần đạo nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và đảm bảo nền nếp, trật tự cho hội được hoàn thiện hơn.
- Hội là phần tập hợp vui chơi bằng nhiều hoạt động giải trí cộng đồng, là đời sống văn hoá thường nhật, phần đời của mỗi con người, của cộng đồng. Hội diễn ra tại một thời điểm nhất định, vào những dịp kỉ niệm một sự kiện xã hội hay tự nhiên nhằm diễn đạt sự phấn khích, hoan hỉ của công chúng tới dự lễ hội. Hội gắn liền với lễ và chịu sự quy định nhất định của lễ, có lễ mới có hội.

Như vậy, lễ hội là một sinh hoạt văn hoá dân gian nguyên hợp mang tính cộng đồng cao của nông dân hay thị dân diễn ra trong những chu kì không gian, thời gian nhất định để làm những nghi thức về nhân vật được sùng bái, để thể hiện những ước vọng, để vui chơi trong tinh thần cộng mệnh và cộng cảm.

▪ Cấu trúc của lễ hội:

- Lễ trong khái niệm và lễ trong tên gọi vừa mang tính nghi thức vừa mang tính quy ước. Theo từ điển tiếng Việt, “lễ” được hiểu là những nghi thức tiến

hành nhằm đánh dấu hoặc kỉ niệm một sự kiện, một sự việc có ý nghĩa nào đó. Các nghi thức của lễ toát lên sự cầu mong phù trợ của các thần đối với con người, vì vậy nó luôn luôn chứa đựng những yếu tố linh thiêng, huyền bí và lễ chính là phần đạo của con người.

Lễ ở trong hội không đơn lẻ. Nó là một hệ thống liên kết, có trật tự cùng hỗ trợ nhau, thường gồm: Lễ rước nước, lễ mộc dục, tế gia quan, rước - đám rước, tế đại tế, lễ túc trực, lễ hèm.

Hệ thống lễ trong lễ hội có tính ổn định cao. Sự gia giảm, xê dịch rất hạn chế và có phạm vi của nó. Chẳng hạn, từng làng có thể cử hành lễ đại tế to hay nhỏ tùy theo khả năng của làng mình nhưng không thể đưa lễ đại tế lên trước lễ mộc dục, cũng không thể đọc khánh chúc trước đại tế...v.v. Đó là quy định khá chặt chẽ.

- Hội chính là sự hoạt động có nhiều người tham gia tại địa điểm và cùng có những thoả mãn chung. Trong từ điển nêu lên, hội là những cuộc vui được tổ chức chung cho những người dự, theo phong tục tập quán hoặc nhân những dịp đặc biệt.

Lễ và hội là 2 hoạt động trong lễ hội, nó có mối quan hệ tương hỗ với nhau và nó cùng tồn tại trong một sự thống nhất. Hai yếu tố lễ và hội có lúc tách rời nhau dễ nhận biết, dễ quan sát: một bên là thiêng – một bên là tục, một bên là đạo – một bên là đời, một bên tương như là một và một bên có cả cộng đồng. Tuy nhiên lễ và hội có lúc đã thâm nhập vào nhau khá chặt chẽ.

Lễ và hội là hai yếu tố chính tạo nên hội làng. Sự đậm nhạt giữa chúng tùy thuộc vào đặc điểm từng nơi và tính chất từng loại hội. Trong các lễ hội ở nước ta, phần lễ thường giữ vai trò quan trọng và là nội dung chính của lễ hội. Song cũng có một số lễ hội thì phần hội lại sôi nổi hơn, giữ vai trò quan trọng hơn phần lễ như lễ hội Lim ở Bắc Ninh, lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn, lễ hội hát lượn của người Tày...

- Thời gian và không gian lễ hội

- Thời gian

Các lễ hội không phải diễn ra quanh năm. Thời gian lễ hội diễn ra chủ yếu trong hai mùa chính đó là mùa xuân và mùa thu, người ta thường gọi là “xuân thu nhị kỳ”. Đây là 2 mùa có không khí mát mẻ, đồng thời cũng là thời kỳ nhàn rỗi, chuẩn bị cho một mùa sản xuất và làm việc mới. Lễ hội có thể có những loại hội kéo dài hàng tháng hoặc từ ngày này sang ngày khác như hội hát quan họ

vùng Hà Bắc, có những hội diễn ra suốt một tuần như hội Đồng Kỵ (Tiên Sơn, Hà Bắc), cũng có những hội chỉ mở một ngày như hội Lê Mật (Gia Lâm, Hà Nội)

- Không gian

Về không gian gọi là hội làng nhưng không nhất thiết diễn ra trong địa hạt của từng làng, do dân làng đó tham dự. Hội làng có khi lan rộng ra cả tổng (Hội Dóng), hàng phủ (Hội Lim)

Địa điểm mở hội phần lớn là ở đình – nơi trung tâm sinh hoạt của làng xã nhưng cũng có khi mở tại đền, tại chùa hoặc tại một gò đồng, bên bãi ngay cạnh làng hay liên làng do các làng thờ chung một vị thành hoàng nên mở hội kết chạ để rước ngài từ làng này sang làng kia.

▪ Chức năng của lễ hội

- Phản ánh và bảo lưu truyền thống văn hoá lịch sử dân tộc
- Tuyên truyền và giáo dục góp phần làm cho lễ hội là gạch nối giữa hiện tại và quá khứ
- Hưởng thụ và giải trí

1.5 Tín ngưỡng thờ nhân thần của người Việt

Tín ngưỡng sùng bái con người bắt nguồn từ quan niệm con người bao gồm cả phần vật chất (thể xác) và phần tinh thần (thường được gọi là phần linh hồn). Do không hiểu được “sức sống” của các linh hồn đó mà con người nguyên thủy đã thần thánh hoá nó bằng những khái niệm trừu tượng. Từ đó sinh ra tục lệ thờ cúng chính bản thân con người khi đã được trừu tượng hoá, thần thánh hoá.

Quá trình trừu tượng hoá đó theo trình tự từ xác đến vía, từ vía đến tinh, từ tinh đến khí và từ khí đến thần. Vì thế, không ai thờ những người đang sống mà chỉ thờ những người đã chết: thờ cái tinh linh và cái thần của con người. Thực ra, các Nhân thần được thờ cúng không chỉ dành riêng cho các vị anh hùng có công với dân với nước mà kể cả các vị tổ nghề, người khai phá vùng đất mới và cả những người chết vào giờ thiêng.

Trong số các vị Nhân thần có cả những người bình thường. Đó là các bậc tổ tiên của các gia đình, dòng họ có công sinh thành, nuôi dưỡng các thành viên trong gia đình họ. Trong phạm vi gia đình, họ là những người đáng tôn kính và luôn được nhớ ơn. Đây là lí do cơ bản để thờ cúng tổ tiên. Trong gia đình có việc gì lớn như dựng vợ gả chồng, làm nhà mới, đỗ đạt... đều phải báo trình tổ tiên biết cùng mừng và chứng giám. Sau đó, việc cúng tổ tiên để nhằm cầu

mong sự phù hộ của tổ tiên là lí do thứ hai trong các dịp này.

Cũng như vậy, việc thờ cúng các vị Nhân thần chủ yếu là vì tấm lòng biết ơn – lâu nay ít người nghĩ đến lí do cơ bản này, mà chỉ chú ý tới việc thờ cúng để mong sự phù hộ độ trì của các vị Nhân thần đã được tôn vinh thành “Thánh” này. Cái đạo lý “uống nước nhớ nguồn” đã ăn sâu vào tâm trí của các dân tộc và trở thành những yếu tố văn hoá tâm linh của mọi người, mọi nhà mà dân gian gọi là “Đạo Ông Bà” hay “Đạo Nhà” (Nguyễn Đình Chiểu). Đạo nhà ở đây không hẳn chỉ là thờ cúng tổ tiên mà còn là sự biết ơn nói chung đối với các bậc tiền bối đã có công với mọi người, mọi nhà.

Với quan niệm như vậy, lực lượng Nhân thần được thờ cúng trong các dịp lễ tết là vô cùng phong phú, đa dạng. Có những vị nổi tiếng mang tầm cỡ quốc gia như Đức Thánh Trần, Hai Bà Trưng... Nhưng, cũng có những vị chỉ dân một, hai làng biết họ như các vị Thành Hoàng hay chỉ trong phạm vi gia đình, dòng họ như các vị tổ tiên. Tuy nhiên, tất cả các vị đó đều được thờ cúng một cách trang trọng thành kính nhất. Có thể phân loại các lực lượng Nhân thần như sau:

- *Các vị tổ tiên:*

Đây là các vị Nhân thần đầu tiên được gia đình hay dòng họ thờ cúng, họ đã có công sinh thành, lập nên các gia đình, dòng họ, thậm chí nhiều nơi, nhiều vị lập nên các bản làng, thôn xóm. Trong xã hội một số dân tộc thiểu số như người H'mông, người Dao, người Thái, người La Chí, người Hà Nhì... các bậc tổ tiên đã trở thành biểu tượng cố kết cộng đồng và thường là niềm tự hào của gia đình, dòng họ.

Vị trí vai trò của quan trọng của việc thờ cúng tổ tiên đã trở thành “Đạo” (Đạo thờ cúng tổ tiên) một tín ngưỡng quan trọng, phổ biến nhất là sức mạnh tâm linh của các dân tộc nước ta. Trong xã hội các dân tộc thiểu số có thể không có những tôn giáo nào khác, nhưng không có dân tộc nào không có tục thờ cúng tổ tiên. Đây là chỗ dựa tinh thần quan trọng nhất trong đời sống tâm linh của các dân tộc thiểu số. Tuy sự thờ cúng tổ tiên ở vùng các dân tộc thiểu số có thể có những nghi thức, nghi lễ khác nhau, nhưng nội dung và vai trò của nó đều giống nhau. Cho nên, có thể nói rằng, tổ tiên là các vị Nhân thần quan trọng nhất được thờ cúng ở các dân tộc thiểu số.

- *Các vị thần Thành Hoàng*

Bên cạnh các vị Nhân thần được các gia đình, dòng họ thờ cúng trên đây, trong xã hội các dân tộc, đặc biệt là người Kinh còn có các vị thần Thành Hoàng.

Cho đến nay, không có làng nào (nhất là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ) lại không có thần Thành Hoàng riêng của mình. Đây là các vị Nhân thần được vua sắc phong vì đã có công khai thiên lập địa, xây dựng, phát triển hay truyền dạy những phong tục tập quán tốt đẹp cho dân làng. Thành Hoàng là vị thần được tôn thờ chính trong đình làng Việt Nam. Vị thần này dù có hay không có họ tên & lai lịch, dù xuất thân bất kỳ từ tầng lớp nào, thì cũng là chủ tế trên cõi thiêng của làng & đều mang tính chất chung là *hộ quốc tỳ dân* (hộ nước giúp dân) ở ngay địa phương đó.

TIỂU KẾT

Trong chiến lược kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay, du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn bởi những chức năng và ý nghĩa kinh tế – xã hội mà nó mang lại. Đặc biệt hướng phát triển du lịch văn hoá đang thu hút nhiều đối tượng khách du lịch khác nhau. Đây cũng là hướng phát triển hiệu quả của ngành du lịch Việt Nam hiện nay. Việt Nam là nước giàu tiềm năng về tài nguyên du lịch. Bên cạnh tài nguyên tự nhiên, phong tục tập quán tín ngưỡng, hệ thống các quần thể di tích lịch sử văn hoá, các công trình kiến trúc lịch sử đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của cộng đồng người Việt đồng thời cũng là tài nguyên quý giá cho sự phát triển du lịch Việt Nam.

Trong thực tế, những tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức trực tiếp và rõ ràng hơn so với tài nguyên du lịch tự nhiên. Mục đích tiếp cận ban đầu của tài nguyên nhân văn bao giờ cũng mang tính nhận thức. Vì vậy, các yếu tố văn hoá Việt được khai thác rất nhiều để phục vụ cho phát triển du lịch Việt Nam. Những di tích lịch sử văn hoá, các công trình kiến trúc, các sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng... phản ánh văn hoá của cộng đồng dân cư người Việt được khai thác cho du lịch thông qua đó văn hoá của cả khách du lịch và dân cư địa phương được trau dồi và nâng cao, tạo khả năng mở mang hiểu biết lẫn nhau, mở mang hiểu biết về lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, tín ngưỡng... Đồng thời làm giàu và phong phú thêm khả năng thẩm mỹ khi được tham quan các kho tàng mỹ thuật của đất nước. Bên cạnh đó hoạt động du lịch văn hoá còn là phương tiện giáo dục lòng yêu đất nước, giữ gìn và nâng cao truyền thống dân tộc, có ý nghĩa lớn đối với khai thác, bảo tồn các di sản văn hoá dân tộc và phát triển môi trường thiên nhiên xã hội.

CHƯƠNG 2

GIÁ TRỊ VĂN HOÁ CỦA MỘT SỐ DI TÍCH THỜ TRẦN HƯNG ĐẠO Ở HẢI PHÒNG

2.1 Giới thiệu khái quát môi trường hình thành các di tích

2.1.1 Lịch sử hình thành

Hải Phòng là miền đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, xã hội lâu đời. Sự hình thành và phát triển của Hải Phòng gắn liền với các chứng tích của người tiền sử ở di chỉ khảo cổ học Cái Bèo (Cát Bè) thuộc văn hóa Hạ Long cách ngày nay khoảng 4000 đến 6000 năm, với sự hình thành của nền văn minh sông Hồng thuộc văn hóa Đông Sơn với các chứng tích của con người ở di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh (Thủy Nguyên), Núi Voi (An Lão) cách ngày nay từ 2000 năm đến hơn 3000 năm; với truyền thuyết về tên tuổi của nữ tướng Lê Chân – người lập trang An Biên vào đầu Công Nguyên – cái nôi hình thành nên đô thị Hải Phòng ngày nay.

Là vùng đất đầu súng, ngọn giáo, “phên dậu” phía Đông của đất nước, Hải Phòng có vị thế chiến lược trong toàn bộ tiến trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Người Hải Phòng với tinh thần yêu nước nồng nàn, tính cách dũng cảm, kiên cường, năng động, sáng tạo đó từng chứng kiến và tham gia vào nhiều trận quyết chiến chiến lược trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Hải Phòng là vùng đất in đậm dấu ấn trong lịch sử chống giặc ngoại xâm phương Bắc với các chiến thắng trận Bạch Đằng: trận Bạch Đằng - 938 của Ngô Quyền, trận Bạch Đằng – 981 của Lê Hoàn và trận Bạch Đằng - 1288 của Trần Hưng Đạo. Thời nhà Mạc, vì đây là quê hương của nhà Mạc nên vùng này được chú ý xây dựng thành kinh đô thứ hai gọi là Dương Kinh.

Vào những năm đầu Công Nguyên, Hải Phòng là một làng nhỏ nằm bên bờ sông Cấm. Bà Lê Chân – một nữ tướng của Hai Bà Trưng đã dựng ở đây một trang trại lấy tên là An Biên làm căn cứ chống giặc. Đời Lý - Trần - Lê, Hải Phòng thuộc đất của Hải Dương, thế kỷ XVIII khi giao lưu thương mại quốc tế phát triển, tàu buôn của nước ngoài đến Việt Nam thường qua Hải Phòng. Năm 1817 tại đây đã lập một bến và gọi tên là Ninh Hải.

Với tên gọi Hải Phòng có ý kiến cho rằng đó là tên viết tắt của cụm từ “Hải tân phòng thủ” – một chức tướng của nữ tướng Lê Chân. Nhưng cũng có cách

giải thích khác: Năm 1870 - 1873, Bùi Viện, được vua Tự Đức giao phó, đã thực hiện việc xây dựng một bến cảng bên cửa sông Cấm mang tên Ninh Hải và một căn cứ phòng ngự bờ biển ở liền kề bên, gọi là nha Hải Phòng sứ. Khi Pháp đánh chiến Bắc Kỳ lần thứ nhất năm 1873-1874, tại cảng Ninh Hải này, nhà Nguyễn và Pháp lập nên một cơ quan thuế vụ chung, quản lý việc thương mại ở vùng này gọi là Hải Dương thương chính quan phòng.

Hải Phòng là một trong 5 thành phố lớn của Việt Nam, ra đời từ những năm 70 của thế kỷ XIX. Trên địa bàn miền Bắc, Hải Phòng là một đô thị có tuổi đời trẻ nhất so với nhiều đô thị có quá trình tồn tại lâu dài như Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Hà Tây ...

Nền móng đầu tiên cho Hải Phòng phát triển lên thành đô thị không phải như thành lũy trụ sở phong kiến như Hà Nội, cũng không phải là cảng thị lớn như Hội An. Nó xuất phát từ làng chài nhỏ gần cửa sông, ở đó có bến tàu thuyền, có trạm thuế quan và đồn canh cửa biển với 2 chức năng: kinh tế và quốc phòng. Sau khi ra đời, do vị trí địa lý thuận lợi, trong bối cảnh lịch sử đặc biệt, Hải Phòng đã nhanh chóng trở thành một thành phố - hải cảng có tầm quan trọng lớn cả về mặt kinh tế - chính trị - quân sự trong phạm vi quốc gia và có tên trên thế giới.

Thành phố Hải Phòng ngày nay được Quốc Hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (nay là Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 27/10/1962, trên cơ sở hợp nhất thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Kiến An. Cùng với Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng phát triển thành 3 thành phố lớn nhất của Việt Nam.

2.1.2 Vị trí địa lý

Hải Phòng là thành phố duyên hải nằm ở hạ lưu hệ thống sông Thái Bình thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, có diện tích đất tự nhiên 1053,1 km² - chiếm 0,45% diện tích đất tự nhiên của cả nước, nằm trong hệ toạ độ địa lý : 20⁰30'39'' - 21⁰01'15'' vĩ độ Bắc và 106⁰23'39'' - 107⁰08'39'' kinh tuyến Đông.

Hải Phòng cách thủ đô Hà Nội 102 km, có tổng diện tích tự nhiên là trên 152.300 ha, chiếm 0,45% diện tích tự nhiên cả nước (số liệu thống kê năm 2001).

Về ranh giới hành chính: phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh; phía Tây giáp tỉnh Hải Dương; phía Nam giáp tỉnh Thái Bình. Về phía Đông giáp Biển Đông, Hải Phòng có 125 km bờ biển, địa hình khúc khuỷu, quanh co, tạo nhiều đảo,

hang động và bãi tắm đẹp liền kề với Vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên của thế giới, rất thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Hải Phòng nằm ở vị trí giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không.

Hải Phòng ngày nay bao gồm 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 7 quận (Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Kiến An, Hải An, Đồ Sơn, Dương Kinh), 8 huyện (An Dương, An Lão, Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Thuỷ Nguyên, Vĩnh Bảo). Dân số thành phố là trên 1.837.000 người, trong đó số dân thành thị là trên 847.000 người và số dân ở nông thôn là trên 990.000 người (theo số liệu điều tra dân số năm 2009). Mật độ dân số 1.207 người/km².

Hải Phòng với vị trí thuận lợi là cửa ngõ giao thông của miền Bắc Việt Nam, là một trong 3 đỉnh tam giác kinh tế trọng điểm, đó là: Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Với hệ thống mạng lưới đường bộ, đường sắt, cảng biển và đường hàng không đã tạo cho Hải Phòng nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

Cảng biển Hải Phòng đã hình thành trên 100 năm, là đầu mối xuất nhập khẩu hàng hoá, tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới. Hiện nay, cảng Hải Phòng là một trong những cảng biển lớn nhất Việt Nam, kéo dài hơn 12km gồm những cảng hàng rời, cảng Container, cảng hàng nặng xếp dỡ hơn 6,5 triệu tấn/năm và dự kiến 10/12 triệu tấn vào năm 2010. Hệ thống cảng biển cùng với hệ thống của sân bay Cát Bi được cải tạo...Hải Phòng có điều kiện thuận lợi để chuyển tải hàng hoá xuất nhập khẩu cho các tỉnh vùng Bắc Bộ, các tỉnh phía nam Trung Quốc, đồng thời thiết lập mối quan hệ bằng đường biển và đường hàng không với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

2.1.3 Điều kiện tự nhiên

Về khí hậu: Hải Phòng chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trong đó, từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau là khí hậu một mùa đông lạnh và khô. Từ tháng 5 đến tháng 10 thuộc khí hậu mùa hè, nồm mát và mưa nhiều. Lượng mưa trung bình từ 1.600 đến 1.800 mm/ năm.

Nhiệt độ trung bình năm từ 23 – 26⁰C, tháng nóng nhất nhiệt độ lên tới 39⁰C và tháng lạnh nhất nhiệt độ có thể xuống dưới 9⁰C. Do nằm gần biển, độ ẩm trung bình vào khoảng 80 – 85 %, cao nhất vào tháng 7, 8, 9; thấp nhất là vào tháng 1, 2.

Địa hình, đất đai: Địa hình Hải Phòng thay đổi rất đa dạng phản ánh một quá trình lịch sử địa chất lâu dài và phức tạp. Phần bắc Hải Phòng có dáng dấp của một vùng trung du với những đồng bằng xen đồi trong khi phần phía nam thành phố lại có địa hình thấp và khá bằng phẳng của một vùng đồng bằng thuần túy nghiêng ra biển.

Đồi núi chiếm 15 % diện tích, phân bố hơn nửa phía bắc thành phố tạo thành 2 dải chạy liên tục theo hướng Đông Bắc – Tây Nam. Trong đó, dải thứ nhất chạy từ An Lão đến Đồ Sơn và dải thứ hai chạy từ Kỳ Sơn – Tràng Kênh đến An Sơn – Núi Đèo. Cấu tạo địa chất Hải Phòng gồm những loại đá cát kết, phiến sét, đá vôi.

Hiện nay, Hải Phòng có 62.127 ha đất canh tác, hình thành phần lớn từ hệ thống sông Thái Bình và vùng đất bồi ven biển nên chủ yếu mang tính chất đất phèn, đất mặn, địa hình đan xen cao thấp và nhiều đồng trũng. Đất nông nghiệp tính theo bình quân đầu người đạt 360m²/người không kể những bãi bồi ven biển lớn với 23.000 ha bãi triều đá nổi và ngập nước, trong đó hiện có 13.000 ha bãi nổi còn bỏ hoang.

Ngoài ra Hải Phòng còn có tài nguyên rừng phong phú đa dạng, có rừng nước mặn, rừng cây lấy gỗ, cây ăn quả, tre, mây...đặc biệt có khu rừng nguyên sinh Cát Bà với thảm thực vật đa dạng phong phú, trong đó có nhiều loại thảo mộc quý hiếm. Diện tích rừng khoảng 17.300 ha, trong đó có khoảng 580 ha rừng nguyên sinh như rừng nhiệt đới Amazon thu nhỏ, trong đó có nhiều loại cây gỗ quý hiếm được xếp loại thực vật cần bảo vệ và nhiều loại cây dược liệu được giới y học trong và ngoài nước quan tâm; có nhiều loại chim như hoạ mi, khướu, vẹt, đa đa, đại bàng, hải âu, én... Thú quý trên đảo có khỉ mặt đỏ, khỉ mặt vàng, sơn dương, hoẵng, rái cá, sóc đuôi đỏ, sóc bụng đỏ, mèo rừng, nhím...đặc biệt là voọc đầu trắng sống thành từng đàn là loại thú quý hiếm trên thế giới chỉ mới thấy ở Cát Bà.

Về hệ thống sông ngòi: Hải Phòng có mạng lưới sông ngòi dày đặc với mật độ 0,65 – 0,8 km/km² và đều từ sông Thái Bình chảy ra vịnh Bắc Bộ với 5 cửa sông chính. Vì thế, Hải Phòng vừa có “tính sông” do chịu chi phối của chế độ nước đất liền, vừa có “tính biển” do chịu ảnh hưởng sâu sắc của thủy triều. Trong đất liền có 16 con sông chính toả rộng khắp các địa bàn với độ dài hơn 300km gồm sông Thái Bình, Văn Úc, Lạch Tray, sông Cấm, sông Đá Bạc (một nhánh của sông Bạch Đằng). Ngoài những sông chính là những nhánh sông

nhánh lớn nhỏ chia cắt khắp địa hình thành phố: sông Giá, sông Đa Độ ...

Về bờ biển, biển và hải đảo: Hải Phòng có bờ biển dài trên 125 km. Ngoài khơi thuộc địa phận Hải Phòng có nhiều đảo rải rác trên khắp mặt biển, lớn nhất có đảo Cát Bà, xa nhất là đảo Bạch Long Vĩ. Biển, bờ biển và hải đảo đó tạo nên cảnh quan thiên nhiên đặc sắc của thành phố duyên hải. Đây cũng là một thế mạnh tiềm năng của nền kinh tế địa phương. Biển Hải Phòng là một bộ phận thuộc Tây bắc vịnh Bắc Bộ, có địa hình là một đường cong lõm của bờ vịnh Bắc Bộ, thấp và bằng phẳng. Mũi Đồ Sơn nhô ra biển như một bán đảo, tạo cho Đồ Sơn thành một vị trí chiến lược quan trọng và thắng cảnh thiên nhiên nổi tiếng. Trong đó Cát Bà là một trong ba hòn đảo lớn nhất Việt Nam với nhiều hang động, bãi tắm và có rừng nguyên sinh Cát Bà - một trong những khu dự trữ sinh quyển thế giới nơi bảo tồn các loại động vật quý hiếm. Có thể nói bờ biển, biển, hải đảo đã tạo nên cảnh sắc thiên nhiên vô cùng đặc sắc, tạo nên tiềm năng và thế mạnh cho du lịch Hải Phòng.

Tài nguyên biển là một trong những nguồn tài nguyên quý hiếm của Hải Phòng với gần 1.000 loài tôm, cỏ và hàng chục loài rong biển có giá trị kinh tế cao như tôm rồng, tôm he, cua bể, đồi mồi, sò huyết, ngọc trai, tu hài, bào ngư... là những hải sản được thị trường thế giới ưa chuộng. Tại các vùng triều ven bờ, ven đảo và các vùng bãi triều ở các vùng cửa sông rộng tới trên 12.000 ha vừa có khả năng khai thác, vừa có khả năng nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ có giá trị kinh tế cao.

Đây chính là đặc trưng thiên nhiên đặc sắc của Hải Phòng, nhân tố tác động thường xuyên đến nhiều hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên và ảnh hưởng quan trọng đến nhiều hoạt động xã hội.

Về khoáng sản: Do đặc điểm lịch sử địa chất, vị trí địa lý, Hải Phòng có nhiều nguồn lợi, tiềm năng: có mỏ sắt ở Dương Quan (Thủy Nguyên), mỏ kẽm ở Cát Bà (tuy trữ lượng nhỏ); có sa khoáng ven biển (Cát Hải và Tiên Lãng); mỏ cao lanh ở Doãn Lại (Thủy Nguyên), mỏ sét ở Tiên Hội, Chiến Thắng (Tiên Lãng). Đá vôi phân phối chủ yếu ở Cát Bà, Tràng Kênh, Phi Liệt, phà Đụn; nước khoáng ở xã Bạch Đằng (Tiên Lãng). Muối và cát là hai nguồn tài nguyên quan trọng của Hải Phòng, tập trung chủ yếu ở vùng bãi giữa sông và bãi biển, thuộc các huyện Cát Hải, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, Đồ Sơn. Trên đảo Bạch Long Vĩ có đá asphalt - sản phẩm ôxi hoá dầu, cho biết có triển vọng dầu khí vì thêm lục địa của Hải Phòng chiếm đến 1/4 diện tích Đệ Tam vịnh Bắc Bộ, có bề dày đạt tới 3.000m.

2.1.4 Điều kiện kinh tế – xã hội và đời sống dân cư

Về địa danh: Địa danh Hải Phòng mới xuất hiện cách đây 100 năm. Tuy nhiên, từ xa xưa, tại mảnh đất này đã có cư dân sinh sống. Những kết quả nghiên cứu khảo cổ học tại di chỉ Cái Bèo đã cho thấy dấu vết cư trú của con người cổ xưa cách đây khoảng 6000 đến 7000 năm. Hải Phòng còn có nhiều địa danh mang dấu ấn của nền văn hoá Đông Sơn – một nền văn hoá của thời đại kim khí đồng thau.

Về cơ cấu dân cư: Cùng với lịch sử, cộng đồng dân cư Hải Phòng không ngừng lớn mạnh và phát triển. Dân số Hải Phòng hiện nay đã có khoảng 1.803,468 nghìn người (*số liệu từ Chi cục dân số và kế hoạch hoá gia đình tháng 3 năm 2009*), mật độ dân số Hải Phòng khá đông với trình độ dân trí cao.

Hải Phòng là đầu mối giao lưu nên trong suốt quá trình phát triển đã có nhiều tầng lớp dân cư từ nơi khác đến sinh sống. Điển hình từ xa xưa ở Hải Phòng đã hình thành nên khu phố người Hoa và khu phố Tây. Ngày nay, Hải Phòng là một trong những thành phố có kinh tế phát triển cao. Do vậy, Hải Phòng ngày càng thu hút dân cư từ nơi khác đến sinh sống, mà chủ yếu là dân cư của các tỉnh lân cận mang đến cho Hải Phòng các đặc trưng văn hoá khác nhau. Tuy nhiên tất cả đều có chung một cội nguồn văn hoá và cốt cách của những con người đi khai hoang lấn biển.

Về kinh tế: Đặc điểm nổi bật của kinh tế Hải Phòng là kinh tế biển và cảng biển, bởi chính những ưu thế về vị trí địa lý và tài nguyên biển đã tạo cho thành phố những đặc trưng riêng biệt này. Khi nói đến những ngành kinh tế chủ chốt của Hải Phòng là phải kể đến: ngành công nghiệp đóng tàu, ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản, ngành khai thác xi măng và ngành du lịch.

Đặc biệt, sự kiện thành phố được Chính phủ công nhận là đô thị loại 1 - đô thị trung tâm cấp quốc gia, Bộ Chính Trị đã ban hành Nghị Quyết 32/NQ – TW về “xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá” là mốc son lịch sử ghi nhận những thành tựu phát triển của thành phố, nâng cao vị thế và tạo điều kiện, có cơ hội thuận lợi cho Hải Phòng tiếp tục phát triển, xứng đáng với lợi thế vốn có của mình.

Với sự phát triển nhanh chóng về mặt kinh tế, cùng với sự phát triển về mặt xã hội đã mang lại cho Hải Phòng một bộ mặt mới – bộ mặt của một thành phố công nghiệp hiện đại. Người dân Hải Phòng ngày càng được nâng cao về mặt đời sống và tinh thần, trình độ dân trí ngày càng nâng lên, tỷ lệ lao động thất

nghiệp và không có việc làm giảm, đã tạo những bước đệm cho sự phát triển đi lên từng ngày một của Hải Phòng. Tuy nhiên, trong thời buổi hội nhập như nền kinh tế thị trường hiện nay, Hải Phòng cần có những chính sách đầu tư và phát triển mạnh hơn nữa để trở thành một trọng điểm kinh tế miền Bắc.

2.1.5 Sự phát triển du lịch Hải Phòng

2.1.5.1 Tài nguyên du lịch Hải Phòng

Tài nguyên du lịch tự nhiên của Hải Phòng khá đa dạng và phong phú, được hình thành bởi tổng hợp các yếu tố địa chất - địa hình, khí hậu, thủy hải sản và hệ thống động thực vật đa dạng, phân bố tập trung ở dải ven biển Đồ Sơn và Cát Bà; ngoài ra còn có phân bố ở khu vực núi đá vôi Tràng Kênh – Thủy Nguyên.

Cát Bà là hòn đảo lớn nhất và độc đáo nhất trong số 1696 hòn đảo của quần thể Vịnh Hạ Long. Trên đảo còn lưu giữ được khu rừng nguyên sinh nhiệt đới, có hệ thống động thực vật phong phú, nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm còn tồn tại ở đây như Voọc đầu trắng được ghi trong sách đỏ của thế giới, tới 745 loài thực vật bậc cao. Cát Bà còn có hệ thống hang động, vùng vịnh rất hấp dẫn du khách: động Trung Trang, động Thiên Long, vịnh Lan Hạ... Cát Bà còn có 139 bãi tắm mini nằm xen giữa những dãy núi đá vôi trùng điệp với cấu trúc karst ngập nước, hệ sinh thái san hô của Cát Bà là tài nguyên đặc hữu trong quần thể di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Cát Bà đã được UNESCO công nhận là “khu dự trữ sinh quyển đảo Cát Bà” vào ngày 01/04/2005.

Đồ Sơn được ví như hình con rồng đang nằm chầu về viên ngọc là Hòn Dấu. Đây là một bán đảo với đôi núi, rừng cây nối tiếp nhau vươn ra biển đến 5km, với ba khu bãi tắm đều có núi đồi, rừng thông yên tĩnh và thoáng mát.

Cát Bà và Đồ Sơn có hàng trăm cơ sở lưu trú phục vụ khách du lịch, thích hợp với các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, du lịch biển đảo, du lịch sinh thái, du lịch nghiên cứu khoa học...

Một số địa điểm khác có thể đưa vào khai thác phục vụ du lịch như: khu sinh thái Núi Voi (An Lão), khu vực rừng Thiên Văn (Kiến An), khai thác nước khoáng nóng Tiên Lãng, khu vực sông Giá và Tràng Kênh (Thủy Nguyên)...

Hải Phòng có tài nguyên du lịch nhân văn khá phong phú, được tập trung phần lớn ở khu vực nội thành và các vùng phụ cận. Đồ Sơn có lễ hội chọi trâu độc đáo là một trong 15 lễ hội cấp quốc gia, có suối Rồng, Đình Ngọc, tháp Tường Long. Huyện Kiến Thụy, vùng đất linh thiêng đã sản sinh ra nhà Mạc với

gần 66 năm trị vì đất nước. Huyện Thủy Nguyên với chiến thắng Bạch Đằng lịch sử và hệ thống hang động núi đờc ví von như Hạ Long trên cạn. Huyện An Lão với Núi Voi, căn cứ trong kháng chiến chống Thực dân Pháp và chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ. Vĩnh Bảo với khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm – một trong những nhà tiên tri nổi tiếng thế giới, cây đại thụ của nền văn học Việt Nam thế kỷ 16 và nhiều di tích lịch sử văn hoá lễ hội truyền thống, các trò chơi dân gian tiêu biểu. Khu vực nội thành có đài trung tâm, nhà hát lớn được xây dựng từ thời Pháp thuộc với những Quán hoa, đình Hàng kênh, đền Nghè, chùa Dư Hàng...đều là những điểm tham quan du lịch hấp dẫn. Khu vực đồi Thiên Văn có phong cảnh đẹp, có đài khí tượng thuỷ văn lớn nhất vùng Đông Nam Á, có kính thiên văn quan sát vũ trụ. Khu vực quận Hải An với nhiều di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng cấp quốc gia, đặc biệt có hệ thống “tứ linh từ” được coi là “tứ trấn” trấn giữ vùng cửa biển Đông Bắc và làng hoa Đăng Hải truyền thống.

Hải Phòng có lịch sử và nét văn hoá truyền thống lâu đời, có lợi thế về du lịch hơn so với nhiều địa phương khác trong khu vực Bắc Bộ. Vì nơi đây hội tụ nhiều yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội mà trước hết đó là điều kiện thuận lợi để xây dựng các khu công nghiệp, thương mại và dịch vụ gắn liền với cảng quốc gia, với vị trí địa lý kinh tế có sức hấp dẫn đầu tư.

2.1.5.2 Hiện trạng phát triển du lịch Hải Phòng.

Hoạt động du lịch của thành phố Hải Phòng đã từng bước phát triển với tốc độ khá nhanh và ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực. Ta có thể thấy, du lịch Hải Phòng đang trên đà phát triển mạnh, tuy nhiên lượng khách quốc tế đến Hải Phòng năm 2008 có giảm so với những năm 2007 có thể giải thích như sau: trên thế giới xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu làm ảnh hưởng đến khả năng đi du lịch của các nước, hơn nữa trong năm 2008 là năm thế giới diễn ra nhiều sự kiện quan trọng như: Olympic Bắc Kinh, giải bóng đá Châu Âu. Tại Hải Phòng, tuyến bay Ma Cao – Hải Phòng tạm ngưng hoạt động đã ảnh hưởng đến số lượng khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng. Vì đối tượng khách du lịch Hải Phòng tập trung nhiều vào khách Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Singapore...

Thực hiện sự chỉ đạo của ủy ban nhân dân thành phố căn cứ Chương trình công tác năm 2008 và năm 2009, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Kế hoạch hoạt động kỷ niệm 62 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến, 64 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, đón tết Dương lịch 2009, tết Nguyên

đán Kỷ Sửu và 79 năm Ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tại hội nghị, Sở đã tập trung triển khai Chương trình công tác năm 2009 trên các lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình, trong đó đặc biệt chú trọng các công việc như: các hoạt động trước, trong và sau dịp tết Nguyên đán Kỷ Sửu, Lễ hội kỷ niệm 50 năm Ngày Bác Hồ về thăm Làng cá Cát Bà và Kỷ niệm Ngày truyền thống Ngày Thuỷ sản Việt Nam, tổ chức hoạt động Indoor games tại Hải Phòng...

Xu hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong năm 2010 tích cực đẩy mạnh hoạt động du lịch, tăng cường xúc tiến và quảng bá về du lịch, tiến hành tổ chức nhiều sự kiện quan trọng của thành phố như: chào mừng kỷ niệm 55 ngày giải phóng Hải Phòng, khai mạc đại hội Thể dục thể thao thành phố lần thứ VI - 2010, tổ chức lễ hội chơi trâu hàng năm tại Đồ Sơn...

Cùng với du lịch, các ngành, các cấp của thành phố cùng vào cuộc, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp du lịch thuộc các thành phần kinh tế phát triển ổn định theo đúng Nghị quyết Đảng bộ thành phố lần thứ 12 đã xác định: “Du lịch cần được đầu tư và phát triển trở thành ngành kinh tế có mức tăng trưởng đột biến trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của thành phố”.

✓ **Đẩy mạnh khai thác mở rộng thị trường**

Điểm rõ nét trong mấy năm qua của Hải Phòng là thị trường khách du lịch được mở rộng, đặc biệt là thị trường khách du lịch của các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Ngoài ra khách du lịch đến từ các nước Nhật Bản, Thái Lan, Singapore, Mỹ cũng ngày một tăng. Trong những năm gần đây khách du lịch ở các nước trong khu vực Đông Nam Á đến Hải Phòng tăng, trong khi đó khách quốc tế đến từ các nước EU giảm.

Để phát triển du lịch trên địa bàn thành phố, văn phòng UBND thành phố đã phối kết hợp với Công an thành phố phổ biến quy chế về tổ chức quản lý công dân Trung Quốc sử dụng giấy phép xuất nhập cảnh do Trung Quốc cấp, vào Việt Nam tham quan du lịch được ban hành theo Quyết định số 849/QĐ - BCA ngày 27/08/2004 của Bộ công an (gọi tắt là Quy chế 849) đã cho các doanh nghiệp lữ hành quốc tế và các khách sạn từ một sao trở lên trên địa bàn. Đến nay đã có 418 doanh nghiệp lữ hành quốc tế của Hải Phòng có đủ điều kiện hoạt động kinh doanh đón khách du lịch Trung Quốc theo quy chế này.

Năm 2004, Chính phủ miễn bỏ thị thực nhập cảnh đối với công dân Nhật Bản đến Việt Nam tham quan du lịch. Đây là thị trường tiềm năng, du khách có

khả năng thanh toán cao, số lượng khách đông thứ 2 trong cơ cấu khách quốc tế đến Hải Phòng tham quan du lịch. Đến tháng 8 năm 2008, Chính phủ Việt Nam chính thức bãi bỏ thị thực nhập cảnh đối với 46 quốc gia trên thế giới trong đó có các nước Châu Âu và Mỹ. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng xóa bỏ thị thực nhập cảnh đối với toàn bộ kiều bào Việt Nam sống định cư ở nước ngoài. Như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch Việt Nam nói chung, và du lịch Hải Phòng nói riêng có xu hướng phát triển.

Khách du lịch quốc tế đi bằng tàu biển đến Đồ Sơn và Cát Bà ngày càng tăng. Sở Văn hoá, thể thao và du lịch cùng các doanh nghiệp vận tải hành khách đang triển khai đưa tàu cao tốc của ta và tàu cao tốc liên doanh với Trung Quốc vươn tới thị trường Nam Trung Quốc và đảo Hải Nam.

✓ Công tác quảng bá và xúc tiến du lịch

Hoạt động xúc tiến du lịch được đẩy mạnh, cụ thể Sở đang tích cực triển khai các Đề án, kế hoạch:

Đề án Qui định về Điều kiện, tiêu chuẩn của phương tiện thuỷ hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố: Sở đã hoàn thiện dự thảo trình và được UBND thành phố phê chuẩn tại Quyết định số 104/2007/QĐ - UBND ngày 19/01/2007.

Xây dựng tuyến du lịch đường bộ từ Thái Lan – Lào – Nghệ An – Hà Nội – Hải Phòng: sau khi cùng các Sở du lịch Nghệ An, Hà Nội, các thành phố thuộc Lào, Thái Lan họp bàn, khảo sát, hợp tác xây dựng tuyến, *ngiên cứu mở tuyến du lịch sinh thái biển Hải Phòng – Bạch Long Vĩ:* xây dựng Kế hoạch mở tuyến, thực hiện Kế hoạch theo lộ trình; *Hợp tác xây dựng tuyến du lịch “các khu dự trữ sinh quyển ven vịnh Bắc Bộ”:* với Quảng Ninh hai bên đã phối hợp chỉ đạo, quản lí và hướng dẫn các doanh nghiệp đưa, đón khách du lịch tham quan liên vùng Cát Bà - Hạ Long; *cùng triển khai dự án nạo vét, mở luồng tàu Gia Luận (Cát Bà) đến Tuần Châu (Hạ Long).* Với Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình: Sở du lịch thành phố Hải Phòng đã làm việc với Sở Du lịch, Sở Thương mại – Du lịch các tỉnh trên về việc hợp tác xây dựng tuyến du lịch: “các khu dự trữ sinh quyển ven Vịnh Bắc Bộ”. Các Sở đã nhất trí cao đề xuất của Sở du lịch Hải Phòng và thống nhất đề nghị Sở Du lịch Hải Phòng là đầu mối liên hệ và dự thảo Đề án xây dựng tuyến trình Tổng cục du lịch.

Thành lập khu Du lịch quốc gia Đồ Sơn – Lưu vực sông Đa Độ (Kiến Thụy): đang triển khai xây dựng đề án tiếp tục hoàn thiện sau khi có thông tư hướng dẫn thực hiện.

Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch đã được thực hiện dưới nhiều hình thức như: thường xuyên phối hợp với Đài phát thanh truyền hình Hải Phòng, Đài truyền hình Việt Nam (VTV1 và VTV4) làm tin tức, phóng sự truyền hình về du lịch Hải Phòng, duy trì các website du lịch có đăng thông tin về du lịch Hải Phòng... Phối hợp với các tỉnh, thành phố bạn trong nước và nước ngoài tổ chức Hội chợ ẩm thực du lịch, tham gia các đại hội, sự kiện, khảo sát, đón đoàn Famtrip và quảng bá du lịch như: Thái Nguyên, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; các trung tâm du lịch lớn của Trung Quốc như: Bắc Hải, Nam Ninh (Quảng Tây), Hàng Châu (Quảng Đông) (Nguồn: *Sở văn hoá - thể thao và du lịch*).

Trong mùa du lịch Sở văn hoá - thể thao và du lịch đã đưa ra những khẩu hiệu nhằm quảng bá du lịch như: “Đồ Sơn biển gọi” đón khách mùa hè, năm 2009 để thu hút khách du lịch Hải Phòng đã hoàn thành các dự án mở rộng tại Đồ Sơn và đưa ra các chương trình khai mạc lễ hội Đồ Sơn kéo dài từ ngày 30/4 đến 3/5 với nhiều tiết mục ấn tượng, tổ chức chương trình lớn đón mừng vị khách thứ một triệu đến tham quan du lịch Cát Bà ...

✓ Đầu tư phát triển cơ sở vui chơi giải trí

Tại khu vực nội thành và các vùng phụ cận, Sở Văn hoá - thể thao và du lịch đã được khuyến khích xây dựng một số điểm vui chơi giải trí công nghệ cao đã đi vào hoạt động như: khu “dịch vụ ăn uống”, khu vui chơi giải trí nhà nghỉ Cát Cò III, khu vui chơi giải trí đảo Dấu nhân tạo...

Ngoài các dự án đã được phê duyệt và đang triển khai xây dựng, còn có rất nhiều dự án đang trình UBND Thành phố phê duyệt. Khi các dự án mới được triển khai sẽ tiếp tục làm thay đổi diện mạo ngành du lịch thành phố, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

✓ Hệ thống giao thông

Hải Phòng có hệ thống giao thông công cộng tương đối tốt. Việc phát huy lợi thế của Hải Phòng là cảng biển, đầu mối giao thông đã được đặt ra trong chương trình phát triển du lịch ngay từ những năm đầu tiên của thế kỷ này.

Cảng được khơi sâu để các tàu có trọng tải lớn của quốc tế có thể ra vào thuận tiện, Hải Phòng đang xây dựng dự án cảng tàu du lịch tại bến Bính, cầu cảng 11 cảng Hải Phòng, cảng Bến Nghêng - Đồ Sơn, nâng cấp các cảng Cái Bèo – Cát Bà cảng nước sâu Đình Vũ. Hàng loạt các tàu vận chuyển khách hiện đại được trang bị để phục vụ khách du lịch từ bến Bính, Đồ Sơn đi Cát Bà, Hạ

Long tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Hải Phòng đang có kế hoạch mở tuyến du lịch Hà Nội – Quảng Ninh – Hải Phòng, vì vậy việc đầu tư tàu cao tốc để đảm bảo nhu cầu khách du lịch hoặc tuyến Cát Bà - Đồ Sơn và tàu đi ra đảo Dấu để phục vụ du khách trong và ngoài nước.

✓ Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch

Hải Phòng đang từng bước cải tiến chất lượng phục vụ du lịch từ đội ngũ lao động. Hàng năm, bằng những chính sách của mình, thành phố đã và đang thực hiện công tác đào tạo lại và cấp giấy chứng nhận cho hàng trăm người đang làm việc tại các cơ sở phục vụ du lịch.

Quyết tâm xây dựng Hải Phòng là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực du lịch không chỉ cho thị trường Hải Phòng mà còn cho các tỉnh phía Bắc. Hiện tại trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều trường đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch và nghề như: Trường Đại học Hải Phòng, trường Đại học Dân lập Hải Phòng, trường Cao đẳng Cộng Đồng, trường Trung học nghiệp vụ du lịch Hải Phòng - đang nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề du lịch Hải Phòng.

Trong những năm gần đây, Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng luôn đi đầu trong công tác đào tạo, rất nhiều hướng dẫn viên du lịch giỏi, những sinh viên có tâm huyết với hoạt động du lịch của Thành phố.

2.2 Cuộc đời và sự nghiệp của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn

Trong lịch sử Việt Nam thời kỳ trung đại, có lẽ chưa có một vương triều nào như vương triều nhà Trần. Chỉ trong vòng 30 năm (1258 – 1288), họ đã lãnh đạo một dân tộc nhỏ bé chỉ trên dưới 5 triệu dân với chưa đầy 20 vạn quân liên tiếp đánh bại ba cuộc xâm lược của đế chế Nguyên – Mông hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Triều đại nhà Trần với rất nhiều những danh tướng góp mặt trong cuộc chiến hùng tráng của đất nước, nổi bật nhất trong số đó chính là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* [bản kỉ, quyển 5, tờ 1-a] cho hay, tiên tổ của họ Trần là Trần Kinh, người làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Làng nay là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Trần Kinh sinh ra Trần Hấp. Trần Hấp sinh ra Trần Lý. Trần Lý sinh ra Trần Thừa. Kể từ Trần Thừa trở về trước, người họ Trần ở làng Tức Mặc đời đời đều làm nghề chài lưới.

Con trai trưởng của Trần Thừa là Trần Liễu. Khi em là Trần Cảnh làm vua, Trần Liễu được phong là An Sinh Vương. Hiện vẫn chưa rõ An Sinh Vương Trần Liễu có mấy người con, chỉ thấy sử cũ nhắc đến 3 người.

Trong số những người con của An Sinh Vương Trần Liễu, nổi bật hơn cả vẫn là Trần Quốc Tuấn. Trần Quốc Tuấn về sau được phong là Hưng Đạo Vương, vì thế, người đời vẫn quen gọi ông là Trần Hưng Đạo.

Cuộc đời của Trần Hưng Đạo là cuộc đời của một nhà đạo đức, của một người luôn luôn nêu cao và quyết tâm giữ vững tình đoàn kết keo sơn vì nghĩa cả. Ông là biểu tượng sáng ngời của tinh thần trung quân ái quốc.

Trần Quốc Tuấn ra đời khi họ Trần vừa thay thế nhà Lý trong một đất nước đói kém, loạn ly. Trần Thủ Độ, một tôn thất tài giỏi đã xếp đặt bày mưu giữ cho thế nước chông chênh thành bền vững. Bấy giờ Trần Cảnh còn nhỏ mới 11 tuổi, vợ là Lý Chiêu Hoàng. Bà là vị vua cuối cùng của dòng họ Lý, vì nhường ngôi cho chồng nên tôn thất nhà Lý dị nghị nhà Trần cướp ngôi. Trần Thủ Độ rất lo lắng. Bấy giờ Trần Liễu, anh ruột vua Trần Cảnh lấy công chúa Thuận Thiên, chị gái Chiêu Hoàng đang có mang. Trần Thủ Độ ép Liễu nhường vợ cho Cảnh để chắc có một đứa con cho Cảnh. Liễu nổi loạn. Thủ Độ dẹp tan nhưng tha chết cho Liễu. Song điều này không dẹp nổi lòng thù hận của Liễu. Vì thế Liễu kén thầy giỏi dạy cho con trai mình thành bậc văn võ toàn tài, ký thác vào con mối thù sâu nặng. Người con trai ấy chính là Trần Quốc Tuấn. Thuở nhỏ, có người đã phải khen Quốc Tuấn là bậc kỳ tài. Khi lớn lên, Trần Quốc Tuấn càng tỏ ra thông minh xuất chúng, thông kim bác cổ, văn võ song toàn. Trần Liễu thấy con như vậy mừng lắm, những mong Quốc Tuấn có thể rửa nhục cho mình. Song, cuộc đời Trần Quốc Tuấn trải qua một lần gia biến, ba lần quốc nạn và ông đã tỏ ra là một bậc hiền tài. Khi sắp qua đời, An Sinh Vương cầm tay Quốc Tuấn và trời trăng lại rằng: “*Nếu con không vì cha mà lấy được thiên hạ thì ở nơi suối vàng, cha không sao nhắm mắt được.*” Quốc Tuấn ghi nhớ lời của cha, nhưng không cho đó là lời nói phải.

Thù nhà ông không đặt lên trên quyền lợi dân nước, xã tắc. Ông đã biết dẹp thù riêng, vun trồng cho mối đoàn kết giữa tông tộc họ Trần khiến cho nó trở thành cội rễ của đại thắng. Bấy giờ quân Nguyên sang xâm chiếm Việt Nam.

Trần Quốc Tuấn đã giao hảo hoà hiếu với Trần Quang Khải. Hai người là hai đầu mối của hai chi trong họ Trần, đồng thời một người là con Trần Liễu, một người là con Trần Cảnh, hai anh em đối đầu của thế hệ trước. Sự hoà hợp của hai người chính là sự thống nhất ý chí của toàn bộ vương triều Trần, đảm bảo đánh thắng quân Nguyên hung hãn.

Chuyện kể rằng: thời ấy tại bến Đông, ông chủ động mời Thái sư Trần Quang Khải sang thuyền mình trò chuyện, chơi cờ và sai nấu nước thơm tự mình tắm rửa cho Quang Khải... Rồi một lần khác, ông đem việc xích mích trong dòng họ dò ý các con, Trần Quốc Tảng có ý khích ông cướp ngôi vua của chi thứ, ông nổi giận định rút gươm toan chém chết Quốc Tảng. Do các con và những người tâm phúc xúm vào van xin, ông bớt giận dừng gươm nhưng bảo rằng: Từ nay cho đến khi ta nhắm mắt, ta sẽ không nhìn mặt thẳng nghịch tử, phản thầy này nữa!

Trong chiến tranh, ông luôn hộ giá bên vua, tay chỉ cầm cây gậy bịt sắt. Thế mà vẫn có lời dị nghị, sợ ông sát vua. Ông bèn bỏ luôn gậy bịt sắt, chỉ chống gậy không khi gần cận nhà vua nên sự nghi kỵ cũng chấm dứt. Giỏi tâm lý, chú ý từng việc nhỏ để tránh hiềm nghi, yên lòng quan để yên lòng dân, đoàn kết mọi người vì nghĩa lớn dân tộc. Trần Quốc Tuấn trọn đời trung trinh son sắt vì vua, vì nước.

Vua giao quyền tiết chế cho Trần Quốc Tuấn. Ông biết dùng người tài, các anh hùng Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng... đều từ cửa tướng của ông mà ra. Ông rất thương binh lính và họ cũng rất tin yêu ông. Đội quân cha con ấy đã trở thành đội quân bách thắng.

Trần Quốc Tuấn đã soạn hai bộ binh thư: “*Binh thư yếu lược*” và “*Vạn Kiếp tông bí truyền thư*” để dạy bảo các tướng cách cầm quân đánh giặc. Trần Khánh Dư, một tướng giỏi cùng thời đã hết lời ca ngợi ông: ...“Lấy ngũ hành cảm ứng với nhau, cân nhắc cửu cung, không lẫn âm dương...”. Biết dĩ đoản binh chế trường trận, có nghĩa là lấy ngắn chống dài. Khi giặc lộ rõ ý định gây hấn, Trần Quốc Tuấn truyền lệnh cho các tướng, răn dạy chỉ bảo lẽ thắng bại tiến lui. Bản Hịch tướng sĩ viết bằng giọng văn thống thiết hùng hồn, mang tầm tư tưởng của một bậc “đại bút”.

Trần Hưng Đạo là người có công khai sinh ra nền khoa học quân sự nước ta. Trước Trần Hưng Đạo, bao thế hệ anh hùng hào kiệt đã chiến đấu và chiến thắng, góp phần đắc lực vào việc làm phong phú kho tàng kinh nghiệm chống xâm lăng. Nhiều bậc anh hùng hào kiệt đã thực sự tiến tới đỉnh cao của nghệ thuật cầm quân, thậm chí là đỉnh cao điều luyện của loại hình nghệ thuật đặc biệt này. Nhưng, một nền khoa học thực sự với đầy đủ ý nghĩa của từ này, thì phải đợi đến Trần Hưng Đạo mới chính thức được khai sinh. Trước tác có giá trị đánh dấu sự kiện này chính là *Binh thư yếu lược*.

Với việc biên soạn và phổ biến *Binh thư yếu lược*, Trần Hưng Đạo đã để lại cho đời sau bài học vô giá về kinh nghiệm chống xâm lăng, rằng muốn đập tan những đội quân ăn cướp tàn bạo và thiện chiến, thì bên cạnh tinh thần chiến đấu, lí tưởng chiến đấu và trình độ võ nghệ cũng như thiết bị kĩ thuật, tướng sĩ còn phải được trang bị những tri thức về binh pháp. Với việc khai sinh *Binh thư yếu lược*, Trần Hưng Đạo đã thực sự trở thành nhà lí luận quân sự xuất sắc đầu tiên của nước ta. Tuy nhiên, Trần Hưng Đạo không phải chỉ là nhà lí luận xuất sắc mà còn là nhà chỉ huy thiên tài. Ông là linh hồn của những chiến công chống xâm lăng vang dội ở thế kỷ XIII.

Sinh thời, uy danh lẫy lừng của Trần Hưng Đạo đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, “tiếng vang đến cả giặc phương Bắc, khiến chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương chứ không dám gọi tên”. [*Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 11-a]

Là tướng nhân, Trần Quốc Tuấn thương dân, thương quân, chỉ cho quân dân con đường sáng. Là tướng nghĩa, ông coi việc phải hơn điều lợi. Là tướng chí, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là tướng dũng, ông sẵn sàng xông pha vào nơi nguy hiểm để đánh giặc, lập công, trận Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời là đại công của ông. Là tướng tín, ông bày tỏ trước cho quân lính biết theo ông thì sẽ được gì, trái lời ông thì sẽ bị gì. Cho nên cả ba lần đánh giặc Nguyên – Mông, Trần Quốc Tuấn đều lập công lớn.

Khi đại thắng quân Nguyên ở trận Bạch Đằng lịch sử, Trần Hưng Đạo đã là một lão tướng, tuổi cũng xấp xỉ đến lục tuần. Sau nhiều năm lao tâm khổ tứ, sức khoẻ của lão tướng Trần Hưng Đạo cũng dần dần cạn kiệt. Sử cũ chép rằng, ngày 24 tháng 6 năm Canh Tí (1300), trời bỗng có sao sa. Cũng vào ngày tháng ấy, Trần Hưng Đạo lâm bệnh. Hai tháng trước khi mất, vua Trần lúc bấy giờ là Trần Anh Tông (1293-1314) ngự tới tận nhà để thăm rồi nhân đó hỏi rằng :

- *Nếu có điều chẳng may xảy ra mà bọn giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì nên có kế sách đối phó như thế nào?*

Ông đã trấn trối những lời cuối cùng, thật thấm thía và sâu sắc cho mọi thời đại “Khoan sức dân để làm kế rã sâu gốc vững, đó mới là thượng sách giữ nước”. Mùa thu tháng Tám, ngày 20, năm Canh Tý, Hưng Long thứ 8 (1300) "Bình Bắc đại nguyên soái" Hưng Đạo đại vương qua đời. Theo lời dặn lại, thi hài ông được hỏa táng thu vào bình đồng và chôn trong vườn An Lạc, giữa cánh rừng An Sinh miền Đông Bắc, không xây lăng mộ, đất san phẳng, trồng cây như cũ...

Bảy thế kỉ qua, tên tuổi và sự nghiệp của Trần Hưng Đạo luôn toả sáng trong sử sách, luôn là nguồn cảm hứng vô tận của thơ văn và nhiều loại hình nghệ thuật khác ở nước ta. Cao Bá Quát (1808 – 1855) ca ngợi:

*Phổ xuất tiên nguyên cái thế hào,
Phấn thân tuấn quốc bất từ lao.
Xanh phù nhật cốc khâm hoài nhuệ,
Tấn tảo biên trần thủ đoạn cao.
Công mẫn Nam thiên thùy trúc bạch,
Uy dư Đông Hải thiếp ba đào.
Phần Dương khánh diển hồn dư sự,
Trường sử Hồ nhi thức tuấn mao.*

(Là đáng anh hào bậc nhất trong đời, vốn dòng dõi nhà tiên,
Dấn mình vì nước chẳng nề khó nhọc.

Nâng đỡ xe mặt trời lòng những hăng hái,
Quét sạch bụi ngoài cõi, mưu lược thật cao siêu.
Công cao đầy cả trời Nam, lưu truyền sử sách,
Uy linh khắp biển Đông, sóng cả yên lặng.
Ân trạch ở Phần Dương có sánh cũng bằng thừa,
Mãi khiến giặc Hồ phải biết tay tài giỏi).

Các cây đại bút thời Trần như Bùi Tông Quán, Phạm Sư Mạnh, Lý Tế Xuyên, Trương Hán Siêu...v.v đều có những tuyệt tác về Trần Hưng Đạo và sự nghiệp của ông. Các nhà khoa bảng Nho học sau đó cũng thường dành cho Trần Hưng Đạo những lời đặc biệt kính trọng.

Ngày nay, hình như hiếm có vị anh hùng dân tộc nào mà họ tên và tước hiệu được trang trọng đặt cho nhiều đường phố, công sở và trường học như Trần Hưng Đạo.

2.3 Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần (Hưng Đạo Đại Vương)

Trên đất nước ta, trong số các nhân vật lịch sử được nhân dân tôn thờ là thần, là thánh hay thành hoàng có lẽ không ai là nhiều hơn Trần Hưng Đạo – Người mà tên tuổi đã gắn liền với chiến công ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên – Mông (thế kỷ XIII – XIV), đặc biệt là chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, người anh hùng cứu nước, vị tướng lĩnh tài ba trong lịch sử dân tộc, nhà quân sự kiệt xuất trong lịch sử chiến tranh thế giới, và là người được nhân dân bao đời nay ngưỡng mộ.

Trong tâm thức người Việt, sự *Thánh hoá Trần Hưng Đạo* đã được thể hiện một cách rất cụ thể và đầy đủ. Ở Việt Nam có rất nhiều thánh nhưng rất ít những vị Thánh được thờ phụng và nhắc đến nhiều như đức Thánh Trần và đức Thánh mẫu Liễu Hạnh. Người Việt Nam tôn vinh Trần Hưng Đạo lên bậc siêu nhân huyền thoại. Ngài có những uy quyền phép thuật, diệt trừ được những bọn hung tàn (cả người ác và ma quái). Phép thuật của Ngài là: giết giặc cứu nước, trị bệnh cứu dân. Ngài đã trở thành người không có tuổi, đã hiện diện cả hôm qua, hôm nay và mãi mãi sau này. Do vậy chúng ta có thể thấy chất Người, chất Phật, chất Thần trong vị Thánh này.

Muôn năm Vạn Kiếp miếu đình

Độ dân là Phật, hiển linh là Thần.

Trong tâm thức dân gian, Hưng Đạo đại vương thường được vinh danh là đức Thánh Trần và đồng nhất Ngài với Ngọc Hoàng thượng đế, từ đó tạo nên một dòng đạo Nội - đạo Thanh đồng, mà đức Thánh Trần là giáo chủ.

"Sinh vi tướng, tử vi thần" (sống là tướng giỏi, chết là phúc thần), suốt mấy trăm năm qua, Đức Thánh Trần đã thực sự có ảnh hưởng sâu đậm tới đời sống tâm linh của người dân Việt.

Người ta tôn thờ Ngài nhiều đến như vậy, trước hết là bởi một nhu cầu được hầu Thánh (hầu bóng, hầu đồng, lên đồng) và thưởng thức hầu Thánh. Hầu Thánh là một loại hình múa hát thiêng trong một không gian thiêng liêng có một sức hấp dẫn kỳ lạ. Người diễn - lên đồng, thâu đêm người xem cũng thức thâu đêm không biết mệt, Hầu bóng - một nghi lễ đã ăn sâu vào tâm thức dân gian. Trong quá trình phát triển của lịch sử, lúc đậm lúc nhạt, nhưng diễn xướng hầu Thánh bao giờ cũng được người dân đón nhận một cách nhiệt tình. Đi xem hầu Thánh là để được xem múa hát, là để, dù chỉ được "ban" một ít lộc, nhưng đối với mọi người, thì điều đó rất thiêng liêng - "Một miếng lộc Thánh bằng một gánh lộc trần".

Trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* Phan Huy Chú có viết: "*Trong nước hễ có đàn bà bị Bá Linh ám ảnh, gọi là ma Phạm Nhan, người ta thường đem chiếu đối lấy chiếu của Đền (Kiếp Bạc – tác giả) về trải giường cho bệnh nhân nằm thì khỏi ngay*". Trong ngày hội, những người đàn bà vô sinh, hiếm muộn hoặc là mắc các chứng bệnh đàn bà...người ta đến Đền cúng bái. Thầy cúng (có thể là thầy phù thủy) dùng roi dâu đánh vào người đàn bà, người ấy lăn lộn, thậm chí lăn xuống sông, thì coi như tà ma đã được trừ (xuất phát từ chuyện Đại vương chém Phạm Nhan). Người ta tin rằng, với uy danh của đức Thánh

Trần trừ diệt được Phạm Nhan thì mọi tà ma đều được trừ diệt. Đó là tư tưởng: tin cậy nhờ đức Thánh trừ là sát quý.

Cùng với mục đích như vậy là niềm tin trong việc cầu phúc, tránh họa. Người dân tìm đến đền thờ Trần Hưng Đạo đem theo niềm ước vọng của mình: cầu được bình an, học hành hiển đạt, làm ăn phát tài, tránh được mọi điều xui xẻo và, phổ biến nhất, là việc cầu tự (cầu được có con). Những đứa trẻ ra đời được gọi là "Con cầu tự". Cuối cùng chính là niềm tin trong việc xin ấn, cũng chính bởi những chiếc ấn, người ta xin về treo ở nhà và tin rằng sẽ gặp nhiều điều may mắn trong cuộc sống.

Nhìn chung, hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước đều có tục thờ Trần Hưng Đạo. Đền thờ Trần Hưng Đạo được dựng lên ở khắp nơi. Ở phía Bắc, theo sự tập hợp của trường Viễn Đông Bác Cổ vào những năm 30 của thế kỷ XX, thì những thần tích thần sắc về Ngài đã có trên địa bàn ở nhiều tỉnh. Nhiều nhất là tỉnh Nam Định (với 47 nơi, khoảng trên 120 di tích), kế đến là Hà Nam (24 nơi), Thái Bình (20 nơi). Chưa kể còn có nhiều di tích, Trần Hưng Đạo được phối tự cùng với nhiều vị thần khác. Chẳng hạn, chỉ riêng ở Nam Định, việc phối tự này được thấy ở nhiều nơi

- Huyện Ý Yên: Làng Ngô Xá, Vũ Xuyên, Mỹ Dương
- Huyện Xuân Trường: Làng Nam Điền
- Huyện Vụ Bản: Làng Bích Thôn
- Huyện Nghĩa Hưng: Làng Trạng Vĩnh, Quần Lạc
- Huyện Nam Trực: Làng Trung Khánh thượng
- Huyện Hải Hậu: Làng Trung Phương

Ở các tỉnh phía Nam tuy ít hơn nhưng hầu như tỉnh, thành phố nào cũng có thờ. Trong đó, quy mô lớn nhất phải kể đến là đền Trần Hưng Đạo (Vạn An Linh từ) ở số 36, đường Võ Thị Sáu, phường 4, quận Nhất, T. phố Hồ Chí Minh. Đây vốn là ngôi chùa thờ phật nhưng đã chuyển thành đền thờ Trần Hưng Đạo kể từ năm 1932. Điều đó cho thấy, tâm lý tôn vinh, phụng thờ đức Thánh Trần rất phổ biến trong nhân dân Việt Nam. Các đền thờ, các thần tích đã chứng minh sự thánh hoá Trần Hưng Đạo là một nhu cầu tâm linh của quần chúng. Họ tôn thờ và thấy đức Thánh Trần rất hiển linh, song không huyền hoặc. Ngài có công với nước, với dân: đuổi giặc thì giặc chạy, trừ ma thì ma trốn.

Có cả những sách vở, vừa của giới bác học, vừa của các nho sĩ bình dân, viết về Trần Hưng Đạo và đều tôn Ngài là Thánh. Những bài văn châu như *Trần*

triều hiển thánh, những bản sự tích như *Trần triều Hưng Đạo Đại Vương truyện*, hoặc *Kiếp Bạc vạn ninh từ điển tích*, và đều nhất quán khẳng định ngài là bậc Thánh của các triều đại: “*Lịch triều Lê, Nguyễn thánh minh*”.

Sự thánh hoá Trần Hưng Đạo còn thể hiện rất rõ trong các lễ hội ở khắp mọi nơi, nhưng được tổ chức trọng thể hơn, với quy mô quốc tế là ở Bảo Lộc (Nam Định), Đồng Bằng (Thái Bình) và Kiếp Bạc (Hải Dương). Riêng ở Kiếp Bạc, ngày 20-8 được gọi là ngày giỗ Cha:

Dù ai buôn xa bán xa

Hai mươi tháng tám giỗ cha thì về.

2.4 Một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng

Hưng Đạo Vương đã nhận được nhiều sắc phong thượng đẳng tối linh thần của các vương triều, được Nhà nước chính thức đưa vào thờ phụng trong các đền miếu. Sách “*Đại nam thông nhất chí*” hay “*Nam định dư chí*” đều chép: “*Năm Minh Mạng thứ 4, cho được thờ vào miếu đế vương các đời. Năm Minh Mạng thứ 16, cho được thờ vào Vũ Miếu*”.

Trong số các sắc phong của các triều đại nhà Lê – Nguyễn, còn giữ lại rất nhiều các di tích thờ ông, đều dùng những mỹ từ ca ngợi công ơn to lớn của Trần Hưng Đạo là “ **sống là tướng, thác là thần, uy vũ, linh ứng cảm biến cả trời đất** ”. Tất cả các sắc phong của các triều đại đều phong cho Trần Hưng Đạo là “ **thượng đẳng thần** ” – chức tước cao nhất của các vị thần (hai chức pháp vị thấp hơn là trung đẳng thần và hạ đẳng thần).

Nhưng sắc phong lớn nhất mà người dân Việt Nam trong suốt bảy thế kỉ qua đã phong tặng là ĐỨC THÁNH TRẦN, là VUA CHA, là ĐẾ. Cũng vì thế, vị thánh này đã có ảnh hưởng khá lớn trong chiều sâu tâm tưởng và đời sống hàng ngày của người dân đất Việt.

Ngoài ra, hầu như tất cả các đình, đền thờ Trần Hưng Đạo đều lưu giữ được nhiều câu đối, những bức hoành phi, đại tự ca ngợi công ơn, đức tính trung hiếu vẹn toàn của Trần Hưng Đạo.

Bạch Đằng nhất trận thủy công

Tặc Nguyên đại phá huyết hồng mãn giang

Có một điều khá đặc biệt là khá nhiều vị vương công, danh tướng dưới triều Trần, phần lớn đều ở dưới trướng Trần Hưng Đạo, đều được hiển thánh theo tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu và thờ Đức Thánh Trần. Từ Hưng Đạo Vương trở thành Đức Thánh Trần có vị trí tôn vinh riêng, các vị khác cũng đều được cầu bái nơi

điện thờ Tứ phủ, điển hình những nơi như vậy chính là phủ Thượng Đọan (Phương Lưu, Đông Hải). Hay như đền Phú Xá, ngoài việc thờ phụng Quốc công tiết chế thì nhân dân còn xây dựng cả hệ thống Trần Triều uy nghi với từng khám thờ riêng biệt, từng vị cũng đều được các tín chủ khấn nguyện riêng và cũng có giá châu như Nhị vị Vương Cô, Tứ vị vương tử, Đức ông Tả Hữu...

Đối với một số đền thờ như đình Chung Mỹ (huyện Thủy Nguyên) thờ Hưng Trí Vương Trần Quốc Hiện, tuy thần chủ là con trai thứ năm của Ngài nhưng tượng thánh của Trần Hưng Đạo bao giờ cũng được đặt ở vị trí cao nhất của ban thờ, cho dù kích thước thực thể có nhỏ hơn. Hay như miếu Phả Lễ, Hưng Đạo Vương được thờ bằng bài vị ở nghè chưa có sắc phong nhưng lại chính là một trong 4 vị Thành Hoàng nổi tiếng được thờ nơi đây. Có thể dễ dàng nhận thấy việc thờ cúng Trần Hưng Đạo được coi như là thờ một vị Thánh trong Tứ phủ, Ngài được coi là Vua Cha. Ngoài các đình, đền, miếu, nghè, Trần Hưng Đạo còn được thờ ở nhiều chùa gọi là “cung Trần triều”, hay “cung Đức Thánh Trần” như ở Chùa Vẽ (Đông Hải I, Hải An)

2.4.1 Di tích lịch sử đền Phú Xá

Quận Hải An là quận nằm ở phía Đông Nam thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Nghị định 106/NĐ-CP ngày 20/12/2002 của Chính Phủ trên cơ sở tách 5 xã thuộc huyện An Hải (cũ) và phường Cát Bi thuộc quận Ngô Quyền, với diện tích 10.492 ha, dân số khoảng 77.600 người.

Nằm trong hệ thống 5 xã thuộc huyện An Hải cũ, Đền Phú Xá là một trong những di tích của phường Đông Hải I (Quận Hải An – Hải Phòng) đã được Bộ Văn hoá thông tin công nhận di tích lịch sử văn hoá kiến trúc nghệ thuật (ngày 16 – 11 – 1988). Cách nội thành Hải Phòng 8km về phía Đông – ngôi đền này có vị trí rất thuận lợi cho sự phát triển du lịch của địa điểm này.

Truyền thuyết dân gian ở địa phương cho biết: nơi đây, Trần Quốc Tuấn đã thiết lập nhiều kho lương thực, chuẩn bị cho chiến dịch Bạch Đằng năm 1288, đồng thời diễn ra cuộc khao thưởng quân sĩ có công trước khi kéo quân về căn cứ Vạn Kiếp

Tại vị trí ngôi đền cổ kính ngày nay, nhân dân còn tôn thờ người phụ nữ có tên Bùi Thị Từ Nhiên – người giữ trọng trách chăm lo quân lương, cung cấp hậu cần quân đội nhà Trần thuở ấy. Qua lời cụ Phạm Văn Cố (hiện là Phó ban quản lí di tích, 77 tuổi) cho biết : đây là kho quân lương của nữ tướng địa phương Bùi Thị Từ Nhiên, bà đã vận động con cháu quyền góp cho kho lương. Vào năm

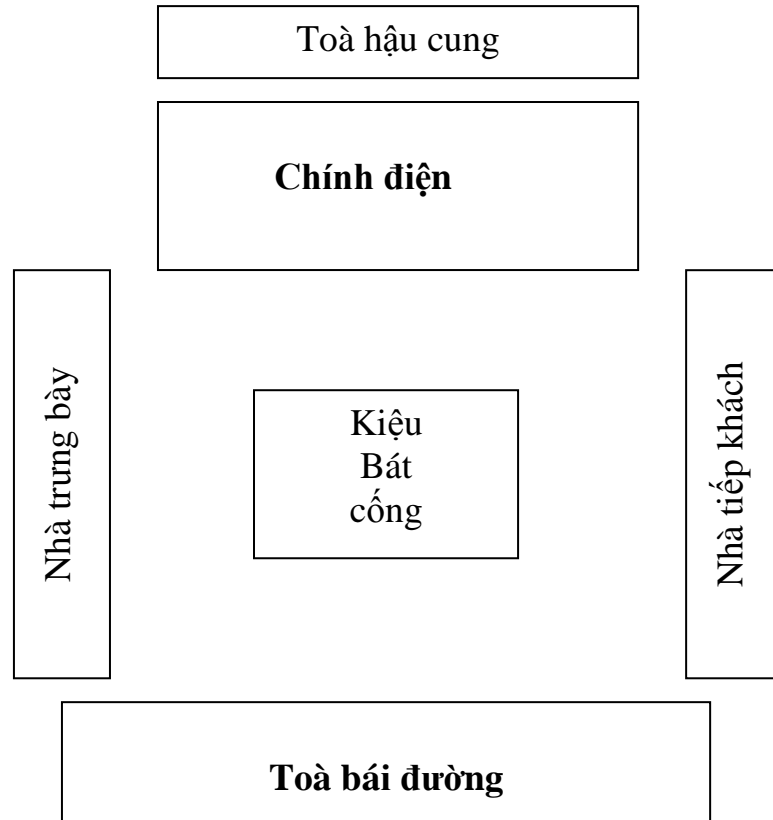
1288, quân dân nhà Trần đã chiến thắng giặc xâm lược Nguyên – Mông trận cuối cùng với những chiến tích lẫy lừng, nơi đây diễn ra cuộc khao quân thưởng sĩ trước khi đoàn người về Vạn Kiếp (Kiếp Bạc - Hải Dương). Cùng đó là những dấu tích được để lại, lưu lại dấu ấn cho con cháu những bước chân anh hùng qua các di tích, như bãi cọc trên sông Bạch Đằng hay miếu Vua Bà (Yên Hưng - Quảng Ninh). Ngoài ra, cầu kết với Chùa Vẽ là di tích vẽ chiến đồ, Chùa Đò là nơi nấu ăn, bếp núc để chuyển thực phẩm ra chiến trường. Đó là 2 di tích thờ vọng.

Truyền ngôn ở đây còn kể lại rằng, giặc tan, bà Bùi Thị Từ Nhiên lại cùng dân làng chăm lo sản xuất, xây dựng xóm làng. Dân làng Phú Xá rất tự hào về truyền thống yêu nước, góp phần đánh giặc ngoại xâm từ thế kỷ XIII qua hình ảnh bà nữ tướng hậu cần họ Bùi của quê hương.

Năm 1300, nhớ đến công ơn đánh đuổi giặc ngoại xâm, nhân dân địa phương đã tạo dựng ngôi đền thờ Trần Hưng Đạo. Ngôi đền quay hướng Bắc và làm bằng tranh, tre, nứa lá. Nhưng cho đến năm Canh Thân (1320), một cơn hồng thủy kéo đến cướp đi sinh mạng của nhiều người, tàn phá làng quê bé nhỏ. Hậu quả của cơn hồng đó khiến người dân phải bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống. Khi nước rút, dân làng trở về, bắt tay khôi phục xóm thôn. Bà Bùi Thị Từ Nhiên đã vận động nhân dân sửa lại ngôi đền thờ Ngài. Làng Phú Xá ban đầu gọi tên là làng Phú Lương, thời Tự Đức (1848 – 1882), do tránh tên húy chồng bà Bùi Thị Từ Nhiên nên đổi thành Phú Xá.

Đền Phú Xá được dựng lại quy mô hơn, sau khi trải qua nhiều biến cố, cách đây hơn 700 năm trước, vào khoảng thời gian năm Canh Thìn, khi Khải Định làm vua được 6 năm.

Trải qua nhiều lần tu sửa, đền Phú Xá ngày nay đã trở thành một công trình kiến trúc bề thế có diện tích khoảng 5.500m², nét trang trí nghệ thuật chạm khắc, đắp vẽ mang đậm dấu ấn phong cách đời Nguyễn, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Với kết cấu “nội công ngoại quốc”, từ sân bước vào là 5 gian tiền đường, 2 hàng giải vũ, 3 gian cung cấm trong cùng, ở khoảng sân giữa như giếng trời xen 2 toà cung trước là “thiên hương”, còn giờ đây người ta tu sửa thành gian để cỗ kiệu.



Cảnh quan của đền Phú Xá thoáng đạt, quang đấng có thể coi như địa thế đắc lợi, phong thủy hữu tình. Tiền điện có hồ bán nguyệt, bán kính ngang với chiều rộng của đền. Đền mở một cổng lớn và hai cổng nhỏ cổ xưa còn lưu lại với những nét tự chắc nịch soi bóng xuống mặt hồ. Trước khi tiến tới điện chính, người ta đi qua hàng sân gạch đỏ, rộng là sự đóng góp xây dựng đền của khách thập phương với những hàng cây cổ thụ sai bóng vươn dài và một toà tháp đá tựa góc phải cao 2.5m chưa tính cả bệ là 5 bậc thang hướng trụ, luôn được đặt hoa.

Đền Phú Xá là một ngôi đền lớn không chỉ về bề dày lịch sử, về cấu trúc, phong cách mà còn là đối tượng được thờ. Đây là ngôi đền chính thờ Trần Hưng Đạo và gia đình Ngài trong cụm di tích cấp quốc gia tại Đông Hải, Hải An. Sau bàn thờ Công đồng nhà Trần tại bái đường là đến các ban thờ của gia đình Hưng Đạo Vương gồm Phu nhân của Ngài là Nguyên Từ Quốc Mẫu, 4 người con trai, 2 người con gái và một tướng lãnh tài ba đồng thời cũng là con rể của Ngài. Bốn vị hoàng nam lần lượt đó là Hưng Võ Vương *Trần Quốc Hiến*, Hưng Trí Vương *Trần Quốc Nghiễn*, Hưng Nhượng Vương *Trần Quốc Tảng* và Hưng Hiến Vương *Trần Quốc Uy*. Người con trưởng Hưng Võ Vương là một võ tướng có tài, sau là Phò mã của vua Trần Thánh Tông (phu quân của *Thiên Thụy Công*

Chúa) được đặt ban thờ tại gian cấm cung cùng với Hưng Đạo Vương và phu nhân. Ngoài ra, tả hữu ban thờ tiền tế là Đệ nhất vương cô Quyên Thanh Công Chúa (*Trinh Công Chúa* – con gái cả, là Hoàng Hậu của vua Trần Nhân Tông, sau được người con là vua Trần Anh Tông (1293 – 1314) tôn là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Hậu) và Đệ nhị vương cô Đại Hoàng Công Chúa (đây chính là *Nguyên Công Chúa* – con gái nuôi của Trần Hưng Đạo, là vợ của vị danh tướng Phạm Ngũ Lão, người có công lớn trong các cuộc chiến tranh vệ quốc chống quân Nguyên xâm lược lần thứ hai và lần thứ ba). Sử cũ ghi rất rõ tên, tước hiệu và những công hiến nổi bật của các con Trần Hưng Đạo, nhưng, ngoài việc khẳng định Trinh Công Chúa là con gái đầu lòng, những người con trai kế tiếp hiện vẫn chưa biết chắc thứ bậc anh em trước sau cụ thể ra sao. Ban giữa thờ Nữ tướng hậu cần Bùi Thị Từ Nhiên, người có công giúp việc quân lương của quân đội nhà Trần, năm 1328 bà qua đời, dân làng nhớ công lao của bà và đã thờ phôi hưởng bà tại đây với tư thế ngồi trong ngai sơn son thếp vàng rực rỡ, quần hồng bào, viên áo thêu long phượng, tượng pho nhỏ, nét mặt thanh tú, điềm nhiên nhưng toát lên vẻ cương nghị của bậc hào kiệt thời Trần.

Theo truyền thống dân gian “Tháng Tám giỗ Cha, Tháng Ba giỗ Mẹ”. Trần Hưng Đạo mất ở Vạn Kiếp, thọ ở tuổi 72. Ngày 20 tháng Tám âm lịch hàng năm chính là ngày kỵ của Ngài. Khi Ngài mất dân gian tôn sùng, gọi Ngài là Thánh Vương, dựng đền thờ Ngài ở rất nhiều nơi trải dài trên khắp đất nước. Còn tháng Ba chỉ việc thờ Mẹ. Mẹ ở đây chính là Mẫu Liễu Hạnh và có thể bao gồm các mẫu phủ khác. Việc thờ song hành như vậy chính là biểu hiện của triết lý âm dương trong đời sống, tín ngưỡng của người Việt. Tại đền Phú Xá có một gian nhà cổ nhỏ kê bên điện chính toà tiền đường. Trước đây gian nhà cổ xưa đó là một chùa nhỏ thờ phụng Phật và các Mẫu. Nhưng hiện thời gian nhà đó dành riêng cho việc thờ cúng các Mẫu, người ta thường gọi là điện thờ Mẫu, tuy không tráng lệ như Phủ Thượng Đoạn (Đình Thêu – nơi thờ cúng Mẫu riêng thuộc cụm di tích đình, đền, chùa nổi tiếng của làng An Hải xưa) nhưng hệ thống thờ cũng khá đầy đủ với Tam Toà Thánh Mẫu. Còn đối với chùa, dân làng trong thôn đã tự nguyện góp tiền của xây dựng một ngôi chùa có quy mô tương đối có tên Chùa Phú Lễ. Thôn làng đã dành 1 khoảng đất lớn để xây dựng chùa, và còn có Ủy ban nhân dân của phường Đông Hải I mượn đất của làng văn hoá thôn Phú Xá làm cơ quan chính quyền.

2.4.2 Di tích lịch sử văn hoá Chùa Vẽ

Chùa Vẽ vốn là một ngôi chùa thờ Phật giống như mọi chùa làng Việt Nam khác của nhân dân làng Đoạn Xá, huyện An Dương, xứ Hải Dương xưa kia (nay là phường Đông Hải, quận Hải An). Đồng thời, chùa còn là một di tích lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng lịch sử lần thứ ba (1288) của dân tộc. Cách trung tâm thành phố 5km, chùa xưa kia có tên gọi là Bà Ni Tự sau đổi thành Hoa Linh Tự và tên nôm thường gọi là Chùa Vẽ.

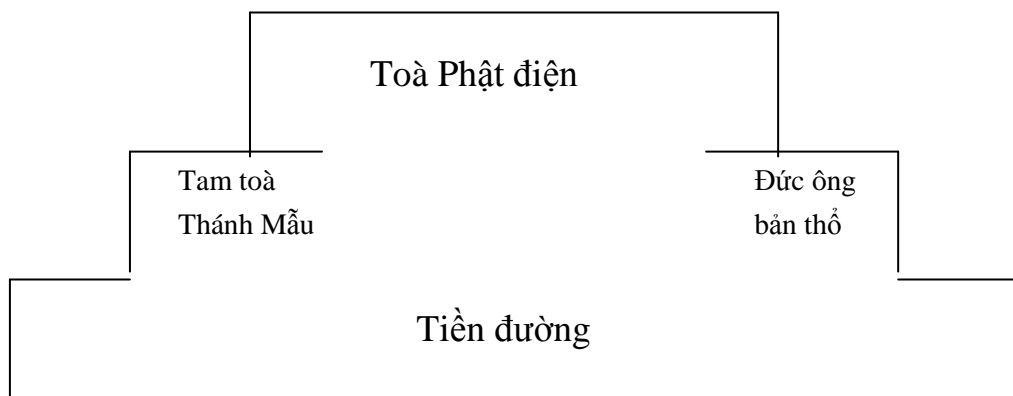
Theo truyền thuyết năm 938 Ngô Vương Thiên Tử đã chọn chùa làm nơi lập đồn binh, chuẩn bị cho thế trận Bạch Đằng, đánh đuổi quân Nam Hán. Đến thế kỷ thứ XIII năm 1288 trong cuộc kháng chiến thần thánh chống quân xâm lược Nguyên – Mông, dưới sự chỉ đạo của vị tướng tài ba Trần Hưng Đạo, vị trí này được chọn làm nơi quan sát thế địa, vẽ bản đồ chiến thuật. Chính vì lí do này nên tên nôm của chùa chính là Chùa Vẽ. Như vậy cũng có thể nói chùa Vẽ là ngôi cổ tự ra đời rất sớm ở nước ta.

Theo dân sở tại, có hai cách giải thích tên gọi Chùa Vẽ như sau: địa bàn xã Đông Hải trải dài theo bờ nam sông cửa Cấm, với nhiều làng xã, địa danh cổ gắn liền với những sự kiện oanh liệt chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Vương như: Hạ Đoạn, Đoạn Xá, Phương Lưu và chiến thắng Bạch Đằng năm 1287 - 1288 của quân dân ta thời Trần, đó là các làng quê: Phú Xá, Bình Kiều... Truyền sử địa phương đặc biệt nhắc tới vai trò lợi hại của các ngôi chùa ở khu vực này đã góp phần vào thắng lợi vang dội của quân dân ta trong thế kỷ XIII. Đó là Linh Đô tự, tên nôm là Chùa Đò (gần khu vực cảng cửa Cấm ngày nay) là nơi quân ta nổi lửa, nuôi quân đánh trận. Chùa làng Đoạn Xá là nơi các thám tử của Hưng Đạo Vương vẽ sơ đồ chuẩn bị cho trận thủy chiến chôn vùi mộng xâm lăng của quân Nguyên-Mông và chùa Tân Để vốn là một kho hậu cần quan trọng của triều đình, bên cạnh đến Phú Xá là kho lương tự nguyện của nhân dân... Do vậy, chùa làng Đoạn Xá ngoài tên chữ Hoa Linh Tự, còn có tên nôm rất phổ biến trong nhân dân quanh vùng là Chùa Vẽ.

Một cách giải thích nữa là chùa mang tên vị tăng có công khai lập ngôi chùa thờ Phật từ buổi gian nan, chùa sư ông Vẽ, sau truyền đến Sư Vô. Rất tiếc, cách giải thích này cũng chưa thật đầy đủ, lại chưa có một văn bản nào đáng tin cậy nói về việc này từ bao đời nay. Nhưng tên chùa là Chùa Vẽ đã trở nên quen thuộc với cư dân Hải An. Chùa Vẽ nổi danh trong vùng tới mức một công trình

giao thông mang tầm cỡ quốc gia mới được xây dựng trong những năm gần đây cũng được mang tên chùa, gọi là cảng Chùa Vẽ.

Đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật cổ còn khá nguyên vẹn, nguy nga. Chùa Vẽ có quy mô và nghệ thuật trang trí kiến trúc giống hệt như các đình làng nổi tiếng trong vùng như Đông Khê, Hạ Lũng, Phụng Pháp v.v... chứ không mang dáng vẻ thấp và u tịch như các chùa làng Việt Nam khác. Khuôn viên chính của toà Phật điện to lớn, đứng sừng sững trên ba lớp thềm bậc đá xanh cao 0,85m, đứng song hành hàng ngang với dãy nhà khách, nhà tổ và vườn tháp của chùa (quay hướng Đông Nam) gồm Toà Phật điện cấu trúc chữ ĐÌNH (J) gồm 5 gian tiền đường và 4 gian chuôi vò, nhà tổ 5 gian, nhà khách 5 gian. Phía trước toà Phật điện có hồ sen tròn, nước xanh trong, in bóng nhiều loại cây xanh bóng mát. Do từ khoảng cách của vì số 5 và số 6 tới hồi tường (khoảng cách từ cột cái đến cột quân) tạo thành bệ, ngưỡng, cửa gỗ, song hàng với gian chuôi vò chứa thêm bệ tượng, với công năng: Tả thờ Mẫu và Hữu thờ Đức ông, thánh Trần. Tường hồi của hai gian phụ này cấu trúc kiểu tam sơn, hơi thụt vào sau tường hồi đỡ trụ của 5 gian tiền đường. Hai vị trí thờ phụ này có chung tường gian ống muống, nhưng qua hệ thống cửa gỗ, sơn chạm thủng, trang trí khá cầu kỳ: chạm thủng lồng vàng sơn rực rỡ.



Hồi nóc mái toà Phật điện, xây đắp kiểu tường hồi đỡ trụ gian 3 cấp, nối giữa các trụ đầu hình khối chữ nhật là các đường hoa thị chạy thành băng trang trí. Do kết cấu đặc biệt có dụng ý làm tăng thêm vị trí sử dụng trong nội thất, nên từ vị trí 2 hồi với vì 5-6, trở thêm 2 gian xép ở mỗi phía, nằm song song với gian đầu tiên của kiến trúc chuôi vò. Phần mái của hai gian xép này đắp hình tam sơn gôi sóng.

Trang trí trên kiến trúc: Do cảnh quan thoáng rộng, nội thất có cột xà to, cao, nên các mảng trang trí cho ngôi chùa khá hài hoà, không cảm thấy rất rối

mắt cho du khách nhưng đủ mức cảm nhận sự cảm nhận mạch lạc của nghệ thuật sơn, chạm, khắc cổ mang dấu ấn Nguyễn cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20. Hoa Linh cổ tự theo chữ Hán đề trên câu đầu gian trung tâm được trùng tu năm Nhâm Tuất đời Khải Định (1922). Hai bức chạm gỗ cảnh long vân khánh hội, long hàm thọ, sư tử hý cầu dưới xà hạ vì số 1, đề tài mai điều, nho sóc, cúc sen thể hiện tài năng khéo léo của các nghệ nhân, tăng thêm giá trị ngôi chùa cổ. Đồng thời phản ánh đời sống tâm linh, phong phú, đa dạng của cư dân địa phương và du khách trong phạm trù tín ngưỡng Phật – Thánh Mẫu.

Các cột của toà nhà này được làm hoàn toàn bằng gỗ lim nguyên cây, cao to lừng lững, một vòng tay người ôm không xuể. Kiến trúc chùa cao to là thế, nhưng nhờ hệ thống y môn, cửa võng, đại tự, hoành phi, câu đối... cũng không kém phần bề thế và lại được sơn son thếp vàng rực rỡ nên vẫn rực lên ánh vẻ âm cúng và nguy nga.

Chùa Vẽ vốn chỉ là một ngôi chùa làng như bao chùa làng Việt Nam khác. Song, trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, chùa Vẽ gắn liền với sự thịnh suy của làng quê Đoạn Xá, Đông Hải. Chùa Vẽ không những là một di tích lịch sử mang tính chất lưu niệm về tiểu sử danh nhân Trần Hưng Đạo, vị anh hùng dân tộc và lưu niệm sự kiện “Đằng Giang tự cổ huyết do hồng” của dân tộc mà còn là di tích dung hội nhiều tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống như Đạo Phật, tín ngưỡng thờ Thành Hoàng, thờ “Tam toà Thánh Mẫu”, thờ cúng tổ tiên và anh hùng dân tộc, đạo lão... Đã một thời chùa Vẽ là một cảnh “Già lam” nổi tiếng ở lộ Hải đông (gồm Hải Phòng, Quảng Ninh và Hải Dương) được sự nâng đỡ trực tiếp của triều đình nhà Trần (1226-1400) và là cơ sở của dòng thiền Trúc Lâm.

Vào thăm chùa hiện nay, dĩ nhiên chúng ta không gặp đầy đủ những tượng pháp, nghi trượng và đồ thờ tự... trong nguyên trạng. Thời gian, chiến tranh và lòng tham con người đã làm hư hỏng, tẩu tán, thất thoát đi nhiều rồi, nhất là trong các thời kì Đế quốc và thực dân xâm chiếm, đô hộ nước ta, thời “ấu trĩ tả khuynh” của chúng ta. Tuy nhiên những di vật hiện tồn không phải là ít, chúng đã trở thành những đồ cổ quý giá. Và hầu hết các đồ thờ của Chùa Vẽ đều mang phong cách nghệ thuật Nguyễn (1802-1945).

Ban thờ Tam bảo: Phật điện được bày trọn trong 3 gian hậu cung của chùa. Hệ thống bệ tượng được đóng bằng gỗ lim chắc khoẻ, giạt cấp thấp dần từ trong ra ngoài, độ cao chênh lệch giữa các bậc được tính toán công phu nên các tượng

pháp có điều kiện phô diễn vẻ đẹp và màu sắc kim rực rỡ của mình. Tượng Phật trên Phật điện tuy chưa thật đầy đủ của một ngôi chùa Đại Thừa, nhưng khá đông đảo, được dồn từ nhiều nơi về hoặc do sự công hiến, cúng tế của các tín đồ Phật tử nên có phong cách đa dạng và phong phú.

Hàng trên cùng là bộ tượng Tam Thế với tên gọi đầy đủ là Thường trụ tam thế diệu pháp thân, tiếp đến là bộ Di Đà Tam Tôn là những tượng pháp kinh điển của nhà Phật, phải luôn tuân thủ nghiêm quy tắc “Tam quang điện muội” – “Thích Ca đồ”. Tượng A Di Đà cao to nhất trong Phật điện, thể hiện trong tư thế tọa thiền trên đài sen phụ tọa toàn phần trong thế hình tháp vững chắc.

Hàng tượng thứ 3 có Đức Thích Ca giáo chủ ngồi giữa, hai bên là Mahacadiep và A nan đà tôn giả là những đại đệ tử của đức Cồ Đàm. Hàng tượng thứ 4 gồm ba pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Pho đặt chính giữa là Quan Âm chuẩn đề ngồi trên toà sen, có 6 đôi tay để trần xoè ra như đoá hoa nở và các ngón tay cong lại trong những thế bí truyền của dòng Thiền. Pho bên phải là Đức Phật bà Diệu Thiện với bên trái là bình nước cam lộ để diệt trừ 108 phiền não cho chúng sinh và bên phải là con chim Ca lăng tần già (đã mất) hoá giảng Phật pháp giác ngộ chúng sinh. Pho bên trái là Quan âm tọa sơn khoan thai trên bệ gỗ. Hàng tượng thứ 5 là Ngọc Hoàng và Nam Tào – Bắc Đẩu, toà Cửu Long có Thích Ca sơ sinh bên cạnh là Quan âm Tống tử. Cuối cùng là tượng “Thế Tôn thuyết pháp”. Ban thờ hữu gian toà tam bảo đặt tượng A nan đà - một đại đệ tử của Phật thích ca, mang dáng dấp một vị cao tăng đầu đội “Thất phật”.

Ban thờ Trần Hưng Đạo và Đức ông: được lập bên tả gian tiền đường. Mở đầu là đôi ngựa chiến, một bạch mã, một hồng mã tượng trưng cho âm, dương đứng trên giá gỗ có bánh xe đẩy, dáng thon nhỏ, nhanh nhẹn với đầy đủ yên cương, cao 1,6m. Theo hồ sơ di tích ghi lại thì lúc trước nơi đây có nhang án gỗ, long đình, sập gỗ, long khám...nhưng nay do những nhiều biến cố đã xảy ra nên ban thờ này đã được xây cất đá lát giạt cấp cao từ ngoài vào, trung tượng 3 vị từ trái qua là Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Đức Ông và Ngô Vương Quyền. Tượng Trần Hưng Đạo đặt trong tư thế tọa ngai rồng uy nghi, cao to bằng người thật, quắc thước, nhưng thần thái toát vẻ hiền hậu. Tượng khoác long bào, thân và tay áo thêu rồng phượng. Đôi tay đặt trên gối, lòng bàn tay úp, ngang vai đặt kiếm chúc xuống.

Đứng song hàng với toà Phật điện là nhà thờ tổ 5 gian cùng quay hướng Đông Nam. Trong nhà thờ tổ hiện nay lập ba ban thờ, gian chính đặt bàn thờ Tổ,

gồm 5 pho, đứng ở vị trí trung tâm là tượng Bồ Đề Đạt Ma (nhân dân quen gọi là Tổ tây), ông tổ của dòng thiền. Xung quanh là bốn pho tượng các vị sư tổ trụ trì, hoằng dương Phật pháp tại chùa. Tượng mang dáng dấp của các vị tăng sư, đậm nét chân dung, thần thái toát lên vẻ từ tâm của người thoát khỏi vòng tục lụy. Hữu là ban thờ Hậu Phật, chung quanh là các vị cao tăng trụ trì tại chùa. Trước đây gồm có 6 pho tượng mang dáng dấp của các vị tăng sư, đầy vẻ từ tâm và đậm nét chân dung. Nhưng hiện nay chỉ còn để ảnh thờ và bát hương. Bên tả trung tượng Phật bà Quan âm thiên thủ thiên nhãn bằng gỗ đứng trên toà sen, một tay cầm trượng, một tay đỉnh ba, khuôn mặt nhiều dáng vẻ với nhiều thể tay bắt ấn.

Chùa Vẽ là một công trình kiến trúc nghệ thuật cổ có quy mô bề thế, được bảo quản chắc chắn, còn bảo lưu được nhiều tượng Pháp, đồ thờ có giá trị nghệ thuật cao. Các di vật khác:

- chuông đồng : 4 chiếc

- bia đá : 5 chiếc

- câu đối : 6 đôi, một đôi hình lòng máng, năm đôi hình chữ nhật phẳng, trong đó có đôi câu đối hình lòng máng được làm cầu kỳ nhất, chạm nổi hàng chữ Hán lối chữ triện, nội dung như sau:

+ Điều xuất vu thiên thánh tiết cổ kim vô dữ tử

(Khởi xuất từ trời, xưa nay thánh hiền không sánh kịp)

+ Pháp hà kỳ đại thần kỳ thượng hạ độc xung tôn

(Pháp sao to lớn, trên dưới các thần độc xung tôn)

- Đại tự: 11 bức cả thấy, nội dung ca ngợi cõi linh như sau:

+ Thiên long hiển thụy

(Bộ thiên, bộ long dưng hiển diễm lành)

+ Vân quang thái lĩnh

(Mây sáng non thái)

+ Long đức chính trung

(Ngay thẳng như rồng)

+ Linh ứng hiển nhiên

(Hiện diễm linh ứng rõ ràng)

+ Trung hoà thả bình

(Tất cả đều hoà hợp và bình đẳng)

+ Chúng thánh Trung Vương

(Ngài là bậc vương giả trong hàng các thánh)

+ Khải Định chính thống

(Mở đầu từ thời nhà Đinh)

+ Thánh cung vạn tuế

(Thánh thọ muôn tuổi)

+ Thiên nhân sư

(Bậc Thầy của người và trời - chỉ Đức Phật là thầy của người và trời, một trong 10 hiệu của đức Phật).

Chùa không chỉ là nơi thờ Phật mà còn là nơi thờ tưởng niệm Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo với chiến thắng Bạch Đằng lịch sử. Chùa Vẽ được Bộ văn hoá công nhận di tích quốc gia (ngày 25/01/1994). Đến với Chùa Vẽ, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một di tích lịch sử văn hoá đặc sắc và được nghe nhiều mẫu chuyện lý thú, cảm động về chiến thắng Bạch Đằng. Đồng thời, du khách sẽ được chứng kiến sự phát triển của một cửa ô thành phố Hải Phòng đang làm Chùa Vẽ đẹp thêm.

2.4.3 Di tích đền Tràng Kênh

Tại mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, giữ nước và đánh giặc ngoại xâm – Thuỷ Nguyên, nơi đây có rất nhiều di tích lịch sử văn hoá có giá trị về lịch sử, khoa học, nghệ thuật - một di tích mới được xây dựng. Di tích đó được người ta biết đến như một ngôi đền thờ Trần Hưng Đạo. Đền Trần Hưng Đạo tọa lạc ở cửa sông Bạch Đằng thuộc về mảnh đất Tràng Kênh – thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. Khu đền nằm trên một nhánh sông Thái nối với nhánh sông Bạch Đằng, phía sau là một ngọn núi đá hùng vĩ, rất nổi tiếng với cái tên U Bò, thuộc khu núi đá Tràng Kênh.

Lần theo câu chuyện thú vị của người thủ từ thì việc ngôi đền được xây dựng thật có nhiều điều khiến người ta cảm thấy tò mò. Đã từ rất lâu rồi, ở khu vực nơi đó không có dân cư ngụ, khúc sông – nơi những người thuyền chài, những ngư dân thường tới kiếm sống, họ tự dựng nên một ngôi miếu nhỏ. Hàng ngày họ thấp nhang nguyện cầu được phù hộ với những mong muốn cho cuộc sống ấm no, ổn định, cho công việc làm ăn được suôn sẻ, gặp nhiều may mắn. Nhưng thực chất, họ cũng không biết vị thần thánh nào đã phù hộ cho mình. Và rồi, trải qua nhiều thế hệ, người ta cũng không hỏi đến, cũng chẳng ai hay căn miếu thờ cúng ai, chỉ biết rằng - đó là một nơi rất linh thiêng.

Có lẽ nói theo tâm linh thì có thể coi đây là duyên số. Câu chuyện giữa Nhà máy Xi Măng Hải Phòng và mảnh đất Tràng Kênh có gắn kết với nhau từ trước chăng?

Năm 1997, khi dự án của Thành phố chuyển toàn bộ Nhà máy Xi Măng Hải Phòng rời khỏi khu Thượng Lý (Hồng Bàng) bắt đầu thực hiện, việc chọn địa điểm di dời đã được tính toán là khu núi đá Tràng Kênh (Minh Đức, Thủy Nguyên). Ngay từ lúc bắt đầu san lấp mặt bằng, người ta đã ra thắp hương tại ngôi miếu không tên kia. Cho đến năm 2004, toàn bộ dự thảo hạng mục công trình hoàn tất, Nhà máy đã đi vào quy mô sản xuất hoàn chỉnh. Cũng vào thời điểm đó, Nhà máy tiếp nhận một Giám đốc mới, đó là ông Lê Văn Thành – vốn là một trưởng phòng tài năng, nay lên nắm giữ cương vị dẫn dắt Nhà máy với những nhiệm vụ lớn lao trong thời kỳ đổi mới của đất nước.

Cùng với thời gian thi công Nhà máy, người ta đã nhiều lần cho nâng cấp, tu sửa ngôi miếu cho sạch đẹp, khang trang hơn trước và cũng luôn cầu xin cho công việc suôn sẻ khi xây dựng và sản xuất. Ông Lê Văn Thành lấy làm lạ với sự linh thiêng kỳ diệu của miếu cổ, cầu gì được nấy... và quyết tâm đi tìm hiểu. Tìm và gặp gỡ với nhà ngoại cảm thiên tài Phan Thị Bích Hằng, ông đã mời bà về nghiên cứu sự linh ứng này. Kết quả thật bất ngờ, bà Hằng cho hay: đây là vùng đất thiêng bởi địa điểm này chính là trung tâm diễn ra trận đánh oanh liệt của lịch sử giữa triều đình nhà Trần và đế chế xâm lăng Nguyên – Mông hùng mạnh. Nơi đây là mặt trận hùng tráng ghi dấu những chiến công thần tích của quân dân nhà Trần, đồng thời cũng là nơi tử nạn của rất nhiều binh lính cả hai phía địch và ta. Hưng Đạo Vương cùng các danh tướng đã từng đứng trên đỉnh núi này quan sát thế trận, chỉ huy tiêu diệt binh địch.

Từ ý nghĩa đó, ông Thành đã nảy ra một ý tưởng phiêu lưu, ông muốn được dựng một điện thờ vị tướng quân anh hùng trong lịch sử dân tộc mà ông hằng ngưỡng mộ ngay tại ngôi miếu cổ. Theo dòng người đi làm lễ, ông vào Nam Định, về với quê hương nhà Trần, tới đền thờ Trần Hưng Đạo cầu xin được thực hiện nguyện vọng lớn lao của mình. Ba năm tròn, và sự cố gắng của ông đã không hoài công vô ích. Bà Bích Hằng báo một tin tốt lành: Ngài hiển linh báo mộng đồng ý. Phải chăng sự thành khẩn của ông Thành đã lay động cả lòng thánh nhân?

Hôm trước, ngày mùng 4 tháng 9, được bà Hằng gọi điện báo tin mừng, ngay hôm sau ông Thành xin gặp gỡ ngay nhà ngoại cảm, nói lên những ý tưởng

dựng đền của mình. Ba năm trước, ông đã đi rất nhiều nơi, cả những đền thờ chính và những nơi thờ một gian riêng biệt như đền Bảo Lộc, đền Kiếp Bạc... Ngắm nhìn, chụp hình, vẽ thiết kế dựa theo những điện thờ đó, ông đã có rất nhiều suy tính khi thu thập tài liệu, hình ảnh cùng những phong cách dựng đền thờ ở mỗi nơi đến tham khảo. Lúc đầu, ông có ý định xây đền tại khu đất trống ngoài, nơi gần khu miếu cũ, có thể nói là dựa trên nền kiến trúc ngôi miếu cổ. Nhưng không được.

Thông qua bà Bích Hằng, ông Thành đã thực hiện xây dựng ngôi đền toàn bộ từ vị trí, cấu trúc, hoa văn, bố cục, thiết kế... đều theo ý muốn của Trần Hưng Đạo. Ngôi đền tọa trên sườn núi, vị trí thuận lợi, sông giáp núi. Hướng đền Nam ghé Tây, nhìn ra là cửa sông Bạch Đằng, kế sau là dãy núi U Bò hùng vĩ.

Từ nơi mập me nước sông, nơi thuyền đỗ, cập bến rồng lên đến ngôi đền là hàng bậc thang đá xanh rất đẹp, tựa như không gian cổ xưa của bậc Hoàng thân quốc thích. Cổng đền Tam quan cao và rộng với lối kiến trúc quen thuộc.

Ngày 9/9/2008, Giám đốc nhà máy Xi Măng Hải Phòng đã phát động xây dựng ngôi đền do toàn thể cán bộ công nhân viên trong nhà máy đóng góp mà đứng đầu là ông Lê Văn Thành.

Quá trình xây dựng ngôi đền diễn ra vô cùng thuận lợi không xảy ra bất cứ một vấn đề gì làm cản trở, hoặc gây khó khăn trong vấn đề thi công. Khi nhắc đến vấn đề này, người thủ từ tặc lưỡ, ái ngại: nói ra thì không ai tin chứ hoàn tất mọi hạng mục công trình để người ta có thể đến bái kiến chỉ trong vòng vắn vẹn 99 ngày. Công nhân Nhà máy san lấp mặt bằng, thợ đá Ninh Bình đưa từng phiến đá một về đây mới đục, khắc tạo hình. Toàn bộ đồ thờ cúng tế tự đều do làng nghề truyền thống Hà Tây cung cấp và những người thợ Đồng Minh (Vĩnh Bảo) nhận trang trí kiến trúc. Từ khuôn viên sau cổng đền, đến được với chính điện phải qua một khoảnh sân vừa, lên tiếp 5 bậc đá cao mới tới được chính điện. Ngôi đền làm bằng gỗ thom, toả hương ngào ngạt khắp các gian thờ. Với những trang trí cơ bản, lưỡng long châu nguyệt, những hoành phi, đại tự, câu đối trên những cột gỗ sơn son thếp vàng tuyệt đẹp, ngôi đền toát lên vẻ linh thiêng, uy nghiêm như chính vị Thánh nhân được thờ tại đó. Gian tiền đường, bàn thờ lớn chính giữa là “Công đồng các quan” với hai bên tả, hữu là “Chư vị quan văn” và “Chư vị quan võ”, kế đến là Bạch mã và Hồng mã. Tiếp theo mới đến Kiệu Rồng đề tự “QUỐC CÔNG TIẾT CHẾ HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG” với ngai vàng

tượng trưng đặt mũ và hoàng bào. Phần thực, “Hậu cung” luôn luôn đóng cửa cài then, chỉ trừ đại lễ mở 3 ngày và không phải ai cũng được diện kiến tượng Ngài.

Kỳ thú về pho tượng của Đức Thánh Trần, người quản tù cho hay: Ông Thành đã phải xin gặp Giáo sư Lê Văn Lan, bởi tại Viện sử học Việt Nam còn lưu giữ duy nhất một đồng tiền thời Trần. Trên đồng tiền đó có khắc in khuôn mặt của Trần Hưng Đạo mà theo Ngài bản tạc đó là đúng hơn hết. Ngài đã chỉ bảo: ở mỗi địa phương, mỗi thời đại các nghệ nhân tạo nên nhiều sự khác biệt trong cách phác hoạ khuôn diện Ngài lên tượng, và Ngài chỉ ưng ý nhất với bản khắc trên đồng tiền cổ. Nhưng trên bản khắc đó là hình ảnh Ngài mặc áo bào, còn tại nơi đang dựng chỗ thờ Ngài trên sông Bạch Đằng là chiến trận. Vậy nên, khuôn bản hoàn chỉnh của pho tượng Đức thánh Trần đặt tại Hậu cung là khuôn mặt trên đồng tiền cổ và mặc chiến bào (áo giáp). Pho tượng nặng 1,2 tấn, được đúc bằng đồng nguyên chất.

Ngôi đền nhỏ xinh trên sườn núi nhưng chứa đựng biết bao tâm huyết, lòng thành kính của cán bộ Nhà máy Xi Măng Hải Phòng nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Người ta gọi là đền Tràng Kênh, hay thông dụng nhất là đền Trần Hưng Đạo với tên chữ là “Linh từ Tràng Kênh”. Diện tích của ngôi đền tính tới thời điểm hiện nay, do trong quá trình xây dựng, san lấp mặt bằng, lấn sông, tân đất đã lên tới 4000m² (diện miếu trước đó chỉ khoảng 200m²). Nếu tính cả toàn bộ khuôn viên dành cho ngôi đền thì con số là khoảng 20.000m²

Một chi tiết khá đặc biệt nữa với ngôi đền này là đối với kinh phí xây dựng, người ta không rõ toàn bộ chi phí cụ thể là bao nhiêu. Quá trình xây dựng ngôi đền không có sự hạch toán, dự toán nào hết, người ta cứ thực hiện, thiếu điểm nào bổ sung thêm chi tiết đó. Kinh phí là do cán bộ công nhân viên nhà máy đóng góp còn lại thiếu đâu là do ông Lê Văn Thành chịu trách nhiệm toàn bộ.

2.4.4 Các di tích thuộc cụm Liên Khê

Liên Khê là một xã ở phía Đông Bắc huyện Thủy Nguyên ngày nay. Nơi đây là một danh thắng, một khu di tích lịch sử trong phòng tuyến Trúc Động Tràng Kênh - Bạch Đằng của quân đội nhà Trần hồi thế kỷ thứ XIII. Cách Hải Phòng chưa đầy 30km, giao thông thuận tiện, Liên Khê là một trong những nơi thu hút du khách đến thăm quan.

Nơi đây còn lưu truyền nhiều câu chuyện, huyền tích lịch sử đầy thú vị cách đây hơn 700 năm, kể từ khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lấy Trúc

Động (tên cũ của Liên Khê) làm căn cứ để tiến ra cửa sông Bạch Đằng, sông Chanh tiêu diệt và bắt sống đạo thủy binh của đế quốc Nguyên Mông, viết lên một trang sử hào hùng của dân tộc.

Liên Khê xưa kia thuộc tổng Trúc Động, huyện Thủy Đường phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Liên Khê là vùng đất phù sa có lịch sử lâu đời, nằm trên mạch núi già của vùng cung Đông Triều. Con người đến sinh cơ lập nghiệp tại mảnh đất này từ rất sớm. Những hiện vật khảo cổ học tìm thấy dưới lòng đất Liên Khê gồm đồ gốm và đồ đá mách bảo về một nền văn minh cách đây trên hơn 2000 năm. Thư tịch cổ cho thấy vào những năm tháng đầu công nguyên, nhân dân Liên Khê dưới sự lãnh đạo của ba anh em họ Trương, người trang Thiểm Khê đã kéo về Mê Linh (Vĩnh Phúc), theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Đông Hán.

Ba mặt của Liên Khê được bao bọc bởi sông Đá Bạc, sông Giá (tên cổ là Đô Lý), phía đông bắc có tám dãy núi đá cao nằm sát sông Đá Bạc, tạo thành tấm bình phong thiên nhiên kỳ vĩ. Mười quả núi đất liền nhau chạy dọc theo chiều dài của xã là chỗ dựa cho các ngôi nhà và vườn nhà bậc thang qui tụ thành những xóm thôn trù mật. Lịch sử đã đi qua mảnh đất này và để lại những nét son oanh liệt.

Không những đẹp về cảnh, có lịch sử lâu đời, Liên Khê còn có vị trí chiến lược quan trọng. Các triều đại nhà Trần, nhà Mạc, nhà Nguyễn và thời thuộc Pháp đều nhận thấy điều đó và đặt đồn lũy ở đây.

Lịch sử kể rằng, trước nguy cơ bị quân dân Đại Việt tiêu diệt, Thoát Hoan viên tướng cầm đầu đạo quân viễn chinh Nguyên Mông phải tìm cách rút quân về nước. Quân Nguyên Mông chia làm hai đạo rút binh, cánh quân bộ do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy chạy theo đường Lạng Sơn, cánh quân thủy do Ô Mã Nhi cầm đầu tháo lui theo đường cửa sông Bạch Đằng.

Để bảo đảm đánh nhanh, diệt gọn toàn bộ đạo thủy binh của Ô-mã-nhi, Trần Hưng Đạo hạ lệnh triệt phá cầu đường dọc theo hướng rút lui của đạo quân này, đồng thời, tổ chức nhiều trận tập kích quyết liệt, buộc lực lượng kị binh đi hộ tống phải quay lại, cùng về với Thoát-hoan. Ngoài ra, Trần Hưng Đạo cũng còn cho quân sĩ đánh nhiều trận lớn nhỏ khác, khiến Ô-mã-nhi phải đi theo hướng định sẵn của ta để rồi sa vào ổ mai phục do chính Trần Hưng Đạo sắp đặt.

Nơi diễn ra trận quyết chiến chiến lược là khi vực đầu nguồn của sông Bạch Đằng, vì thế, sử vẫn gọi đây là trận quyết chiến chiến lược Bạch Đằng. Đây là

nơi hợp lưu của sông Đá Bạc, sông Giá, sông Chanh, sông Rút, sông Kênh và sông Bạch Đằng, đó là chưa kể nhiều sông nhỏ và các kênh rạch khác, vì thế, lòng sông rất rộng, rất thuận tiện cho việc bố trí một trận thủy chiến. Đây là nơi mà năm 938, Ngô Quyền đã phá quân Nam Hán và năm 981, Lê Hoàn đã đánh tan quân Tống xâm lăng. Kế thừa kinh nghiệm của Ngô Quyền và Lê Hoàn, Trần Hưng Đạo đã bố trí một trận địa mai phục hết sức công phu. Hàng loạt cọc gỗ vạt nhọn và bịt sắt được cắm xuống, tạo ra bãi chướng ngại vật hết sức lợi hại đối với chiến thuyền của giặc. Những cánh quân chủ lực tinh nhuệ nhất của triều đình, đông đảo các đơn vị quân đội của vương hầu quý tộc cùng rất nhiều đội dân binh đã được huy động tham gia trận đánh lịch sử này. Trong bộ chỉ huy trận đánh, ngoài Trần Hưng Đạo, còn có cả Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, vua Trần Nhân Tông, các danh tướng khác như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái...v.v.

Thủy binh và bộ binh nhà Trần được Trần Hưng Đạo bố trí mai phục sẵn, chủ yếu ở khu vực tả và hữu ngạn sông Giá (nay thuộc huyện Thủy Nguyên), tả và hữu ngạn sông Chanh (nay thuộc huyện Yên Hưng) ở nơi hợp lưu của sông Bạch Đằng với sông Rút, sông Bạch Đằng với sông Kênh. Tuy có sự tham gia của đông đảo bộ binh, nhưng tính chất căn bản của trận Bạch Đằng vẫn là một trận thủy chiến kết hợp chặt chẽ giữa mai phục với bao vây tiêu diệt.

Trần Hưng Đạo đã nghiên cứu rất kỹ chế độ thủy văn của sông Bạch Đằng, dự kiến rất chính xác mực nước lên xuống của ngày diễn ra trận đánh. Điều này đã khiến cho bãi cọc gỗ thực sự phát huy được tác dụng lợi hại nhất, khiến cho đạo quân của Ô-mã-nhi hốt hoảng vì hoàn toàn bất ngờ và không cách gì có thể thoát được.

Ngày 30 tháng 4 năm 1288, từ Vạn Kiếp, Ô-mã-nhi bắt đầu rút quân. Đây cũng là lúc mà ở Bạch Đằng, trận địa mai phục của Trần Hưng Đạo đã bố trí xong.

Ngày 8 tháng 4 năm 1288, đội tiền vệ của Ô-mã-nhi do tướng Lưu Khê cầm đầu bị đánh tới tấp ở Trúc Động (một địa điểm nằm trên sông Giá, nay thuộc xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên). Bị đại bại ở đây, Lưu Khê buộc phải quay lại, theo sông Đá Bạc mà ra Bạch Đằng.

Mờ sáng ngày 9 tháng 4 năm 1288, binh thuyền của Ô-mã-nhi từ sông Đá Bạc tiến ra sông Bạch Đằng. Trần Hưng Đạo lập tức cho một đội chiến thuyền nhẹ, ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy. Tướng giặc là Phàn Tiếp đem quân

đuổi theo, nhưng khi chúng vừa tiến đến khu vực núi Tràng Kênh thì bị phục binh của ta bắt đầu đổ ra đánh.

Lúc ấy, Ô-mã-nhi cũng vừa lọt vào ổ phục kích lớn nhất của Trần Hưng Đạo tại sông Bạch Đằng. Nước sông Bạch Đằng rút với một tốc độ rất nhanh, chiến thuyền của giặc số thì vỡ nát do đâm phải bãi cọc gỗ, số thì bị tắc nghẽn lại, không sao tiến lên phía trước được. Và, đó cũng là lúc Trần Hưng Đạo hạ lệnh cho quân sĩ ồ ạt tấn công. Trận ác chiến diễn ra vào trưa ngày 9 tháng 4 năm 1288. Sử cũ cho hay, quân Nguyên như bị chìm trong trận mưa tên thuốc độc từ nhiều hướng bắn ra. Chúng hết hoảng chưa tìm được cách đối phó thì hàng chục chiếc thuyền chứa lửa do Trần Hưng Đạo hạ lệnh thả từ thượng nguồn lại ồ ạt lao thẳng vào. Ô-mã-nhi cùng các tướng lĩnh cao cấp của giặc tìm đường chạy trốn nhưng lại bị quân ta bắt sống. Đạo thủy binh của Ô-mã-nhi hoàn toàn bị tiêu diệt.

Đây là chiến công lừng lẫy nhất của quân dân ta trong sự nghiệp chống xâm lăng ở thế kỷ thứ XIII và đây cũng là một trong những trận quyết chiến chiến lược lừng lẫy nhất của lịch sử dân tộc.

2.4.4.1 Di tích lịch sử đền Thụ Khê

Con đường để tìm đến một trong những di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng thờ Trần Hưng Đạo tại Hải Phòng, có thể sánh ngang với đền Kiếp Bạc (Hải Dương) về giá trị lịch sử thật rất thu hút. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng qua cầu Bính là tới địa phận huyện Thủy Nguyên, qua thị trấn Núi Đèo, theo đường quốc lộ số 10 đi vào xã Liên Khê chừng 1km, rẽ tay trái hỏi thăm sẽ được chỉ dẫn tới đền Thụ Khê.

Để ghi lại chiến thắng Trục Động - Bạch Đằng năm 1288 và nhớ ơn vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, người trực tiếp chỉ huy trận Trục Động, nhân dân địa phương đã xây dựng đền thờ ông trên nền đại bản doanh xưa, đó là đền Thụ Khê (hay còn gọi là từ Thụ). Tương truyền đây là nơi Trần Hưng Đạo luyện tập và bố trí đội quân kỵ mã.

Trưởng làng văn hoá Thụ Khê, ông Hiền kể lại: Trước đây đền Thụ Khê là một công trình bề thế trên diện tích rộng lớn theo kiểu "nội công ngoại quốc" gồm tòa bái đường, cung chữ "đình", hai dãy giải vũ 5 gian với phong cách kiến trúc Ngôi đền được dựng trên nền đất lịch sử lâu đời vốn là căn cứ đóng quân của Quốc công, là chứng tích cho cuộc chiến đánh đuổi bè lũ xâm lược xác thực nhất. Đó cũng chính là niềm tự hào của người dân nơi đây khi được

sống tại nơi thiêng liêng như vậy. Nhưng thời gian và chiến tranh đã làm cho ngôi đền không còn nguyên vẹn như xưa... Nhắc đến thời quá khứ khi ngôi đền còn mang dáng vẻ oai nghiêm của mình người quản từ sống tại đó ngậm ngùi cho biết: thời gian tàn phá ngôi đền có thể nói là cách khoả lấp đi một sự thật đốn đau của lịch sử, vào năm khi chính sách của Nhà nước về vấn đề bài trừ mê tín rất cực đoan, các đình chùa miếu mạo trên khắp cả nước đều bị đập phá, và ngôi đền này cũng không phải là ngoại lệ... Cho đến năm 1990, ngôi đền được xây dựng lại nhưng tuy khá đơn sơ nhưng dựa trên những dấu tích còn sót lại, ngôi đền được sang sửa xây đắp với phong cách kiến trúc nhà Nguyễn thế kỷ XVIII với Tam quan ô cao mái vòng, đèn thờ và thiêu hương đá vạm tròn trước thềm điện chính...

Năm 1994, căn cứ vào những bài vị sắc phong dành cho từ Thụ được dựng đền thờ Hưng Đạo Vương, năm 1996 ngôi đền này chính thức được Bộ Văn hoá thông tin công nhận là Di tích lịch sử quốc gia.

Trong niềm tự hào về mảnh đất lưu lại lịch sử hào hùng của dân tộc tại làng mình, ông Hiến - người đại diện cho di tích văn hoá, sự tường tận về lịch sử nơi đây đã cho ông niềm tin cùng dân địa phương tiếp tục bảo vệ, tôn tạo, duy trì thật tốt ngôi đền. Năm 2008, cùng với sự vận động của chính quyền tại thôn làng, nhân dân đã đóng góp hơn 1 tỷ đồng để xây dựng lại ngôi đền mới hoàn toàn. Đó là một toà nhà 5 gian, lợp ngói đỏ, mái đình ngấn, đốc, lợp ngói đỏ kiểu “tàu đao lá mái”, các mái đao như cố nâng bổng cả tàu mái. Trên đỉnh mái đắp nổi với lưỡng long châu nguyệt, có thân gầy mảnh, phủ vẩy sành, uốn khúc mềm mại, đầu góc cao. Cửa mở rộng tại 3 gian giữa bằng gỗ mộc kiểu “cửa thùng cung khách”. Lối đi vào đền không có cổng hay hàng rào, chỉ là một con đường nhỏ, hai bên là hai hàng cau mới ươm xanh mướt, đường lên như một con dốc thoải. Cho đến tận sân đền, người ta kết cấu hình thành những bậc thang lớn, dài lên khu nhà ngang khang trang có thể được coi là nhà truyền thống với những bức ảnh đóng khung treo tường, hình ảnh của dân chúng ngày mới khởi công xây dựng lại ngôi đền, chúng còn là những bằng khen dành cho nhân dân làng Thụ Khê, uỷ ban chính quyền nơi đây... Từ lối rẽ vào ngôi đền, con đường hướng lên gần vĩa núi khiến người ta có cảm giác đến dần với sự uy nghiêm của vùng đất. Đến với nơi đây người ta không thể thẳng lưng mà tiến, sự cung kính đối với ngôi đền biểu hiện ngay từ lúc đi trên những bậc thang cao và dài. Bên cạnh ngôi đền hiện giờ còn có một ngôi chùa cổ có tên là Ngọc

Thanh Từ, ngôi chùa này có từ trước khi đền thờ Hưng Đạo Vương được dựng. Tiền diện chùa có trang trí cây cảnh với những hòn non bộ khá cổ kính và tượng Quan thế âm Bồ Tát hiện từ với một tay là bình cam lộ, một tay thể thủ Phật pháp. Khuôn viên toàn bộ ngôi đền nằm trọn vẹn trên lưng chừng đồi, ba phía bao quanh là ngọn núi xanh rì cây cối mà người xưa vẫn thường nhắc đến. Đó là ngọn núi Từ Thụ cao vút, chính là nơi Quốc công truyền thụ kế sách đánh giặc và cắm gươm báu của mình xuống, kỉ vật dành cho thôn xóm nơi đây khi chiến thắng Bạch Đằng vang dội khắp nơi.

Theo lời của ông Trưởng làng, đền Thụ Khê có thể được coi là di tích chính thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng bởi những dấu tích chứng thực nơi đây thật sự có giá trị cao về lịch sử. Chính tại địa điểm này, tuy là thuộc xã Liên Khê nhưng thực chất mới là nơi lưu kiếm, chứ không phải là xã Lưu Kiếm như nhiều người tưởng nhầm... Ông còn cho biết: làng Thụ Khê và làng Phú Xá (Đông Hải, Hải An) đã có mối giao hảo từ lâu, bởi hai làng đều thờ Trần Quốc Tuấn. Đến hẹn lại lên, cứ vào khoảng ngày 15 tháng Hai âm lịch hàng năm là dân làng Phú Xá lại cử người sang đền Thụ Khê làm lễ cúng linh đình. Cũng như vậy, đối với làng Phú Xá, người Thụ Khê cũng luôn qua lại thờ phụng. Và nhân dân địa phương cả hai vùng cũng hiểu rằng đó là mối kết thân lâu đời tốt đẹp từ truyền thống tương thân tương ái của cha ông. Có một câu chuyện không rõ thực hư ra sao kể lại rằng: sự giao hảo giữa hai làng có từ một sự kiện lạ, khi dân làng Phú Xá xây đền thờ Trần Hưng Đạo tại thôn xóm mình, mọi công trình gần như đã chu toàn nhưng riêng nóc đền thì cất mãi không xong. Vì lẽ đó mà người làng Phú Xá phải dâng lễ xin chân hương tại Từ Thụ. Sau khi có được chân nhang thì việc xây dựng hoàn tất nhanh chóng...

Đền Thụ Khê nay còn lưu giữ một số hiện vật quý như:

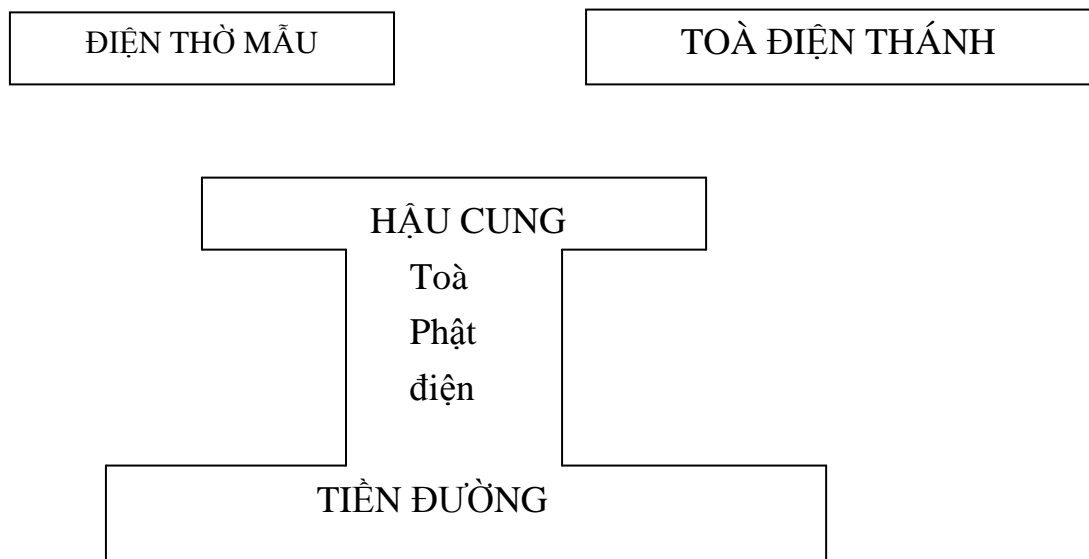
- Cỗ ngai và bài vị thờ đức thánh Trần
- Một pho tượng cao 28 chỉ đặt trên ngai thể hiện đức thánh Trần Hưng Đạo trong tư thế thiết triều.
- Cạnh đó là ngai thờ, bài vị cùng Duệ hiệu tướng quân Phạm Ngũ Lão (con rể Trần Hưng Đạo)
- Và một số hiện vật khác mang niên đại thời Nguyễn đầu thế kỷ XX, gồm hương án, bộ bát bửu, bát hương lớn (đường kính 32 cm), mâm bông đá (cao 45 chỉ).

2.4.4.2 Di tích lịch sử chùa Thiêm Khê

Đối diện với bên kia đền Thụ Khê qua dãy núi chạy dài là một thung lũng hiểm yếu, nơi Hưng Đạo luyện quân sĩ, người xưa đã dựng chùa Thiêm Khê ghi dấu. Thiêm Khê là tên một làng nằm ven sông Giá.

Chùa Thiêm Khê có tên chữ là Hoa Linh Tự, được xem như đài tưởng niệm về chiến thắng Trúc Động. Chùa được dựng trên sườn cao của một thung lũng, lưng dựa vào núi Thiêm, bên phải có núi chùa Hang, bên trái là núi Mẫu Ba. Dưới con mắt phong thủy, chùa Thiêm Khê tọa lạc trên khu đất mang thể ỷ ngại, hai bên có tay long, tay hổ.

Chùa Thiêm Khê là một công trình kiến trúc nghệ thuật Phật giáo được xây dựng sau chiến thắng Bạch Đằng lần thứ 3 (năm 1288). Chùa có cấu trúc mặt bằng hình chữ công gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung, tòa Phật điện nằm ở trung tâm và là kiến trúc trọng yếu nhất của chùa, phía sau còn có điện thờ Mẫu 2 gian và tòa điện thánh 3 gian, tôn thờ 7 vị thành hoàng làng.

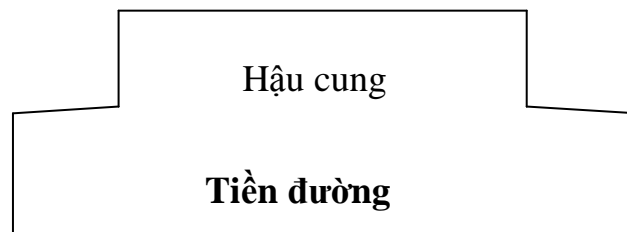


Về kiến trúc, chùa Thiêm Khê do bị giặc phá hoại hồi kháng chiến chống Pháp, nên hầu hết những công trình hiện tại tuổi đời còn rất non trẻ. Nhưng trong chùa còn lưu giữ rất nhiều tượng quý mang tính giá trị mỹ thuật, có giá trị về nghệ thuật cao, được xếp vào loại tượng gỗ cổ nhất còn lại ở nước ta như: bộ Tam Thế, bộ Di Đà Tam Tôn, Quan Âm Chuẩn Đề, hai pho Bồ Đề Đạt Ma, tượng Bồ Tát, Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu, Thích Ca sơ sinh và tượng Đức Ông, Thánh Tăng. Đáng chú ý nhất là chùa Thiêm Khê còn bảo tồn được pho tượng ‘Quan Âm phủ thiên nhân’ niên đại thế kỷ XVI rất đẹp, là một trong những pho tượng gỗ có niên đại sớm nhất được tìm thấy ở nước ta.

2.4.4.3 Di tích lịch sử chùa Mai Động

Đền cụm di tích Liên Khê, người ta không thể bỏ qua ngôi chùa Mai Động - một công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng (1288) chống đế quốc Nguyên Mông của dân tộc. Tương truyền, chùa Mai Động được xây dựng trên mảnh đất đã từng là kho quân lương tiền phương của quân đội nhà Trần.

Chùa Mai Động tên chữ là Lễ Sơn Tự - một công trình kiến trúc có qui mô vừa phải và vẫn giữ được dáng dấp của nghệ thuật dân tộc cổ truyền. Chùa nằm trên sườn của dãy núi yên ngựa thấp. Khuôn viên chùa dốc theo độ thoải của sườn đồi khoảng 15 độ. Chùa quay hướng nam, trước chùa còn bảo lưu được 4 ngôi tháp mộ trong số hơn hai chục tháp sư của chùa.



THẠCH
THIÊN
ĐÀI

Kiến trúc chùa có bố cục hình chữ 'đỉnh' quen thuộc gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Trong chùa có nhiều di vật quý hiếm: Đó là hệ thống tượng tháp; toà tam bảo được bày trọn trong toà hậu cung trên hệ thống bệ thờ xây bằng gạch chắc khoẻ, cân đối. Chùa Mai Động còn lưu giữ một số bia đá, Thạch thiên đài, những thư tịch cổ văn của thế kỷ XVII, XVIII. Thạch thiên đài trụ dựng ở sân chùa là một cột đá hình chữ nhật vuông (cao 1,65m, rộng 22cm). Đỉnh cột tạo dáng búp sen tròn trên một đầu vuông thắt đáy (cạnh trên 38cm, cạnh dưới 30cm và chiều cao 16cm). Mặt trên đầu sen trang trí hình cánh sen đẹp, mỗi cạnh ba cánh. Trụ đá, hai đầu tạo đầu vuông. Đầu phía trên, mặt trước, mặt sau chạm nổi rồng và phượng đối nhau, hai bên mặt chạm cánh sen cách điệu. Đầu vuông chân cột mặt trước chạm nổi hình thú vờn chân, mặt sau chạm 3 con cá chụm đầu vào nhau tạo thành bông hoa ba cánh và hai mặt bên chạm bông sen mãn khai. Diềm cột trụ chạy hàng hoa dây cúc, rồng, phượng. Thân trụ khắc chìm chữ Hán trong ô tạo dáng cánh sen chữ 'nhật'.

Với kiến trúc trên, có thể thấy chùa Mai Động là một thực thể không thể thiếu được của cụm di tích lịch sử văn hoá xã Liên Khê.

Liên Khê còn là căn cứ hoạt động của nghĩa quân Đốc Tít (1885-1887) và của phong trào Mạc Thiên Bình (1897-1898) chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc kháng chiến 9 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hang sâu, núi cao ở Trú Động Liên Khê đã che chở cho du kích bộ đội ta bám trụ, diệt thù.

Cụm di tích Liên Khê (Trú Động xưa) là niềm tự hào của huyện Thủy Nguyên, của thành phố cảng Hải Phòng và đã được Bộ Văn hoá thông tin cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hoá ngày 13-2-1996.

2.5 Lễ hội truyền thống tại một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng

2.5.1 Lễ hội ở cụm di tích Liên Khê

Là một vùng quê có địa hình núi non hiểm trở, lại có dải đồng bằng xen quanh đồi, xóm làng tồn tại giữa 2 địa điểm khảo cổ học nổi tiếng là Tràng Kênh và Việt Khê, có niên đại lịch sử trên dưới 2500 năm. Tổng Trú Động xưa – Liên Khê nay còn bảo lưu truyền thống văn hoá rất phong phú đậm đà bản sắc dân gian.

Lịch trình lễ hội được chia làm kì vụ: xuân – thu nhị kỳ, dàn trải đều trong cả tổng xã, hội làng được tổ chức khoảng thời gian sau Tết.

- Ngày 9/1, có hội vật của tổng, tổ chức tại miếu vật thôn Mai Động. Ngoài ra nhân dân địa phương còn tổ chức nhiều trò vui chơi dân gian mang tính thượng

võ như: chơi đu, đua thuyền, chọi gà, bơi chải trên sông Giá...

- Ngày 15/3, tại khu vực Thiêm Khê có lễ kỉ niệm 3 anh em họ Trương theo giúp Hai Bà Trưng đánh giặc. Trước đây tại cánh đồng Thiêm Khê có an táng phần mộ của Ninh Vương Mạc Phúc Tư và hai vị thân vương khác. Ở khu đồng dưới, dân làng lập nghề thờ 3 vị. Sau đó phần mộ và hài cốt được chuyển về đồng áng phường Câu Tử huyện Thủy Đường. Do vậy ngày 8/ 4 có lễ tiễn thuyền tại tả Ba Vương.

- Ngày hội 20/8 âm lịch có lễ rước Đức Thánh Trần từ đền Thụ Khê ra miếu Đức Thánh ở khu vực bên Sỏi. Đó là lễ rước kiệu nhằm tái hiện việc Ngài đã đến nơi này lập doanh trại, vạch kế sách đánh quân xâm lược và lưu kiếm tại đây.

Trong những truyền thuyết dân gian về Hưng Đạo Vương có biểu tượng *thanh kiếm thần* được khai thác nhiều. Một trong số đó chính là truyền thuyết của nhân dân vùng Thụ Khê kể rằng sau khi chiến thắng, Hưng Đạo Vương đã quay lại cắm một thanh kiếm lên đỉnh núi Thụ Khê – nơi mà xưa kia Vương đã lập đồn binh - để ghi công lao của nhân dân địa phương. Dân làng đã lập đền thờ

ông, và đôi câu đối trong đền đã ghi nhân sự kiện đó:

*Lòng trung trù tâm quang, lưu truyền Vạn Kiếp
Uy danh một kiếm, khiếp đảm bọn yêu ma.*

Thanh kiếm dường như là một vật thiêng đã tạo cho Đức Thánh Trần một sức mạnh siêu phàm, bởi mọi câu chuyện dân gian về ông đều gắn liền với kiếm thần.

Sau phần tế lễ, đám rước được cử hành (có năm có, có năm không). Điều đáng chú ý là dân làng tùy từng năm mà tổ chức trò chơi trong ngày hội rất sôi nổi như thi bơi chải, đua thuyền, hội vật... Ngoài ra đánh đu cũng là một môn thể thao được ưa chuộng mang tính quần chúng đối với nhân dân địa phương làm phong phú thêm nội dung của lễ hội.

Truyền thuyết cũng kể lại rằng, sau khi chiến thắng, Hưng Đạo Vương có trở về Thụ Khê và Trúc Động thăm lại nơi diễn ra cuộc chiến xưa, nhân dân đã làm một bữa cơm quá lộ để đón tiếp ông. Về sau, người dân nơi đây đã lập đền thờ và cứ đến ngày giỗ ông lại làm cỗ “quá lộ” bày một mâm cơm rượu, ít đĩa cá, mời người qua đường ăn uống như diễn lại lễ đón chào Trần Quốc Tuấn và đoàn quân chiến thắng năm xưa. Đó là một nét riêng của ngày hội nơi đây, lễ vật ngoài những vật phẩm thông thường là thịnh soạn dành cho những tráng sĩ đánh giặc thì buộc phải có cá, đĩa cá chính là muốn nhắc nhở về tông tổ dòng họ Trần xuất thân từ nghề chài lưới. Và người dân thường tổ chức rước kiệu trên sông là để nhớ đến những trận thủy chiến oanh liệt trên sông Bạch Đằng.

Ở Thụ Khê có lệ 15/2 có lễ giao hiếu với làng Phú Xá (An Hải) do cùng thờ Trần Hưng Đạo. Từ lâu hai làng vẫn đi lại thăm hỏi giúp đỡ nhau trong cuộc sống thường ngày.

Liên Khê ngày nay là vùng di tích và lễ hội chứa đựng nhiều nội dung lịch sử liên quan trực tiếp đến Trần Hưng Đạo và chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Do vậy bên cạnh việc củng cố và nhấn mạnh nội dung hành động của lễ hội cho thật chặt, xúc tích gây nhiều ấn tượng với nhân dân sở tại và quý khách thập phương.

2.5.2 Lễ hội đền Tràng Kênh

Ngày 27-2 (tức ngày 14 tháng Giêng năm Canh Dần), tại đền Tràng Kênh, xã Minh Đức (Thủy Nguyên) – linh từ thờ Quốc công tiết chế Hưng đạo đại vương Trần Quốc Tuấn trang trọng diễn ra lễ khai ấn. Đây là lần đầu tiên, đền thờ Trần Hưng Đạo mở lễ khai ấn vào dịp rằm tháng Giêng. Lễ khai ấn thu hút

đông đảo nhân dân và du khách tới dự và xin ấn.

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Nguyễn Văn Thuận tham gia Ban chủ lễ cùng với Thượng tọa Thích Thanh Giác – Phó Ban Trị sự Thành Hội Phật giáo Hải Phòng và Tổng Giám đốc Công ty Xi măng Hải Phòng Lê Văn Thành. Sau nghi thức cúng thần linh của chư tăng, Ban chủ lễ dâng hương trước đền thờ Đức Thánh Trần và làm lễ khai ấn. Sau lễ khai ấn, nhân dân và du khách vào đền làm lễ dâng hương để xin ấn cầu mong một năm mới ấm no, mưa thuận gió hòa...

Lễ khai ấn đầu năm là truyền thống tâm linh của dân tộc cầu cho quốc thái dân an, sức khỏe, công danh và sự nghiệp. Mỗi người, mỗi nhà đều mong có được ấn triện của Đức Thánh Trần để mong một năm thuận buồm xuôi gió trong mọi công việc và cuộc sống.

Hàng năm có ba kì lễ hội lớn, được gọi là các ngày đại lễ trong năm diễn ra tại đền Trần Kênh được ấn định

+ Đầu năm: 14 tháng Giêng khai ấn

Từ ngày 14 –16 tổ chức cúng tế, các khách thập phương xa gần, công nhân trong công ty tổ chức làm lễ cúng tế.

+ Ngày 20/8 là ngày giỗ của Đức Thánh Trần

+ Ngày 14 tháng Chạp là ngày khánh thành ngôi đền.

Đền Trần Hưng Đạo được đúc ấn tại đây, cứ vào ngày mùng một và ngày 15, ai có nhu cầu xin ấn tín thì đến đây, ấn tín được đúc từ đền Bảo Lộc ở Nam Định rồi sau đó xin Ngài đồng ý mới chuyển ra đây.

2.5.3 Lễ hội chùa Vẽ và đền Phú Xá

Hướng về phía Đông Nam của thành phố Hải Phòng, nơi có nhiều điểm di tích mang những dấu ấn đặc sắc về Hưng Đạo Vương, một vùng quê trù phú với người dân hiền lành chất phác nhưng luôn đầy lòng tự hào ý chí anh hùng chống giặc ngoại xâm có từ ngàn đời. Chùa Vẽ và đền Phú Xá chính là một trong số nhiều di tích như vậy.

Theo truyền thống dân gian, “Tháng Tám giỗ Cha” là ngày 20 tháng Tám âm lịch hàng năm, tại đền Phú Xá, dân làng sửa soạn lại đồ tế khí, nghi vệ Đức thánh Trần và Bùi Thị Từ Nhiên một cách trọng thể để đón nhân dân khắp nơi về dự.

Trong lễ hội tháng Ba, vốn là tháng giỗ Mẹ (Thánh Mẫu - ở đây nói đến Phủ Thượng Đoạn) thì tại đền Phú Xá, người ta mở cửa đền để mừng kỷ nhật thắp hương cúng tế nữ tướng Bùi Thị Từ Nhiên. Ngày mùng 5 tháng Ba âm lịch hàng năm chính là ngày dân làng tưởng nhớ đến công lao của bà.

Những ngày hội như vậy, người dân Đông Hải và rất đông khách thập phương tới tham dự làm lễ tế cúng bái. Từng đám người gảy đàn, hát trầu văn theo nhịp trống, nhịp kèn, họ hát theo khoá lễ, từng đợt về nội dung chiến tích công lao to lớn của Đức thánh Hưng Đạo, về những câu chuyện sự tích làm nên hình tượng con người Ngài đầy anh dũng, bất tử trong lòng tử tôn. Lễ hội tháng Tám rất lớn, sự chuẩn bị bắt đầu từ ngày mùng Một. Phần lễ có đầy đủ các thủ tục, những người trong ban quản lí di tích đứng ra đảm nhận trách nhiệm này. Trong nghi lễ của đám rước lớn, chủ tế là do nhân dân trong làng tiến cử, những người tham gia như rước kiệu, kéo cờ cũng đều được tuyển chọn kĩ lưỡng. Ngày hội có những trò chơi dân gian như cờ tướng, chơi gà, dân làng chơi trên sân đền. Lễ vật dâng lên ban thờ gồm hương hoa, quả, oản và một thức rất đặc trưng là bánh đa nướng. Theo như dân gian truyền lại thì khi xưa để tích trữ lương khô nuôi quân, Hưng Đạo Vương sử dụng bánh đa làm thực phẩm chính vì những ưu thế thuận tiện và hương vị đặc trưng của nó.

Người dân Đoạn Xá – Đông Hải đã từ bao đời nay gắn bó với ngôi chùa Vẽ của làng xã mình và các vị thánh được thờ trong đó. Yêu mến những vị anh hùng dựng nước và giữ nước của làng quê, dân tộc, nhân dân ta với tấm lòng kính phục và trí tưởng tượng phong phú đã thần thánh hoá họ, gắn cho họ tất cả những cái gì là thiêng liêng nhất, cao quý nhất để tôn thờ. Thông qua “Oai linh của thần thánh”, người nông dân thể hiện sức mạnh của chính bản thân mình, đồng thời cũng nói lên cái ước mong có một sức mạnh huyền bí che chở cho cuộc sống của họ được bình an nơi thôn dã.

Trong ký ức của nhân dân nhiều làng về sinh hoạt văn hoá xã thôn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, đình thường được nhắc đến nhiều hơn. Nhưng ở Đoạn Xá, chùa vẫn là trung tâm sinh hoạt văn hoá của dân ba làng Đoạn Xá, Thượng Đoạn, Vạn Mỹ (nay đã chuyển thành phường). Các ngày lễ tiết ở chùa mở theo chu kỳ hàng năm như sau:

- Ngày mùng 4 tháng Giêng: Khánh hạ. Dân làng mở hội chùa, tổ chức tế Đức ông. Trong ngày hội ngoài việc thờ Phật, cúng Thánh rất trang nghiêm ở trong chùa, trong điện, trên sân chùa còn tổ chức nhiều trò vui chơi như: hát đám,

hát ả đào, kể hạnh, diễn chèo...

- Ngày 15 tháng Giêng làm lễ chư Phật

- Từ ngày 15 đến hết ngày 24 tháng giêng: nhà chùa tổ chức lễ “dâng sao giải hạn” cho dân làng và thiên nam, tín nữ thập phương.

- Mồng 1 tháng 4: Vào hè. Dân làng làm lễ cầu mát.

- Mồng 8 tháng 4 (nay là 15 tháng 4) tổ chức lễ kỉ niệm ngày Phật đản.

Những ngày lễ theo quy định của nhà Phật đều được tổ chức chu đáo ở chùa Vẽ theo thông bạch của Trung ương Hội Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt chùa Vẽ luôn được coi là một di tích gắn bó liên quan chặt chẽ với đền Phú Xá, Phủ Thượng Đoạn, là hai trong “Tứ linh từ” của huyện An Dương xưa, nay là huyện An Hải. Cho nên ngày hội lễ ở Phủ Thượng đoạn (từ mồng 1 đến 15 tháng 3) và đền Phú Xá (từ mồng 1 đến 20 tháng 8). Chùa Vẽ cũng mở cửa đón khách thập phương và là một điểm không thể thiếu trong tâm linh những người đi trải hội.

Ngày xưa, khi đình Đoạn Xá chưa bị phá, ngoài những ngày hội lễ diễn ra ở chùa như đã kể trên, dân làng Đoạn Xá còn tổ chức lễ hội chung ở đình. Đình Đoạn Xá là một trong hàng chục công trình tưởng niệm Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng 938 ở vùng đất ông đã từng lập chiến công xưa.

Hội làng Đoạn Xá diễn ra từ ngày mồng 6 đến hết ngày mồng 9 tháng 2 âm lịch hàng năm. Làng Đoạn Xá xưa chia làm hai giáp, giáp Đông và giáp Bắc. Mỗi giáp lại có một miếu riêng của mình. Miếu giáp Đông thờ Đức Bạch Truật, miếu giáp Bắc thờ Thần Cây Gạo. Vào ngày hội mở: Tối mồng 6 tháng 2, dân làng làm lễ nhập tịch, ngày mồng 7, buổi sáng các giáp rước lợn ông Bò về đình, làm lễ và tổ chức lễ thánh. Buổi tể này do đội tể của làng đảm nhiệm, việc tuyển chọn người và mọi nghi thức diễn ra giống mọi làng xã quanh vùng. Ngày mồng 8 tháng 2 hai làng Thượng Đoạn và Vạn Mỹ rước thần vị của mình về đình Đoạn Xá tham gia hội lễ giao hiếu, giao lân theo lệ cổ. Trong ngày này tổ chức họp tể giữa ba xã, người chủ tể được dành cho làng Đoạn Xá. Khi các làng xã kia vào đám thì dân Đoạn Xá cũng cử một đoàn đại biểu sang dự. Chính việc “kết chạ”, “giao hiếu, giao lân” này đã thắt chặt và tăng cường mối đoàn kết gắn bó các làng xã với nhau trong sự nghiệp chung. Ngày mồng 9 tháng 2 làm lễ kỷ an và kết thúc hội.

Từ sau Cách mạng tháng tám đến nay mọi lễ nghi đã được giản tiện đi nhiều. Qua truyền thuyết, lễ hội và lễ nghi giúp chúng ta hiểu được phần nào quan niệm của người xưa về thế giới và nhân sinh. Chúng ta tôn trọng tín ngưỡng của nhân dân, nhưng cũng kiên quyết bài trừ những tập tục lạc hậu mê tín dị đoan nhằm xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp.

TIỂU KẾT

Hàng ngàn năm lịch sử đã trải qua, ghi dấu những chiến công uy danh lẫy lừng của Hưng Đạo Đại Vương. Không thể phủ nhận công lao to lớn của Ngài cùng những mãnh tướng đem lại cho dân tộc nhiều niềm tự hào về thế hệ cha ông. Những tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của Trần Quốc Tuấn, những mẩu chuyện đời thường nhưng chất chứa biết bao hình ảnh người anh hùng cứu nước, oai phong凛冽 luôn là đề tài để những nhà nghiên cứu khoa học tìm tòi. Để từ đó chúng ta có thể hiểu sâu thêm về bản thân, quan niệm và tư tưởng của ông trong một thời đại đầy biến cố, thời thế tạo anh hùng. Con người được thần thánh hóa với đầy yếu tố kì bí ngay từ lúc sinh ra cho đến lúc thân xác cùng hòa với núi sông, đó là biểu tượng tôn nghiêm của dân chúng. Bởi lòng thành kính đối với Ngài quá lớn lao nên những vị tướng, thân nhân của Ngài cũng được thờ phụng hình thành nên hệ thống Trần triều khá trọn vẹn. Quần chúng không có điều kiện nghiên cứu lịch sử, nhưng đã rất trung thành với lịch sử, không phân biệt chiến công lớn bé, không bị lệ thuộc về trật tự lễ nghi mà đều tôn vinh, ngưỡng mộ các vị.

Do đó, việc có hệ thống Trần triều trong tín ngưỡng Tứ phủ và tín ngưỡng Đức Thánh Trần đã cho ta thấy ý thức dân tộc rất đậm đà trong tâm thức dân gian. Điều kiện lịch sử cũng cho thấy rằng: hình như trong lịch sử Việt Nam, ít có triều đại có được vinh dự trọn vẹn như nhà Trần. Nhà Trần được giành vị trí lớn trong tín ngưỡng Tứ phủ, mà các vương triều khác đều không có được. Hiện tượng này có thể cho thấy, ý thức dân tộc Việt Nam thật là đậm đà ngay cả trong lĩnh vực tâm linh.

Các di tích liên quan đến Trần Hưng Đạo, tuy không phải di tích nào cũng nhận được sự quan tâm đúng mực của các cấp chính quyền nhưng trong lòng những người dân thì tấm lòng thành kính đối với Ngài không bao giờ đổi thay mà sẽ tồn tại mãi theo từng thế hệ. Công lao và sự nghiệp, cuộc đời Trần Quốc Tuấn đối với người Việt luôn là tấm gương sáng chói, xây dựng niềm tin, niềm tự hào dân tộc.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM BẢO TỒN CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ, PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI MỘT SỐ DI TÍCH THỜ TRẦN HƯNG ĐẠO Ở HẢI PHÒNG.

3.1 Thực trạng hoạt động du lịch tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng

3.1.1 Thực trạng về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch

Cơ sở vật chất kĩ thuật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch, cũng như quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch thoả mãn nhu cầu khách du lịch. Các cơ sở hạ tầng lại có vai trò đặc biệt đối với việc đẩy mạnh du lịch. Bởi vậy, sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng là xây dựng, nâng cấp hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật cũng như cơ sở hạ tầng.

Các tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch, còn các cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng tạo điều kiện biến những tiềm năng của tài nguyên thành hiện thực nên được coi là yếu tố quan trọng tạo nên sức hấp dẫn du lịch.

a/ Về cơ sở hạ tầng

Rất nhiều vấn đề tồn tại đối với cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tại một số các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng. Vấn đề đầu tiên là hệ thống giao thông. Không thể phủ nhận việc tìm đến cụm di tích Liên Khê khá phức tạp đối với khách du lịch đến lần đầu nếu không có sự hướng dẫn chi tiết. Giao thông có rất nhiều hạn chế, đoạn đường dài đến thị trấn Núi Đèo đến xã Lưu Kiếm đã được xây dựng, nâng cấp thành đường lớn, phân luồng nhưng khi tiếp cận với lối vào xã Liên Khê thì đó là một vấn đề lớn đối với xe du lịch. Theo lời người dân quanh vùng, con đường đó trước đây nhân dân đã đóng góp rất nhiều tiền của để cải tạo sạch đẹp, song do thời gian cũng như sự lưu thông quá nhiều của các phương tiện vận tải hàng nặng đã cày nát, huỷ hoại nặng nề, tạo nên những hố sâu, vũng gây lụt lội khi mưa lớn...

Điều này có khả quan hơn khi du khách đến với đền Tràng Kênh, con đường mang tên “Trần Hưng Đạo” có gắn biển chỉ dẫn rõ ràng, uốn khúc quanh co nằm trong khu vực quản lí của Nhà máy Xi Măng Hải Phòng. Tuy rằng muốn

vào đến khu vực đền, người ta phải qua trạm gác nhưng đó không phải là sự cản trở nào khi những nhân viên đó luôn tận tình hướng dẫn. Một con đường lớn, sạch đẹp, hai bên trồng rất nhiều cây tạo bóng mát, cảnh quan đẹp cùng với những vườn ươm hoa thơm đua sắc.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tuy đã được hình thành cơ bản: Có mạng lưới giao thông khá, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản nhu cầu trước mắt của sản xuất và đời sống cũng như yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đô thị của quận. Chất lượng đường sá, các nút giao thông vẫn cần tiếp tục được cải tạo, mở rộng; mạng lưới đường nội quận còn thiếu, nhiều đoạn đường quá hẹp, nhiều ngõ cụt chưa được bê tông hoá. Hệ thống cấp nước dù đã có nhiều cố gắng, song chỉ đáp ứng được trên 50% nhu cầu dùng nước sạch của nhân dân, vẫn còn 2 phường hoàn toàn sử dụng nước giếng khoan hoặc nước mưa. Hệ thống thoát nước, về cơ bản vẫn là thoát chung cả nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt lẫn nước mưa bằng hệ thống kênh mương nổi bán kiên cố hoặc bằng đất. Các trạm biến áp và mạng lưới điện cơ bản đáp ứng được nhu cầu dùng điện hiện nay, tuy nhiên, lưới điện vẫn cần được nâng cấp và cải tạo.

Nhìn chung, vấn đề điện nước, y tế ở những điểm di tích này được duy trì và hoạt động tốt, bởi mạng điện lưới quốc gia đã bao quát đến từng vùng dân cư nhỏ nhất của thành phố, cũng như Nhà máy nước cung cấp đủ cho các hộ gia đình. Cùng với đó là hệ thống thông tin liên lạc khá toàn diện, bao quát vùng miền như tại Thủy Nguyên, mạng lưới thông tin liên lạc phát triển với 19 điểm bưu điện văn hoá xã và 2 bưu điện lớn ở thị trấn đã đáp ứng tốt nhu cầu liên lạc của người dân.

b/ Về cơ sở vật chất kỹ thuật

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh du lịch bao gồm: cơ sở lưu trú, ăn uống, phương tiện vận chuyển, các phương tiện vui chơi giải trí là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh du lịch. Do vậy phải đánh giá khả năng cung ứng sản phẩm du lịch trong khu lưu trú, nhà hàng, khách sạn để xem chất lượng sản phẩm du lịch đã đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch ở mức độ nào.

Tại quận Hải An, trên địa bàn thành phố thì đó là quận mới thành lập, khách sạn đăng kí theo hình thức du lịch chỉ có một (Khách sạn Valentine)

nhưng do nằm kề cận với quận Ngô Quyền nên vấn đề về cơ sở lưu trú và dịch vụ kinh doanh nhà hàng không là vấn đề lớn. Cũng như ở Thuỷ Nguyên, các phòng nghỉ hiện nay ở các xã phần lớn đã được trang bị tương đối đồng bộ, các cơ sở lưu trú đều có khả năng đáp ứng được nhu cầu ăn uống tại chỗ cho khách du lịch.

Hiện nay, tại hầu hết các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng đều chưa có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho mục đích du lịch hoàn chỉnh. Xét về mặt bằng các di tích, do vị trí không thuận lợi bởi việc xây dựng các khu dân cư, nhà ở san sát nhau khiến cho di tích nằm co cụm, bị che lấp bởi những toà nhà lớn. Quang cảnh các di tích mất đi sự thoáng đãng, bị thu nhỏ, bó hẹp, khó nhận biết, tìm đường...đây cũng là một trong những lí do chính khiến cho các di tích này ít được đưa vào các tour, tuyến du lịch năng động của thành phố.

Bên cạnh đó là các dịch vụ lưu trú, các cơ sở ăn uống chủ yếu chỉ với quy mô nhỏ lẻ, phục vụ tập trung cho nhân dân quanh vùng. Hoạt động kinh doanh cả về hai lĩnh vực trên dành cho du khách là không hoàn thiện, có chăng chỉ ở di tích lịch sử văn hoá Chùa Vẽ thì ngay cạnh đó có Khách sạn Dầu Khí đáp ứng được phần nào về dịch vụ du lịch nhưng khách cũng không còn sự lựa chọn nào khác. Đây là một thực trạng cần có sự quan tâm, đầu tư và có kế hoạch phát triển quy mô để tạo mầm du lịch cho các di tích này.

3.1.2 Thực trạng về khách du lịch

Có một vấn đề thật đặc biệt đối với các di tích thờ Trần Hưng Đạo tại Hải Phòng là tuy có nhiều di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia và thành phố, song hiện nay một trong những số đó vẫn chỉ được coi là một cơ sở tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng địa phương. Chúng chưa nhận được sự quan tâm đúng mực, sự đầu tư cần thiết của các cấp chính quyền địa phương cơ sở có di tích, để có thể từ từ hướng các di tích này thành những điểm du lịch trong tương lai. Trong khi đó, cơ cấu khách đến với các di tích lại thật giản đơn, chủ yếu là cư dân quanh vùng bao gồm người dân địa phương, các đoàn thể xí nghiệp, công ty, cơ quan làm việc trên địa bàn xã, phường, huyện...gần các khu di tích. Theo như số liệu thống kê của tăng ni chùa Vẽ, khách viếng thăm chùa có số lượng khá ổn định, họ tới chủ yếu để thắp hương, khấn Phật vào ngày mùng một và đêm rằm hàng tháng, chỉ số đó dao động từ 300-400 lượt người. Ngoài ra, còn vào những ngày lễ, khách tới du lịch không đồng đều, nhiều khi là khách quốc tế tới tham

quan đi theo đoàn cũng khá phổ biến. Những tháng có lễ hội như tháng Giêng cho đến tháng Ba âm lịch, số khách đến trên đảo hơn so với ngày thường. Lượt khách trung bình hàng tháng của du khách đến thăm chùa Vẽ lên tới 1.500-2000 lượt người. Cũng như vậy đối với đền Phú Xá, ban quản lý di tích cũng thống kê lượt khách thường xuyên, du khách đến với đền, hoặc để tham quan, hoặc khấn theo giá châu, dường như luôn đến với lượng trung bình từ 600-700 lượt người mỗi tháng. Còn lại đối với khu vực ở huyện Thủy Nguyên, những di tích nơi đó, khách thập phương cũng chỉ thu hút từ những tỉnh gần, kế cận, việc tới tham dự vào ngày hội chưa thật đông đảo. Chính vì vậy, kể cả khi lễ hội có diễn ra thì số lượng khách cũng chỉ đến khoảng hai, ba trăm lượt người.

3.1.3 Công tác quản lý và tổ chức khai thác, tổ chức đội ngũ lao động du lịch

Hiện nay vấn đề quản lý và tổ chức du lịch tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng vẫn chưa được chú ý. Chủ yếu ở khu vực huyện Thủy Nguyên, hiện huyện vẫn chưa có phòng du lịch, các hoạt động du lịch diễn ra trên địa bàn huyện mang tính tự phát, lẻ tẻ và không có sự thống nhất chung.

Đội ngũ lao động, đặc biệt là lao động có trình độ, chuyên môn trong lĩnh vực du lịch chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong nền kinh tế huyện. Một số ít lao động trong ngành du lịch của huyện tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn. Và số lao động cụ thể trong ngành du lịch của huyện hiện vẫn không thể xác định được bởi nó cũng không có một cơ quan tổ chức cá nhân nào đứng ra thống kê.

Thủy Nguyên là huyện có tài nguyên du lịch khá phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên việc nhận thức của cơ quan chính quyền và nhân dân địa phương về việc khai thác các giá trị tài nguyên du lịch còn rất hạn chế, tuy tiện chưa có quy hoạch tổng thể để định hướng khai thác các di tích một cách hợp lý và có hiệu quả.

Tại các di tích người dân địa phương tự huy động kinh phí sửa chữa, tu bổ không làm đúng các văn bản hướng dẫn, việc tu bổ còn mang tính tự phát thiếu sự giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành. Sự việc đó xảy ra đối với đền Thụ Khê, vốn là một di tích rất có giá trị về văn hoá lịch sử, nhưng không nhận được sự quan tâm đúng mực của các cấp chính quyền, nhân dân tự giác xây dựng lại ngôi đền này. Vấn đề xuất hiện khi kinh phí không đủ, các công trình còn dang dở chưa thể hoàn thành, cũng như kết cấu của di tích bị thay đổi hoàn toàn, mất đi giá trị kiến trúc. Chính sự tự giác đó dẫn đến làm phá vỡ nguyên

gốc di tích. Hơn nữa, việc tu bổ lại các di tích lịch sử văn hoá do một số nhà sư trụ trì mời một số cá nhân đứng ra tôn tạo nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do họ không hiểu biết được giá trị đích thực của chúng.

Có thể nói, doanh thu chủ yếu có được thông qua sự đóng góp của cư dân địa phương. Số doanh thu này lại được quay hồi sử dụng cho việc tổ chức lễ hội, còn lại là kinh phí dành cho tôn tạo và giao hiếu, giao lân giữa các di tích quanh vùng khác nhau. Đây cũng chính là lí do của việc hiện tại vẫn chưa có hoạt động thu phí nào tại các di tích này, vì vậy đội ngũ hướng dẫn viên cũng không có điều kiện để hình thành mà chủ yếu là do các ban quản lí của địa phương trông coi.

Hiện nay nguồn vốn đóng góp để trùng tu các di tích chủ yếu vẫn là do sự đóng góp chủ yếu của nhân dân địa phương vì mục đích tâm linh, hầu hết nhân dân địa phương đều chưa sẵn sàng làm du lịch, chưa được phổ biến về các giá trị của di tích với hoạt động du lịch. Mặt khác do chưa hiểu biết về giá trị của các di tích nên dẫn đến tình trạng xâm phạm lấn chiếm di tích để xây dựng nhà ở và các công trình khác đã làm mất mỹ quan của khu di tích, việc khai thác đá vôi vật liệu xây dựng, than đá cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến cảnh quan di tích

Việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao nên gây nhiều lãng phí tài nguyên. Vấn đề ở chỗ khai thác các tiềm năng này thiếu một sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động khác của tỉnh, huyện có di tích nằm trong đó...

3.1.4 Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của các điểm di tích

Các điểm di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương tại Hải Phòng, trải qua thời gian do sự tác động của môi trường thiên nhiên nên đã có một số di tích bị xuống cấp. Mặc dù TN có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch nhưng công tác quản lí bảo vệ, tôn tạo, các di tích lịch sử văn hoá cũng như các điểm du lịch khác chưa được chú trọng dẫn đến một số di tích lịch sử văn hoá cũng như các điểm du lịch khác đã bị xuống cấp hoặc bị phá huỷ, bỏ hoang. Việc quản lí Nhà nước về du lịch trên địa bàn huyện còn hạn chế và có nhiều vấn đề bất cập, chưa có cán bộ chuyên ngành hiểu biết và có kiến thức sâu về vấn đề này.

Mặt khác một phần cũng là do hoạt động du lịch vào mùa cao điểm diễn ra ồ ạt làm cho môi trường ngày càng bị suy thoái. Tại các điểm di tích vào những ngày diễn ra lễ hội như ngày 5 tháng Ba (âm lịch), đền Phú Xá tổ chức hội tượng

nhớ công lao của nữ tướng hậu cần Bùi Thị Tự Nhiên, lượng khách thập phương đến rất đông, hiện tượng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường làm mất đi cảnh quan thoáng mát, trong lành của ngôi đền. Điều này ít nhiều cũng làm cho môi trường ở những điểm di tích bị ảnh hưởng. Hơn nữa khi du khách khi đến tham quan các di tích, còn có những hiện tượng viết vẽ lên tường làm giảm đi giá trị thẩm mỹ.

Mặc dù chính quyền địa phương và người dân địa phương đã có những nhận thức hơn về hoạt động du lịch trong chiến dịch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Nhưng thực tế cho thấy nhận thức này còn rất hạn chế và có nhiều bất cập, nhận thức của người dân trong vùng trọng điểm du lịch và lợi ích trước mắt mà ý thức bảo vệ tài nguyên còn ít quan tâm, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch tương xứng với giá trị vốn có của nó.

Một hiện tượng phổ biến trong các lễ hội đó là hiện tượng người ăn xin, và trẻ em lang thang, gây ra nhiều cảnh tượng không đẹp mắt. Ngày hội của chùa Vẽ,

họ xếp thành hàng dài tại khu vực cổng chùa khiến cho nhiều khách thập phương cũng như dân cư quanh vùng tỏ ý ngán ngẩm. Trong khu vực di tích, đội ngũ bán hàng, chụp ảnh chèo kéo khách rất phổ biến gây cảm giác khó chịu cho du khách để lại ấn tượng không tốt. Khi đến đền Phú Xá, tại khu vực sân đền, những hàng bán bánh đa nướng bày la liệt những xảo bánh của mình, mời chào khách tích cực, tiếng ồn, tiếng quát tháo làm mất đi vẻ tôn nghiêm của đền.

Ngoài ra cũng còn một vấn đề chung của tất cả các di tích là việc thắp hương khấn bái của con nhang Phật tử, những người đi lễ mua vàng tiền, nến để tự do trên các khám thờ gây hình ảnh thiếu thiện cảm đối với khách thập phương nơi xa và khách nước ngoài đến tham dự. Việc thắp hương, đốt tiền vàng như vậy ít nhiều làm ô nhiễm môi trường, khói mịt mù gây khó thở, cay mắt và đáng nói hơn là gây lãng phí rất nhiều tiền của.

3.2 Một số giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển du lịch tại một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng

Để các di tích này thực sự trở thành những địa chỉ giáo dục truyền thống và là những sản phẩm du lịch có sức hút khách du lịch trong nước và quốc tế, cần ưu tiên thực hiện một số vấn đề sau:

3.2.1 Giải pháp xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch

a/ Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật

** Cơ sở lưu trú:*

Đơn cử như huyện Thủy Nguyên, các cơ sở lưu trú hiện nay của huyện còn đơn điệu về loại hình chủ yếu là khách sạn và nhà nghỉ, chủ yếu tập trung ở khu vực thị trấn trung tâm còn tại các điểm thắng cảnh, các khu du lịch hầu như còn thiếu. Vì vậy, cần đa dạng hoá các loại hình du lịch lưu trú để thoả mãn nhu cầu đa dạng của du khách như: làng du lịch, biệt thự du lịch, bungalow, nhà vườn, lều trại...

Khi xây dựng các cơ sở lưu trú cần lưu ý kết hợp yếu tố truyền thống và hiện đại, giữ gìn phần hồn bản sắc văn hoá nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ, khuyến khích xây dựng bằng các vật liệu truyền thống như gỗ, tre, mái lá. Đồng thời phải đảm bảo sự đồng bộ với nội thất bên trong. Như vậy, sẽ tạo được sự khác biệt với các khách sạn tiện nghi hiện đại ở thành phố, giúp du khách có thể cảm nhận sự khác biệt của du lịch Thủy Nguyên.

Có thể xây dựng những biệt thự nhỏ đầy đủ tiện nghi ẩn mình trong cây xanh, trong những vườn cây trái ven sông, ven đồi đáp ứng nhu cầu của những du khách có khả năng chi trả cao. Bên cạnh đó, Thủy Nguyên có diện tích vùng đồi khá rộng lớn, bề mặt tương đối bằng phẳng là điều kiện thuận lợi để phổ biến hình thức lưu trú lều trại, cho khách thuê các trang thiết bị và vật dụng cần thiết để dựng trại qua đêm còn các cơ sở lưu trú chỉ cần chuẩn bị một mặt bằng giữa khung cảnh thiên nhiên đẹp, trong lành. Đây là hình thức kinh doanh đơn giản, vốn đầu tư ít, lại khá thân thiện với môi trường vì nó không phá vỡ cảnh quan.

** Cơ sở ăn uống*

Ngày nay nhu cầu ăn uống của du khách đã được nâng lên một bước trở thành nghệ thuật ẩm thực. Do đó thường thức các món ăn đặc sản của địa phương cũng là một động lực thúc đẩy người dân đi du lịch nhiều hơn. Bên cạnh sự cuốn hút của các di tích thờ Trần Hưng Đạo về giá trị lịch sử văn hoá, thì các cơ sở ăn uống cần phát huy thế mạnh về những món ăn ngon, hấp dẫn và rất đặc trưng được chế biến từ nguyên liệu truyền thống. Có thể đưa vào cả những sản phẩm từ câu chuyện tích lương nuôi quân năm xưa của Trần Hưng Đạo như món bánh đa nướng thơm mùi vị ngọt ngào của quê hương. Các nhà

hàng quán ăn nên tổ chức đa dạng từ cao cấp đến bình dân phục vụ nhiều đối tượng khách khác nhau.

Kết hợp vào đó, người ta có thể xây dựng các nhà hàng chuyên phục vụ những món ăn đặc sản địa phương, nhà hàng theo phong cách dân tộc đậm nét thôn quê dân dã từ kiến trúc, cách bài trí đến hương vị các món ăn... Đồng thời các nhà hàng nên được xây dựng ở những vị trí thoáng mát ven sông hồ, các dòng kênh để tạo cảm giác thú vị thoải mái cho khách khi thưởng thức các món ăn.

** Cơ sở vui chơi giải trí*

Nhu cầu vui chơi, giải trí của khách du lịch là rất lớn và nó có sức hút nhất với du khách. Hiện nay các loại hình vui chơi giải trí của Hải Phòng còn hết sức đơn điệu. Do đó cần xây dựng cơ sở vui chơi giải trí với đa dạng các loại hình hơn nữa để có khả năng thu hút khách cao hơn. Các khu vui chơi giải trí xây dựng đảm bảo các yếu tố an toàn, bền vững về kỹ thuật, đẹp về mỹ thuật, tạo được giá trị độc đáo và hấp dẫn du khách. Ban ngày tổ chức các hoạt động tham quan, leo núi, bơi lội, các hoạt động câu cá, bơi thuyền, thả diều... để tăng thời gian lưu lại của khách du lịch tại các điểm tham quan cần đa dạng hoá các loại hình hoạt động vào ban đêm như các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian (ca trù, hát đúm), tổ chức các trò chơi dân gian, tuy nhiên cần tránh thương mại hoá làm mất đi vẻ đẹp của các giá trị truyền thống, các hình thức lửa trại, hội chợ... xây dựng thêm các vũ trường, quán bar để đáp ứng nhu cầu giải trí của giới trẻ.

** Các cửa hàng và các cơ sở cung cấp các dịch vụ bổ sung*

Do nhu cầu mua sắm của khách du lịch là rất lớn, do đó cần tổ chức các cửa hàng thương nghiệp đáp ứng các nhu cầu của khách: cửa hàng bán rau quả, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng chuyên dùng dành cho du lịch. Đặc biệt là các cửa hàng bán đồ lưu niệm tại các điểm du lịch, đầu mối giao thông, cơ sở lưu trú: đồ thủ công mỹ nghệ bằng các vật liệu truyền thống như gốm, sứ, mây, tre đan...

Cũng như trong và ngoài khu vực các di tích, cần phát triển những loại hình kinh doanh cung cấp các hàng hoá đa dạng cho du khách lựa chọn. Đối với những mặt hàng lưu niệm cần chú ý tới kỹ thuật gia công, tính độc đáo của các sản phẩm, sản phẩm có thể dựa trên tích truyện về cuộc đời và sự nghiệp của Hưng Đạo Vương...

b/ Phát triển cơ sở hạ tầng

* *Giao thông vận tải*

Như đã nhắc đến trong phần thực trạng, tại một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng thì có đền Thụ Khê ở Thủy Nguyên thì con đường tới địa điểm đó cần có sự thay đổi lớn. Có thể nói hiện nay mạng lưới đường bộ, đường thủy trên địa bàn huyện đã hình thành tương đối hợp lí nhưng để có thể khai thác tốt khả năng phục vụ, phát triển du lịch cần thiết phải nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ, đường liên xã bởi bề mặt chúng quá hẹp và đã bị xuống cấp nhiều. Nhanh chóng triển khai và hoàn thiện các dự án đưa vào hoạt động góp phần phát triển mạng lưới giao thông để đến với các di tích một cách nhanh chóng thuận tiện hơn...

Bên cạnh việc cải tiến chất lượng tuyến lộ giao thông, ta cũng cần chú trọng hơn tới việc tăng cường về số lượng và chất lượng các phương tiện vận chuyển đường bộ, đường thủy... Các phương tiện chuyên chở khách du lịch cần trang bị thiết bị tiện nghi đầy đủ, chú ý tới các điều kiện đảm bảo an toàn cho hành khách.

* *Mạng lưới cung cấp điện, nước*

Mạng lưới cung cấp điện nước của thành phố đã khá phát triển, nhưng để phục vụ cho nhu cầu rất lớn của khách du lịch và các khu vui chơi giải trí trong thời gian tới thì vẫn còn thiếu, nhất là vào những ngày hè nóng nực. Hiện nay tình trạng cắt điện thường xuyên liên tục theo vòng tuần hoàn từng cụm dân cư gây tình trạng thiếu điện, ảnh hưởng lớn đến chất lượng kinh doanh của các cơ sở du lịch. Cùng với đó là tình trạng thiếu nước sạch vào mùa hè vẫn còn xảy ra. Tuy chỉ là hiện trạng luân phiên nhưng gây sự khó chịu cho người dân, đặc biệt là khách du lịch. Do đó thành phố cần phải xây dựng quy hoạch tổng thể mạng lưới cung cấp điện nước trong toàn huyện theo quy hoạch chung.

- Đối với mạng lưới điện: cần xây dựng hệ thống lưới điện hạ thế để từ đó có kế hoạch đầu tư, nâng cấp, cải tạo xây dựng mới đường dây hạ thế và các trạm biến áp (dự kiến đến năm 2020 trên toàn huyện Thủy Nguyên sẽ có khoảng 60 trạm biến áp).

- Hệ thống cấp nước sạch: cần đánh giá hiện trạng nguồn nước bề mặt, nước ngầm, tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại các điểm du lịch để cung cấp nước sạch cho du khách và các hoạt động vui chơi giải trí. Tại các điểm du lịch, các vùng cảnh quan sinh thái danh thắng có thể xây dựng các nhà

máy nước vừa và nhỏ, trạm xử lí nước sạch hoặc các giếng khoan lấy nước sạch tại chỗ.

** Hệ thống bưu chính viễn thông*

Để phục vụ cho nhu cầu liên lạc, trao đổi thông tin của khách du lịch, Hải Phòng cần tổ chức nâng cao năng lực cho bưu điện trung tâm thành phố, các bưu cục khu vực quận, huyện...phát triển mạnh mạng lưới bưu cục trên toàn tỉnh, các ki-ô-t điện thoại lẻ, điểm bán sim thẻ điện thoại, các điểm truy cập internet. Cần chú trọng thực hiện xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông và truyền hình, trong đó cần cốt yếu là đầu tư vào mạng lưới viễn thông hiện đại, đồng bộ và rộng khắp nhằm cung cấp các dịch vụ đa dạng chất lượng cao.

3.2.2 Giải pháp bảo vệ, tôn tạo và tu bổ di tích

Việc bảo vệ tôn tạo những tài nguyên di tích lịch sử văn hoá, nhất là các di tích có giá trị quốc gia có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu hút khách du lịch đến với Hải Phòng. Để tài nguyên du lịch có hiệu quả cao và lâu dài, bên cạnh việc khai thác quá tải thì phải có sự bảo vệ, đầu tư, tôn tạo chúng...Đây là điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch bền vững.

Hiện nay, các di tích lịch sử văn hoá nói chung đều đang rơi vào tình trạng khai thác quá tải, ít được tôn tạo hoặc đầu tư chưa đúng yêu cầu kĩ thuật nên dần bị xuống cấp và giảm dần giá trị theo thời gian. Để đảm bảo khai thác lâu dài thì phải có sự kết hợp hài hoà giữa khai thác và đầu tư, tôn tạo nhằm gìn giữ những giá trị văn hoá lịch sử, không chỉ để phục vụ cho khai thác phát triển du lịch mà còn để lưu truyền cho thế hệ mai sau.

Hải Phòng có hệ thống các di tích lịch sử văn hoá rất phong phú và đa dạng. Tuy nhiên việc quản lí và khai thác vẫn chưa hợp lí vì các điểm di tích phần lớn giao cho xã, thôn quản lí nên thiếu kinh nghiệm và kinh phí cho việc tu bổ tôn tạo. Một số điểm di tích bị xuống cấp, một số khác được trùng tu, xây dựng mới thì không bảo lưu được những giá trị kiến trúc truyền thống, thay vào đó là những mảng bê tông cốt thép làm mất đi giá trị thẩm mỹ, những nét riêng biệt độc đáo của di tích mà chính nó mới là yếu tố hấp dẫn du khách. Chính vì vậy, những nguồn lợi thu được từ du lịch cần phải đóng góp một phần vào sự tôn tạo và tu bổ các di tích, công việc cụ thể như: nhờ sự tư vấn của các chuyên gia về trùng tu di tích, các giáo sư, những nhà nghiên cứu có tầm hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực kiến trúc, điều khắc cùng thảo luận về việc tu bổ để có thể tôn tạo, tái tạo những công trình cần thiết mà không gây ảnh hưởng nghiêm trọng, không

phá vỡ nguyên gốc di tích. Do đó, địa phương cần có kế hoạch quản lí, tu bổ, đầu tư kinh phí hợp lí để thành lập các ban quản lí tại các điểm di tích.

Vấn đề bảo tồn di tích cần theo quan điểm tổng thể: hoà nhập cảnh quan địa lý và cảnh quan văn hoá vùng thành một hệ thống hữu cơ. Quy hoạch khu di tích phải gắn liền với bảo vệ cảnh quan văn hoá truyền thống của vùng, địa phương. Kéo dài tuổi thọ của các di tích, đảm bảo tính bền vững của di tích trong thời gian, ưu tiên cho việc giữ gìn nguyên vẹn đầy đủ các di tích gốc, ưu tiên nghiên cứu, phát hiện và bổ sung tư liệu lịch sử. Hạn chế tối đa sự thay thế, nhất là thay thế bằng các vật liệu mới. Duy trì các truyền thống văn hoá, phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể: thuần phong mỹ tục, trang phục truyền thống trong các lễ hội, văn hoá ẩm thực.

Bên cạnh đó, cần có các biện pháp nghiêm cấm những hành vi xâm hại đến các di tích, danh thắng. Hạn chế việc thắp hương, nghiêm cấm sờ tay vào hiện vật, viết vẽ lên di tích, thực hiện tuyên truyền cho nhân dân địa phương và khách du lịch có ý thức hơn trong việc bảo vệ di tích, không làm hư hại đến các hiện vật, không mua bán cổ vật...

Việc đầu tư cho bảo vệ tôn tạo khu di tích này sẽ giúp cho ngành du lịch của Hải Phòng phát triển, bảo tồn và phát huy được những bản sắc văn hoá đặc trưng của vùng. Khai thác đi đôi với bảo vệ di tích là một định hướng đúng đắn cần được các cấp các ngành nghiêm túc thực hiện và tuyên truyền rộng rãi cho nhân dân địa phương và du khách.

3.2.3 Giải pháp duy trì và tổ chức các lễ hội truyền thống

Lễ hội như là cuộc đời thứ hai của con người bởi nó không chỉ mang yếu tố tâm linh mà còn là sinh hoạt của cuộc sống cộng đồng với ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên việc tham gia, tổ chức như thế nào để vừa bảo tồn và vừa phát huy những giá trị ý nghĩa tích cực của lễ hội, nhất là lễ hội truyền thống bởi vì các lễ hội chính là bộ phận quan trọng của di sản văn hoá.

Trong hệ thống di tích thờ đức Thánh Trần, cần phải duy trì các lễ hội truyền thống hàng năm tiêu biểu tại các di tích thờ Ngài như: lễ hội đền Phú Xá, lễ hội chùa Vẽ...đặc biệt là lễ hội tại cụm di tích Liên Khê, tiêu biểu cho hình thức hoá chiến thắng Bạch Đằng.

Tổ chức lễ hội phải nêu được mục đích, yêu cầu, nội dung, diễn trình của lễ hội, các nghi thức truyền thống nếu có kết hợp với các cuộc thi, các trò chơi được tổ chức một cách quy củ để cho du khách có thể tham gia. Suu tầm và

nghiên cứu nét độc đáo của các lễ hội khác để vừa tạo nên tính mới mẻ mà vẫn giữ được tính truyền thống của lễ hội để thu hút du khách. Tuy nhiên trong việc duy trì lễ hội phục vụ du lịch, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp các ngành, các nhà nghiên cứu, tránh tình trạng xô bồ, pha tạp hỗn loạn để có thể định hướng và kiểm soát được.

Việc bảo vệ các tài nguyên nhân văn phi vật thể như lễ hội và các sinh hoạt văn hoá cần được chọn lọc, tránh ngộ nhận những gì sai trái cũng cho là bản sắc dân tộc, cần loại bỏ những hoạt động đồng bóng, mê tín dị đoan, bói toán, yểm bùa. Bảo tồn và gìn giữ những sinh hoạt văn hoá, những trò chơi trong phần hội vì đó chính là linh hồn của các lễ hội truyền thống mà nếu mất đi chúng thì lễ hội sẽ trở nên đơn điệu và tẻ nhạt, kém sức hấp dẫn. Các phòng văn hoá quận, huyện cần có sự phối kết hợp với các ban ngành có liên quan của địa phương, thành phố và trung ương trong việc khôi phục hội tại các điểm di tích trên.

3.2.4 Giải pháp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực

Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan chuyên môn, các ban ngành trong huyện, các địa phương có di tích trong việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị nhiều mặt của di sản văn hoá trên địa bàn. Chính quyền các cấp phải có trách nhiệm đối với các di sản văn hoá trên địa bàn mình quản lí, xoá bỏ hiện tượng thương mại hoá các hình thức dịch vụ văn hoá ở di tích. Quản lí thống nhất và có hiệu quả các nguồn thu như vé tham quan di tích, hòm công đức, tiền lễ trên các ban thờ, các dịch vụ trông giữ ô tô, xe máy và hàng quán trong khu vực di tích...v.v để tái đầu tư cho di tích cũng như có cách phân bổ hợp lí nhằm đảm bảo lợi ích của Nhà nước cũng như của cá nhân những người tham gia các dịch vụ. Ưu tiên đầu tư kinh phí cho việc tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp các di tích lịch sử có giá trị đặc biệt quan trọng. Đầu tư vốn xây dựng cơ bản để tu bổ, tôn tạo các di tích có giá trị, có khả năng thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

Để thực hiện được những mục tiêu trên trước hết thành phố cần thành lập phòng du lịch quận, huyện đóng vai trò là cơ quan điều hành, quản lí mọi hoạt động du lịch của quận, huyện. Đây là một giải pháp quan trọng giúp khai thác các giá trị văn hoá của cụm di tích phục vụ cho hoạt động du lịch nói chung và hoạt động du lịch văn hoá nói riêng, đồng thời bảo tồn được giá trị của các di tích, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc phát triển loại hình du lịch văn hoá bởi nguồn nhân lực phục vụ trong hoạt động du lịch là người thổi hồn cho di tích, làm cho di tích trở lên sống động hơn, lôi cuốn du khách hơn.

Vì thế mà việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, nắm vững đường lối chính sách và chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, có trách nhiệm và kiến thức sâu rộng, có kinh nghiệm trong tu bổ, tôn tạo di tích. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ cơ sở, đặc biệt là những người trực tiếp trông nom di tích để họ có thể truyền đạt những thông tin chuẩn xác có giá trị tới mọi tầng lớp nhân dân và khách thập phương.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch. Nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành du lịch với cơ cấu nhân lực phù hợp. coi trọng và tăng cường hợp tác giữa các địa phương về đào tạo nguồn nhân lực du lịch.

Có chính sách đãi ngộ hợp lí để thu hút nhân tài, chuyên gia, nghệ nhân tham gia vào việc phát triển du lịch của huyện, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động kinh doanh du lịch.

3.2.5 Giải pháp xây dựng các kế hoạch nhằm quảng bá du lịch

Quảng cáo là một hoạt động quan trọng đối với sự phát triển du lịch, là một công cụ hữu hiệu của Marketing du lịch giúp khách du lịch biết tới sản phẩm du lịch của địa phương đảm bảo sự thu hút khách và tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch. Việc cung cấp thông tin cho du khách vùng nội thành về các chương trình du lịch, các tour du lịch mới là một việc quan trọng vì nó khơi dậy nhu cầu đi du lịch của du khách.

Cần áp dụng tổng hợp các hình thức tiếp thị du lịch để nâng cao hiệu quả như quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng: đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng, cổng thông tin điện tử của Thành phố, Sở Văn hoá, thể thao và du lịch của thành phố cũng như trên báo, tạp chí du lịch...có thể dưới hình thức các phóng sự, phim tài liệu, trang du lịch địa phương. Hình thức này tỏ ra có hiệu quả vì nó giúp cho người dân cảm nhận được màu sắc, hình ảnh, âm thanh và có thể phổ biến rộng rãi. Đồng thời, tiến hành biên soạn và phát hành những ấn phẩm có chất lượng và thông tin chính xác về du lịch để giới thiệu với khách du lịch về con người và cảnh quan, tài nguyên du lịch, những thông tin về điểm lưu trú tham quan du lịch, các nhà hàng, khách sạn, các điểm vui chơi, giải trí, giá cả, các địa chỉ cung cấp thông tin về du lịch...bằng các sách hướng dẫn du

lich, tập gặp, tờ rơi đến các cơ quan, công sở, trường học, các khu dân cư, các cụm công nghiệp có mặt trên địa bàn thành phố. Đây là hình thức đơn giản mà tương đối hiệu quả vì nó có khả năng lưu giữ thông tin tốt có thể nhắm đúng tới thị trường khách có nhu cầu mà du lịch đang muốn tiếp thị.

Để tăng cường tuyên truyền, quảng bá cho du lịch đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của Nhà nước và địa phương về cơ chế chính sách cũng như ngân sách để thành lập vận hành các văn phòng xúc tiến, phát triển du lịch. Sau đó, đưa các tour các chương trình du lịch tới các đại lý lữ hành, các kênh phân phối để họ tự chào bán, giới thiệu. Đây là hình thức quảng cáo rất hiệu quả đỡ tốn kém thu hút được nguồn khách lớn mà lại giảm được chi phí xúc tiến.

Ngoài ra cần tận dụng cơ hội để tổ chức hoặc tham gia các sự kiện văn hoá, thể thao, các hội chợ ẩm thực, hội chợ hàng thủ công mỹ nghệ, các buổi triển lãm, các buổi liên hoan văn nghệ, các ngày lễ kỉ niệm trọng đại cũng như cần tranh thủ các hội nghị hội thảo, diễn đàn về du lịch để quảng bá.

Lập Website, phát hành các ấn phẩm về văn hoá như đĩa CD, giới thiệu về danh lam thắng cảnh, con người, về các khu du lịch, điểm du lịch của huyện với du khách. Khuyến khích các tổ chức cá nhân lập các công ty, đại lý lữ hành trên địa bàn huyện để nghiên cứu về thị trường du lịch, tìm nguồn khách và thiết lập các tour du lịch độc đáo dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có.

3.2.6 Một số kiến nghị cụ thể

Trong những năm gần đây, du lịch ở Hải Phòng đã và đang phát triển, đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của thành phố. Tuy nhiên để ngành du lịch của thành phố phát triển ổn định và vững mạnh hơn thì Nhà nước, các cấp chính quyền cần quan tâm và đầu tư hơn về mọi mặt. Vấn đề cấp thiết ở đầu tiên là cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho du lịch tại các điểm di tích lịch sử văn hoá có giá trị.

Về giao thông, con đường liên xã vào cụm di tích Liên Khê cần phải được sửa sang lại, nâng cấp khẩn trương để các xe du lịch có thể đi vào một cách an toàn. Cần có bảng biển chỉ dẫn to, rõ ràng, chi tiết và cụ thể cho du khách khi tìm đến với di tích, và những hiểu biết sơ lược về nó. Mong rằng trong thời gian ngắn nữa, các cụm di tích này sẽ trở thành một điểm du lịch sôi động, nhận được sự quan tâm nhiều hơn và du khách sẽ không phải băn khoăn, phàn nàn cũng như ngại ngần vì xe du lịch khó vào.

Tại di tích đền Thụ Khê, việc tổ chức lễ hội truyền thống về chiến thắng Bạch Đằng đang dần bị mai một, không có sự chỉ đạo của chính quyền địa

phương và cũng thiếu kinh phí tu bổ nên di tích cũng dần bị lãng quên. Cần có sự tôn tạo, tu bổ cần thiết cho di tích này, cũng như khôi phục lại lễ hội truyền thống, cần tôn tạo các nghi lễ cổ truyền, cũng như hội hè vui chơi... chính quyền cần quản lý chặt chẽ, tránh lãng phí, tổ chức phù hợp với điều kiện kinh tế ở địa phương.

Khi tiến hành khai thác du lịch, luôn phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường. Những điểm di tích như đền Tràng Kênh mới được xây dựng, cần chú trọng tuyệt đối tới việc gìn giữ cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp xung quanh ngôi đền, cũng như tránh tình trạng lượng khách du lịch đến đông không quản lý được ý thức, hành vi của họ gây hiện tượng xả rác bừa bãi và rác thải không được xử lý... Nếu không có sự quản lý chặt chẽ, tình trạng như vậy xảy ra thường xuyên sẽ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Do đó, chính quyền địa phương cần có sự quy hoạch hợp lý về nơi đổ rác tại các di tích nhằm đảm bảo cho môi trường xung quanh trong sạch, phát triển bền vững.

TIỂU KẾT

Hải Phòng là thành phố cảng, đô thị loại 1 của Việt Nam và cũng là một trong những trọng điểm du lịch của cả nước. Tiềm năng du lịch của Hải Phòng xếp vào một trong những điểm đứng đầu cảnh quan thiên nhiên đẹp, di tích lịch sử, di tích cách mạng khá nhiều, rải rác khắp nội ngoại thành, hải đảo như di chỉ Cái Bèo cổ xưa, vườn quốc gia Cát Bà – khu dự trữ sinh quyển thế giới, bảo tàng sinh vật trên núi đá vôi mọc ở biển, danh thắng Tràng Kênh, Việt Khê (Thuỷ Nguyên) trong khu vực Bạch Đằng...

Hải Phòng đồng thời cũng là môi trường hình thành nên các di tích, trong đó có các di tích lịch sử văn hoá thờ Trần Hưng Đạo. Hiện nay, một số các di tích thờ Trần Hưng Đạo tại Hải Phòng vẫn còn nghèo nàn về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật, nguồn nhân lực phục vụ du lịch chưa có, chưa nhận được sự quan tâm đúng mực của các cấp chính quyền, có di tích gần như còn bị lãng quên... Thực trạng này có ảnh hưởng rất lớn đối với việc phát triển du lịch đòi hỏi những người có trách nhiệm quản lý, những nhà lãnh đạo cần phải có những biện pháp thiết thực để giải quyết những yếu kém đó. Đó là điều đúng đắn khi cần nhanh chóng đưa các di tích này trở thành một hệ thống giới thiệu một cách hoàn chỉnh về vị Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại Vương, là những nơi thờ phụng trang nghiêm, xứng đáng với công lao của Ngài đối với dân tộc.

KẾT LUẬN

Hải Phòng là vùng đất có bề dày lịch sử lâu đời, với những quần thể di tích có giá trị lịch sử văn hoá cao, mang đậm nét văn hoá truyền thống. Hiện nay những giá trị văn hoá ở Hải Phòng đang bước đầu được khôi phục và đưa vào khai thác phục vụ cho phát triển du lịch. Tại Hải Phòng, du lịch văn hoá với hình thức chủ yếu là tham quan các di tích và lễ hội đang là loại hình được phát triển mạnh. Loại hình này lôi cuốn du khách đến tham quan các di tích lịch sử văn hoá như đình, đền, miếu, các lễ hội cùng các tín ngưỡng phong tục của làng xã.

Các di tích, lễ hội, phong tục tập quán là những yếu tố bảo lưu phong tục truyền thống của làng xã, cấu thành nên yếu tố văn hoá đậm sắc dân tộc cho địa phương, mang đậm tính cộng đồng của cư dân Việt. Thông qua đó góp phần quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn hoá. Loại hình du lịch này góp phần giáo dục các tầng lớp nhân dân hướng về nguồn cội, giáo dục lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Tìm hiểu giá trị các di tích, lễ hội sẽ đáp ứng được nhu cầu về tìm hiểu lịch sử các vùng miền cho phát triển văn hoá du lịch, đặc biệt là giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Tuy nhiên hoạt động du lịch văn hoá ở đây chưa thực sự phát triển tương ứng với tiềm năng vốn có. Do đó để hoạt động du lịch đem lại hiệu quả cao thì rất cần có sự quan tâm của Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương, cần có những chính sách khuyến khích đầu tư cho phát triển du lịch của Thành phố. Bên cạnh đó cần có những giải pháp tôn tạo, đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá và giáo dục cho người dân địa phương và du khách về vai trò của họ trong việc gìn giữ bảo tồn các di sản văn hoá. Cơ quan chính quyền Nhà nước và người dân địa phương cũng cần phối hợp để khắc phục những khó khăn trong việc phát triển du lịch của thành phố, để ngành công nghiệp dịch vụ du lịch trở thành ngành trọng điểm.

Bên cạnh đó, trong tất cả các thời đại lịch sử, con người đã dựng nên rất nhiều các di tích chứa đựng trong đó là những lí tưởng, khát vọng và những quan điểm của mình về cuộc sống. Nhiều di tích đến nay vẫn giữ được nét đặc sắc mang phong cách của những thời đại sản sinh ra nó. Với hàng nghìn di tích lịch sử văn hoá danh thắng minh chứng về một Hải Phòng - miền đất có bề dày lịch sử truyền thống văn hoá, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc. Các di tích đều được tạo nên bởi khối óc bàn tay của các thế hệ cha ông, chứa đựng những

giá trị tinh thần cao quý của dân tộc, được chắt lọc qua bao thăng trầm của lịch sử.

Trong số rất nhiều di tích lịch sử văn hoá danh thắng đó của Hải Phòng, hệ thống di tích thờ Trần Hưng Đạo chiếm một số lượng không nhỏ. Các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng đã ghi dấu và chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, giá trị văn hoá gắn liền với biết bao thăng trầm lịch sử của vùng đất.

Hải Phòng là vùng đất an lành nên tụ cư từ rất sớm, trong quá trình sinh sống và làm ăn của mình, những con người nơi đây đã tạo nên một quần thể các di tích khang trang, bề thế. Vùng đất này đã gắn liền với những chiến công hiển hách trong chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi vùng biên viễn Đông Bắc Tổ quốc. Khi đến với Hải Phòng, đến với những di tích này, du khách sẽ cảm nhận một cách chân thực, sinh động cuộc sống của người dân hôm nay và quá khứ ngàn xưa. Đó là những yếu tố, những điều kiện thuận lợi để phát triển cho loại hình du lịch văn hoá nhân văn.

Trong thời đại ngày nay, khi nền kinh tế phát triển, con người càng có xu hướng đi du lịch, các quốc gia trên thế giới ngày càng xích lại gần nhau thì nền văn hoá đã trở thành một loại hình hấp dẫn và lôi cuốn được đông đảo khách du lịch. Vì vậy, việc khai thác tài nguyên văn hoá để phát triển du lịch cần gắn liền với việc giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc, đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững.

Do điều kiện còn hạn chế nên khoá luận chưa có điều kiện đánh giá đầy đủ về giá trị cũng như hoạt động của các di tích. Vì thế, khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót nên em rất mong được sự góp ý, phê bình của các thầy cô giáo và các nhà nghiên cứu để giúp cho đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban quản lí các di tích đền Phú Xá, đền Thụ Khê; Phòng Văn hoá thông tin quận Hải An; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Phòng đã cung cấp cho em một số tư liệu cần thiết. Đặc biệt em xin cảm ơn thầy Giới Định tại Chùa Vẽ đã chỉ dẫn tận tình cùng những thông tin xác thực nhất để bài viết có chất lượng cao.

Nhân đây, em muốn nói lời cảm ơn tới các thầy cô giáo trong và ngoài khoa Du lịch của trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình giảng dạy em trong thời gian qua. Đặc biệt, em xin cảm ơn sâu sắc tới Ths.Vũ Thị Thanh Hương - người đã giúp em định hướng đề tài, hướng dẫn phương pháp điền dã, thu thập tư liệu và hình thành ý tưởng khoa học được thể hiện trong khoá luận này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hồ sơ di tích Chùa Vẽ* – năm 1993
2. *Địa lý du lịch* - Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) NXB TP. Hồ Chí Minh, 1999
3. *Trần Hưng Đạo – nhà quân sự thiên tài*, (Viện lịch sử quân sự Việt Nam – Bộ Quốc Phòng)
4. *Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thế kỷ 13* (Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm)
5. Báo cáo tóm tắt Quy hoạch phát triển tổng thể du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010, Tổng cục du lịch.
6. *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc* (Hoàng Lương) NXB Đại học quốc gia Hà Nội - 2002
7. *Tục thờ Đức Mẫu Liễu - Đức Thánh Trần* (Vũ Ngọc Khánh) NXB Văn hoá thông tin
8. *Việt sử giai thoại, tập 3, (71 giai thoại thời Trần)* - Nguyễn Khắc Thuần – NXB Giáo dục, năm 2006
9. *Danh tướng Việt Nam - tập 1* , Nguyễn Khắc Thuần – NXB Giáo dục
10. *Du lịch văn hoá Hải Phòng* – Trần Phương, NXB Hải Phòng, năm 2006
11. *Khoá luận đã tham khảo các đề tài thuộc thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.*
 - Đề tài: “*Tìm hiểu tài nguyên du lịch quận Hải An - Hải Phòng phục vụ khai thác và phát triển du lịch*” của sinh viên Giang Thị Ngọc Hân.
 - Đề tài: “*Tìm hiểu các giá trị văn hoá của cụm di tích thờ các vua Trần ở huyện Đông Triều, Quảng Ninh*” của sinh viên Nguyễn Mạnh Tuấn.
 - Đề tài: “*Khai thác giá trị lịch sử, văn hoá các di tích thờ tướng quân nhà Trần ở huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng phục vụ cho du lịch*” của sinh viên Bùi Thị Hoa.

WEBSITE:

Trang thông tin điện tử của Tổng cục du lịch.

<http://www.vietnamtourism.gov.vn>

Trang thông tin điện tử Thành phố Hải Phòng.

<http://www.haiphong.gov.vn>

Ngoài ra còn tham khảo các website sau:

<http://www.baohaiphong.com.vn>

<http://www.consonkiepbac.org.vn>